



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hán

Vấn đề trong tháng

Việt Nam bắt đầu giai đoạn mở cửa ồ ạt

Trong bài xã luận tháng 2-1994 (Thông luận số 68), chúng tôi đã nhận định về hội nghị giữa nhiệm kỳ của đảng cộng sản từ 20 đến 25-1-1994 như sau: "*Hội nghị đã chỉ để ra một quái thai: phe thủ cựu đã thắng thế để vẫn bị bắt buộc phải thi hành một chính sách mới ngày một cởi mở hơn*". Đó là điều đang xảy ra. Hiện tượng nổi bật nhất trong ba tháng qua là sự tăng trưởng ồ ạt về mọi mặt của các trao đổi với bên ngoài.

Đầu tư nước ngoài đang nhanh chóng gia tăng vận tốc. Người ta không còn đếm được các tổ hợp, công ty, doanh nhân bắt đầu hoạt động, lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, hay tới Việt Nam để thăm dò các vận hội kinh doanh. Hoạt động của doanh nhân ngoại quốc tại Việt Nam đang đặc biệt sôi động.

Hạ tuần tháng 4-1994, một hội nghị quan trọng, Hội nghị hợp tác khu vực sông Mê Kông, do Ngân hàng Phát triển Châu Á chủ trì diễn ra tại Hà Nội với kết quả là một kinh phí đầu tư về hạ tầng cơ sở 12 tỷ USD đã được quyết định. Tác dụng rõ rệt nhất của dự án đầu tư vĩ đại này là mở cửa và nối liền Việt Nam với các

nước lân cận: bốn đường bộ, một nối liền Bangkok-Phnom Penh-Sài Gòn, một nối liền Bắc Thái Lan-Lào-miền Trung Việt Nam, một nối liền Côn Minh-Hà Nội, và một từ Vân Nam xuyên qua Lào đi vào Tây-Bắc Việt Nam; hai đường sắt, một nối liền Bangkok-Phnom Penh-Sài Gòn, một nối Vân Nam với Hà Nội.

Hai phái đoàn Việt Nam, do thủ tướng Võ Văn Kiệt dẫn đầu, cũng đã đi tham gia hai hội nghị hợp tác khu vực khác trong tháng 5: Hội nghị về các cơ hội kinh doanh tại ASEAN, Trung Quốc và Việt Nam tại Singapore; hội nghị hợp tác khu vực Thái Bình Dương. Trong cả hai hội nghị này vấn đề được đặt ra và thỏa thuận là gia tăng hợp tác.

Các nhân vật cầm đầu nhà nước cộng sản Việt Nam cũng đã thăm viếng nhiều nước. Trong tháng 5, ông Kiệt đã thăm viếng Singapore, Mã Lai, Miến Điện; trong tháng 6, ông Kiệt còn thăm viếng ba nước lớn nhất của Liên Xô cũ là Nga, Ukraine và Kazakhstan. Ông Lê Đức Anh thăm Indonesia. Quan trọng hơn cả có lẽ là chuyến công du Hoa Kỳ của một phái đoàn do phó thủ tướng Trần Đức Lương cầm đầu với kết quả là việc thiết lập các phái bộ đại diện chính thức tại thủ đô hai nước.

Trong tháng 4, Việt Nam cũng đã tiếp thủ tướng Úc Paul Keating, thủ tướng Thụy Điển Carl Bildt. Thủ tướng Thụy Điển đã công khai chỉ trích chính sách nhân quyền của Hà Nội nhưng, mặc dầu sự kiện này, Hà Nội đã chấp nhận để Thụy Điển lập một toà tổng lãnh sự tại Sài Gòn, đáp ứng yêu cầu gia tăng trao đổi giữa hai nước. Chuyến viếng thăm của thủ tướng Úc đã đi đến thỏa thuận gia tăng trao đổi thương mại và hợp tác. Úc tăng mức viện trợ cho Việt Nam lên gấp đôi năm 1993, đạt con số 200 triệu đô-la Úc (khoảng 160 triệu USD), ngược lại Hà Nội chấp nhận để một phái đoàn Úc, trong đó có 3 dân biểu Úc và hai Việt kiều, tới Việt Nam điều tra về tình trạng nhân quyền.

Ngoài ra còn ba cuộc thăm viếng cấp bộ trưởng của Nga, của Tiệp Khắc và của Pháp. Cũng phải kể một phái đoàn 60 doanh nhân thuộc tổ hợp M-Group của Thái Lan.

Trong lãnh vực thuần túy kinh tế, có thể kể hiệp ước phát triển du lịch giữa Trung Quốc và Việt Nam, thỏa ước Việt Nam-Trung Quốc theo đó Trung Quốc giúp Việt Nam 150 triệu USD để phục hồi khu gang thép Thái Nguyên, việc khai mạc tuyến du lịch đường bộ Thái Lan - Lào - Việt Nam, cuộc triển lãm Việt-Mỹ với sự tham gia của 45 công ty Mỹ.

Đó chỉ là để kể những sự kiện nổi bật. Trong chiều sâu, mức độ trao đổi với bên ngoài còn gia tăng mạnh mẽ hơn nhiều. Sự

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng

3. Chính trị quốc tế:

Khi những kẻ học nghề phù thủy...

4. Nhận xét về "Bài nói của ông Đỗ Mười"

6. Góp ý kiến

7. Về những người dám nói...

10. Ổn định chính trị...

12. Lan man chuyện ...tình.....

13. Về trẻ em bất hạnh

15. Giải nhân quyền Wallenberg

16. Lộ trình của một người

18. Tưởng niệm Lê Văn Đăng

19. Lời tiễn biệt...

20. Bạn đường

21. Chết rồi vẫn còn đóng góp

22. Thương tiếc

24. Thời sự - Tin tức

30. Họp thân hữu Thông luận

31. Độc giả viết

32. Sở tay: Đá bóng

Huỳnh Hùng

L.M.Chân Tín

Nguyễn Xiển

Nam Long

Diệp Tường Bảo

Đỗ Mạnh Tri

Nguyễn Văn Huy

Nguyễn Chính Phương

Nguyễn Gia Kiểng

Cung Điền

Trần Thanh Hiệp

Phạm Trọng Luật

Đình Quang Anh Thái

Lê Mạnh Tường

Phù Du

gia tăng trao đổi này đã khiến chính quyền cộng sản phải chấp nhận nhiều biện pháp rất có ý nghĩa.

Trước hết cuộc thảo luận về bổ túc và tu chỉnh luật pháp cho phù hợp với tình huống mới đang đạt tới một mức độ sôi nổi chưa từng có. Không thể lật một tờ báo nào trong nước mà không gặp một bài thảo luận về vấn đề luật pháp. Điều chắc chắn và rõ rệt là các đạo luật sẽ phải được soạn thảo ra, hoặc tu chỉnh lại, trong chiều hướng thuận lợi cho hoạt động kinh tế, gia tăng đảm bảo và bãi bỏ những phiền phức cho doanh nhân.

Một cách cụ thể hơn, chính quyền cộng sản đã chấp nhận một đạo luật khuyến khích đầu tư của người Việt hải ngoại, đã chấp nhận -sau nhiều do dự- việc thành lập một hiệp hội ngân hàng, và cũng đã chấp nhận để các công ty Việt Nam được quyền lập văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Những nhượng bộ ấy, dù bản chất là kinh tế, cũng sẽ làm cho xã hội Việt Nam đổi khác về cơ bản và chắc chắn sẽ đặt lại vấn đề nền tảng của chế độ.

Bị bắt buộc phải liên tục lùi bước trước sự chuyển mình của xã hội Việt Nam, đảng cộng sản để lộ những dấu hiệu bối rối rờ rệt. Chính sách tử thủ trong đường lối độc tài đang chịu sức ép càng ngày càng dữ dội hơn của thực tại và đã khiến đảng cộng sản mất đồng thuận nội bộ ngay cả ở cơ quan đầu não.

Trong bài nói chuyện với cán bộ (xem Thông Luận số 72), ông Đỗ Mười gào thét là phải giữ vững lập trường đấu tranh giai cấp, giữ chắc chủ nghĩa Mác-Lênin, phải cảnh giác tối đa âm mưu diễn biến hòa bình nham hiểm của đế quốc. Đế quốc nào nếu không phải là Mỹ? Ngay sau đó, ông phó thủ tướng Trần Đức Lương, sau chuyến công du ở Mỹ về, lại bày tỏ lòng tin tưởng ở thiện chí của Hoa Kỳ và khẳng định là Hoa Kỳ chỉ mong muốn Việt Nam được hòa bình và ổn vững để phát triển. Vậy phải tin ông Đỗ Mười hay ông Trần Đức Lương? Trong khi ông Đỗ Mười lớn tiếng kêu gọi phải thẳng tay với những phần tử phản động chống chủ nghĩa xã hội, đòi đa nguyên đa đảng, thì ông Võ Văn Kiệt lại tuyên bố "*phải nêu cao đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt chính kiến*". Vậy ông Đỗ Mười hay ông Kiệt, ông nào nói có thẩm quyền?

Phải chăng ông Đỗ Mười nói tiếng nói của "phe thủ cựu", còn các ông Võ Văn Kiệt, Trần Đức Lương đại diện cho "phe canh tân"? Cũng không chắc, bởi vì không nên quên rằng cách đây bảy tháng chính ông Đỗ Mười đã thỏa thuận, và một phần nào đó đã khuyến khích, một cuộc hội nghị về phát triển Việt Nam của một tổ chức đối lập (Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ) trong khi nhóm ông Kiệt lại ra lệnh cấm và bắt giam những người đứng tên tổ chức hội nghị này. Rất khó nhận định ai là ai. Giữa những thay đổi thái độ và ngôn ngữ đó, người ta chỉ có thể rút ra một kết luận: đảng cộng sản bối rối và chao đảo trước áp lực của thực tại. Thực tại đó là, mặc dầu sự ngoan cố của những người cầm quyền, xã hội Việt Nam vẫn tiếp tục chuyển hóa nhanh chóng theo chiều hướng gia tăng tự do.

Nhận xét này không có nghĩa là chúng ta có thể yên tâm. Mở cửa và hội nhập với thế giới là một vận hội nhưng cũng là một thử thách lớn, và hiện nay rõ ràng là chúng ta không được chuẩn bị để đương đầu với thử thách này.

Tuy trên thực tế sự kềm kẹp càng ngày càng bớt đi nhưng Việt Nam vẫn còn một chính quyền cực kỳ độc đoán và hung bạo. Mọi quyền tự do chính trị, ngôn luận, văn hóa, tư tưởng vẫn còn bị chà đạp. Người Việt Nam vẫn còn phải chịu quá nhiều hạn chế và cấm đoán để có thể vận dụng hết khả năng của mình trong cuộc

độ sức vốn đã rất chênh lệch đang mở ra với thế giới bên ngoài. Việt Nam giống như một võ sĩ bị còng tay và bị mất rồi dấn vào đấu trường.

Sức khỏe của đất nước ta, kể cả sức khỏe kinh tế, vô cùng bi đát. Nhờ sự nói lỏng một số trói buộc và nhờ sự triệt thoái đáng kể của đảng cộng sản trong hoạt động kinh tế, một số tiến bộ rõ rệt đã đạt được. Việt Nam đã bắt đầu có tăng trưởng, lạm phát đã chế ngự được, cán cân thương mại tương đối thăng bằng, khối lượng trao đổi ngoại thương và đầu tư nước ngoài gia tăng. Nhưng đó chỉ là những chỉ số mà các định chế tín dụng dùng để quyết định cho vay hay không cho vay, chúng không đủ để đánh giá sức khỏe của một nền kinh tế và càng không đủ để đánh giá sức khỏe của một quốc gia. Thực tế là ngày hôm nay chúng ta là một quốc gia bệnh hoạn và suy nhược.

Hệ thống y tế của ta hoàn toàn sụp đổ, dụng cụ làm việc quan trọng nhất là sức khỏe của người dân không được đảm bảo. Giáo dục của ta xuống cấp một cách khủng khiếp, 50% trẻ em Việt Nam không đi học, chỉ có 1% thanh niên Việt Nam vào được đại học và trình độ các trường đại học của ta không xứng đáng với tên gọi trường đại học. Mỗi sinh của ta bị phá hủy thẳng tay, 2/3 diện tích rừng đã bị tiêu diệt trong 20 năm qua. Chênh lệch xã hội trầm trọng như chưa bao giờ thấy; Sài Gòn, Hà Nội không thiếu những nhà hàng 100USD một bữa ăn nhưng cũng có vô số gia đình rất đói. Chênh lệch giàu nghèo không phải chỉ có giữa người và người mà còn trầm trọng giữa vùng nọ và vùng kia, lợi tức bình quân của miền Nam gấp hơn ba lần miền Bắc và gấp hơn mười lần nhiều tỉnh miền Trung. Những chênh lệch đó càng ngày càng gia tăng, gây chia rẽ giữa các miền và đe dọa sự thống nhất của đất nước. Trầm trọng hơn cả là các giá trị đạo đức cơ bản bị băng hoại nặng nề và con người xuống cấp. Đối trá và bịp bợm đã trở thành một tập quán kinh doanh, sự lưu manh đã được bình thường hóa.

Sau cùng, tám vại nền của xã hội Việt Nam hiện nay là tham nhũng và buôn lậu. Về điểm này ít nhất có đồng thuận; cả nhân dân, đối lập, lẫn chính quyền đều đồng ý rằng tham nhũng và buôn lậu không những không giảm đi mà còn không ngừng tăng lên.

Viễn ảnh tự nhiên của cuộc đấu không cân xứng và nhất là không chuẩn bị này là chúng ta sẽ thua và mất chủ quyền kinh tế vào tay người ngoại quốc. Một khi đã mất chủ quyền kinh tế thì chẳng bao lâu chúng ta cũng sẽ mất luôn chủ quyền chính trị, và lần này không thể dùng vũ lực để lấy lại. Mở cửa là điều bắt buộc và cũng là điều mà mọi người đều mong đợi, nhưng mở cửa như thế này và trong tình huống này là một tai họa.

Tình hình đất nước đang cực kỳ nghiêm trọng nhưng tại sao đại đa số người Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, lại hồ hững và khí thế đấu tranh chính trị lại yếu kém? Yên tâm vô ý thức hay xuôi tay bỏ cuộc? Người ta có thể giải thích rằng khi đất nước đã thành của riêng của tập đoàn cầm quyền thì người dân không còn lý do để quan tâm tới nữa, rằng một sự thất vọng đã kéo dài quá lâu đối với chính quyền có thể biến thành sự chán nản với chính đất nước. Nhưng giải thích chưa phải là giải quyết. Vấn đề then chốt vẫn là lấy lại ý chí cho toàn dân, phục hồi lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm. Muốn như thế, không có chọn lựa nào khác hơn là, một mặt, khẳng định rằng vẫn có thể có một tương lai Việt Nam chung và, mặt khác, lớn tiếng báo động về những nguy cơ đang chờ đợi ta trước mắt.

Thông Luận

Khi những kẻ học nghề phù thủy chơi với lửa

Bắc Triều Tiên sắp có bom nguyên tử? Một câu hỏi đối với một số quốc gia là một nghi vấn, đối với một số khác là một thực thể có thể hăm dọa hòa bình và an ninh thế giới bằng hiện tượng lan tràn của vũ khí hạch nhân và nhất là vũ khí này có thể vào tay các nước có những tham vọng chính trị và quân sự không kiểm soát được.

Khi các chuyên viên Bắc Triều Tiên không cho phép các nhân viên của Cơ quan Quốc tế Năng lượng Nguyên tử đang làm việc tại trung tâm Yongbyon kiểm tra xem Bắc Triều Tiên có dùng lên lút nguyên liệu uranium của trung tâm này để chế tạo pho sản plutonium có thể dùng để hoàn thành, theo một số dữ kiện tình báo, bốn hoặc năm bom nguyên tử. Tổng thống Mỹ, trong chuyến du hành vào tháng 6 vừa qua tại Châu Âu để tham dự lễ kỷ niệm 50 năm Đồng minh đổ bộ tại Normandie, đã phải nhúc óc không ít về vấn đề này.

Để ngăn cản Bắc Triều Tiên tiếp tục chương trình chế tạo bom nguyên tử, Hoa Kỳ đã đề ra các biện pháp trừng phạt, phần lớn là kinh tế và thương mại trong khuôn khổ những nghị quyết của Liên Hiệp Quốc.

Một trong những biện pháp được xem là kiến hiệu nhất là cấm dân lao động Bắc Triều Tiên đang làm việc tại Nhật Bản chuyển tiền về nước. Số ngoại tệ này được ước lượng trung bình vào khoảng một tỷ USD một năm. Đây là biện pháp làm cho Bắc Triều Tiên, không còn ngoại tệ, sẽ tê liệt guồng máy kinh tế vì không có thể nhập cảng hàng hóa ngoại quốc, đồng tiền Bắc Triều Tiên không có giá trị trên thị trường quốc tế. Nhưng đây là con dao hai lưỡi có thể gây ra chiến tranh tại Triều Tiên vì tổng thống Bắc Triều Tiên, Kim Il Sung bị ép vào bước đường cùng; một diễn biến mà Nhật Bản chống đối, do đó khó lòng ép chính phủ Nhật cấm kiều dân Triều Tiên chuyển ngân về nước.

Biện pháp thứ hai là Trung Quốc không cung cấp dầu hỏa cho Bắc Triều Tiên. Theo thống kê chính thức, Trung Quốc cung cấp 75% nhu cầu dầu hỏa cho Bắc Triều Tiên. Khi nguồn nhiên liệu này cạn, quân đội sẽ không còn phương tiện cơ khí và sẽ hoàn toàn đi vào con đường khủng hoảng. Nhưng biện pháp này khó thực hiện được vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất là tính chất bất khả thi của nó, ngay khi biện pháp này chính thức được chính phủ Trung Quốc chấp nhận và thi hành, vì lẽ các tay đầu cơ, buôn lậu Trung Quốc sẵn sàng bán dầu cho Bắc Triều Tiên bằng các đường dây mà các cơ quan kiểm soát quốc tế khó mà phá hủy được. Đó là chưa kể chính phủ Trung Quốc không chấp nhận thi hành bất cứ biện pháp trừng phạt nào đối với Bắc Triều Tiên. Thái độ này của Trung Quốc được giải thích bởi nhiều lý do. Trước hết là lý do tình cảm, trong cuộc chiến tranh Triều Tiên vừa qua, hàng triệu hồng quân Trung Quốc đã bỏ mình tại đây vì vũ khí và quân đội Hoa Kỳ, một thái độ ủng hộ Tây phương và nhất là Hoa Kỳ một cách quá lộ liễu, bỏ rơi cựu đàn em trước kia là một điều mà đại đa số quân nhân và dân chúng Trung Quốc khó chấp nhận. Trên phương diện này, Trung Quốc có thể được xem như là một bài học đạo đức chính trị cho một số nước láng giềng, trong đó

có Việt Nam. Ngoài ra, Trung Quốc cần có bài trong tay để thương lượng với Hoa Kỳ trong các cuộc điều đình thương mại cũng như làm giảm áp lực của Hoa Kỳ đối với các vi phạm nhân quyền một cách trắng trợn đã và đang xảy ra trong xứ. Một lý do khác không kém phần quan trọng là những biện pháp trừng phạt nếu được chấp nhận và thi hành với sự tham gia và ủng hộ tích cực Trung Quốc, không sớm thì muộn sẽ làm sụp đổ chế độ độc tài thứ ba tại Châu Á. Sự sụp đổ này sẽ là bước đầu có thể lôi cuốn sự sụp đổ của chế độ cộng sản láng giềng Trung Quốc. Đó là ngón đòn gây ông đập lưng ông mà con cháu Tôn Võ Tử đủ sáng suốt và khôn ngoan để tránh.

Ngoài những lý do khách quan trên khiến cho những biện pháp cấm vận của Hoa Kỳ khó thực hiện còn có những lý do chủ quan khác làm cho lá bài này khó chơi hơn nữa. Người ta vẫn cho rằng Kim Il Sung dùng lá bài nguyên tử này để cứu vãn chế độ, cứu vãn chính cả nhân ông ta và tạo một ưu thế cho con là Kim Jong Il, tuy sẽ kế vị Kim Il Sung, nhưng không có được hào quang như cha. Nếu cha con họ Kim thắng được keo này, người con sẽ được quàng vào vai tính chính thống khi lên ngôi, nhưng lại có lập luận cho rằng tham vọng của Kim Il Sung giống như tham vọng của De Gaulle, khi muốn tạo cho nước Pháp một lực lượng nguyên tử với bất cứ giá nào. Nghĩa là những trái bom nguyên tử của Bắc Triều Tiên không những để cứu vãn chế độ, nhưng còn để cứu vãn đất nước chính Kim Il Sung đã tạo dựng nên. Trong những điều kiện tâm lý đó, bất cứ biện pháp trừng trị nào, dầu cứng rắn đến đâu cũng vô hiệu.

Khi đã biết rằng biện pháp trừng trị sẽ không có một cơn con hy vọng thành công, tại sao tổng thống Clinton, được xem như là một người bình thường, tuy rằng kinh nghiệm trên trường ngoại giao quốc tế chưa lấy gì già dặn cho lắm, lại điên rồ đi làm những việc mất thì giờ như vậy?

Trước hết có những nguyên tắc đạo đức và tâm lý chính trị bắt buộc phải hành động như vậy. Hoa Kỳ hiện nay không còn là người cảnh sát của thế giới tự do, không nước nào và chính Hoa Kỳ cũng không muốn đóng vai trò này nữa. Nhưng một tiếng nói, một lời cảnh cáo của Hoa Kỳ vẫn còn đóng phần không nhỏ vào việc duy trì ổn định hoặc bất ổn định quốc tế. Nếu không cảnh cáo Bắc Triều Tiên, thì các quốc gia khác, đáng kể là Iraq, Lybie... sẽ không còn e dè gì để chế tạo hoặc trang bị bằng các vũ khí nguyên tử. Lý do chiến lược khá quan trọng khác là muốn lôi kéo các đồng minh vào một cuộc can thiệp bằng vũ lực để bắt buộc Bắc Triều Tiên hủy bỏ các tham vọng nguyên tử của mình, trước hết Hoa Kỳ phải chứng tỏ đã làm tới đa tất cả những gì có thể làm được bằng những áp lực không vũ lực, nhưng không mang lại kết quả nào cả.

Một sáng kiến khác đã đem lại kết quả khả quan, ít nhất trong lúc này. Đó là sứ mạng đã được cựu tổng thống Mỹ, Carter, hoàn thành. Sau khi đã đàm luận với Kim Il Sung, trong một cuộc thăm viếng Bình Nhưỡng gần đây, cựu tổng thống Carter cho biết là tổng thống Bắc Triều Tiên chịu "đông lạnh" chương trình nguyên tử và sẵn sàng gặp gỡ tổng thống Đại Hàn để nói chuyện hòa bình và tương lai của hai xứ.

Đây không phải là lần đầu tiên Kim Il Sung chịu nhượng bộ một cách dễ dàng như vậy. Có thể đó là chính sách "một bước lùi, hai bước tiến" quá quen thuộc của các lãnh tụ cộng sản. Hy vọng hai bước tiến sắp tới của họ Kim sẽ không để nhân loại phải chứng kiến cuộc chiến tranh Triều Tiên thứ hai.

Huyền Hùng

Nhận xét về "Bài nói của ông Đỗ Mười"

tại nghị cán bộ do Ban bí thư triệu tập tại Hà Nội ngày 3-3-1994

L.M. Chân Tín

Trong tình hình Mỹ cấm vận, mở cửa kinh tế theo thị trường tự do của các nước tư bản, với "diễn biến hòa bình" trong và ngoài nước, ông Đỗ Mười gọi đảng viên: "trước hết phải đứng vững trên quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp".

Giai cấp nào đây? Đây là vấn đề then chốt: Giai cấp những người lao động nghèo đói bị bóc lột ngày hôm nay trên đất nước này, hầu "giai cấp công nhân" không có gì là công nhân, nhưng là giai cấp của các "quan cách mạng", giai cấp mới bóc lột nhân dân lao động đến xương tủy. Đấu tranh giai cấp để giai cấp thống trị hiện nay mãi độc quyền, độc tôn, nắm toàn quyền kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, y tế, v.v...

Để bảo đảm độc quyền của "giai cấp mới" phải nô lệ hóa nhân dân, phải đập lên con người, đập lên trên những quyền căn bản nhất của con người. Không có vấn đề địa phương, đối với quyền căn bản của con người. Con người có tự do, không ai có quyền tước đoạt tự do của con người, bằng cách lập luận "mỗi nước có đặc thù, có truyền thống, có pháp luật của mình". Truyền thống hay luật pháp bất công, đàn áp con người, thì truyền thống đó, luật pháp đó, phải bị hủy bỏ. Nhân loại càng văn minh càng phải làm cách mạng hủy bỏ cái truyền thống, cái luật pháp bất công đó. Ông Đỗ Mười nêu lên truyền thống độc quyền, luật pháp vi hiến, chống lại bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền mà nước CHXHCNVN đã đặt bút ký với các dân tộc văn minh.

Ông Đỗ Mười nói đến công lao của ĐCSVN đã "giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, xóa bỏ ách thống trị, bóc lột, áp bức bất công, mang tự do, hạnh phúc cho mọi người". Có phải vậy không? Công nhân thứ thiệt vẫn nghèo đói, vẫn bị bóc lột, vẫn bị áp bức, còn hơn thời thực dân. Chỉ có một nhóm người nhỏ tự cho mình là "giai cấp công nhân" mới được giàu có, quyền chức, sống trên đầu trên cổ của người lao động nghèo, những công nhân sống với đồng lương chết đói. Họ xóa bỏ ách thống trị thực dân để áp đặt một ách thống trị nặng nề hơn, khắc nghiệt hơn. Lịch sử 70 năm chế độ cộng sản ở Liên Xô và 45 năm ở Đông Âu, và nay ở Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba và CHXHCNVN cũng là để chứng minh cái ách thống trị độc tôn, độc đảng, độc quyền đó. Ngày nay bóc lột, áp bức, bất công càng lớn hơn tất cả các chế độ thực dân phong kiến xưa nay. Thời phong kiến ngày xưa là phong kiến tự phát, nơi này nơi khác không có tổ chức, không để cho nô lệ thiếu đói, chết bệnh, không bắt nô lệ ca ngợi mình. Ngày nay, chế độ cộng sản là một tập đoàn phong kiến có tổ chức. Mất hết tự do, không có hạnh phúc, người dân phải

nói mình có hạnh phúc, mình có tự do, mình sống trong chế độ dân chủ hơn cả triệu lần dân chủ tư bản.

Về đấu tranh tư tưởng, tôi nghĩ những Hà Sĩ Phu, những Nguyễn Hộ, những Phan Đình Diệu, những Bùi Tín, những Lữ Phương là những đảng viên có cỡ đã nói quá nhiều về sự lỗi thời, sự lạc hậu, sự tàn lụi của chủ nghĩa Mác-Lê.

Ông Đỗ Mười ca ngợi chủ nghĩa Mác-Lê, chỉ lặp lại bài học cũ kỹ. Mác, Anghen, Lênin đã phân tích sâu sắc bản chất chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra con đường đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giải phóng dân tộc, xóa bỏ ách thống trị, bóc lột, áp bức bất công, mang tự do, hạnh phúc cho mọi người. Ông Đỗ Mười nói thuộc lòng bài học đã nhét vào đầu từ khi mới vào đảng. Lý thuyết là thế, mà sự thực lại trái ngược, như mọi người đến hôm nay đều đã thấy, kể các nhà trí thức, khoa học trong đảng. Đứng trước các nhà trí thức, nhà khoa học lên án nặng nề chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, ở Việt Nam, ông Đỗ Mười nói sùng bái bàn bảo "cán bộ trong các viện nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, các nhà chính trị, các nhà văn hóa phải có thái độ, phải lên tiếng. Tại sao ta lại ngồi yên, ở thế bị động suốt mấy năm nay. Sắp tới ta còn bị động nữa...". Ông Đỗ Mười kêu gào "đừng để chúng vừa ăn cướp, giết người, vừa la làng". Ai la làng đây? Tước hết nhân quyền và dân quyền của người dân, rồi bảo chế độ ta dân chủ hơn cả triệu lần. Chỉ một điểm chính yếu đó cũng đủ để biết ai... và la làng.

Ông Đỗ Mười bảo: "Một số phần tử xấu nói thế kỷ 20 là thế kỷ cộng sản giết người lớn nhất trong lịch sử, nên phải chôn vùi nó". Chủ nghĩa cộng sản, chế độ cộng sản chỉ tồn tại 70 năm trên đất nước Liên Xô, 45 năm trên Đông Âu, 40 năm ở Việt Nam, thế mà bảo cuộc tàn sát của Stalin, thủ tiêu hàng triệu sinh mạng vì họ là những người vô tội bất đồng chính kiến. Ngay ở Việt Nam, bao nhiêu người chết vì bị đấu tố để cướp đoạt đất đai của dân, những cuộc thanh trừng các nhà văn, nhà trí thức, cách riêng thời "Nhân Văn Giai Phẩm", bao nhiêu người bị tù đầy, thanh toán, vì nói ngược Đảng. Ở Liên Xô từ ngày có phong trào dân chủ, người ta vạch trần thời ghê rợn của chế độ cộng sản ở Liên Xô. Vụ hàng ngàn sĩ quan Ba Lan bị tàn sát ở Katyn, trước kia cộng sản đổ cho Đức quốc xã, nhưng nay được chứng minh là chính Liên Xô đã tàn sát một năm trước khi Đức quốc xã đến.

Ông Đỗ Mười hỏi: "Ai gây ra chiến tranh thế giới lần thứ hai, làm thiệt mạng mấy chục triệu người". Ông Đỗ Mười không nhớ

rằng chiến tranh đó Đức quốc xã khởi sự chiến tranh với sự đồng lõa của Liên Xô vào những năm đầu của cuộc chiến thứ hai. Nhưng hàng triệu người chết vì bom đạn của chiến tranh, khác với việc cố tình tàn sát hàng triệu người vô tội không cầm khí giới, chỉ vì họ bất đồng chính kiến với Đảng.

Ông Đỗ Mười tố "các thế lực thù địch vu cáo các đảng viên ta độc tài, không có dân chủ". Người ta nói vậy không đúng hay sao? Hay phải gọi độc tài là dân chủ, dân chủ là độc tài? Các chế độ khác có những hạn chế trong một vài lãnh vực, và dân chủ trong nhiều lãnh vực. Ở Việt Nam, độc tài trên mọi lãnh vực: không có tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do phát biểu ý kiến, không có tự do tôn giáo cho các giáo hội tổ chức nội bộ, đặt chức sắc, in ấn sách vở tôn giáo, không được tự do đi lại, cư trú. Cái hộ khẩu nhân dân gọi là "hộ khẩu", một tờ giấy cầm tù tại gia. Muốn ở chỗ khác phải xin phép mà các quan cách mạng tự do từ chối. Còn bầu cử tự do thì phải có ứng cử tự do. Tại Việt Nam chả có ứng cử tự do. Hay có để người ứng cử tự do cho có hình thức, họ cũng bị loại trước khi bầu cử, hoặc làm cò mồi, để lót đường cho các quan cách mạng được Đảng chọn qua cái gọi là Mặt Trận Tổ Quốc. Sự thật như thế mà gọi là dân chủ? Là không độc tài? Là dân chủ hơn cả triệu lần? Người ta nói mà không ngượng miệng. Người ta coi nhân dân là đám con nít hay là đám nô lệ cúi đầu chịu, khi Đảng bảo cái đen là cái trắng thì có dạ dạ vâng vâng bảo là trắng, khổ và nhục cho dân Việt có bốn ngàn năm văn hiến.

Về nhân quyền, ông Đỗ Mười bảo "điều thứ nhất trong công ước của Liên Hiệp Quốc là tôn trọng độc lập, chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc". Nhưng độc lập, chủ quyền, tự quyết để làm gì? Là để đem tự do, hạnh phúc cho người dân, nhưng nếu độc lập để cô lập đất nước bằng một chế độ hà khắc, không muốn ai can thiệp để bảo vệ con người, thì độc lập ấy có lợi ích gì cho con người, cho người dân? Nếu tự quyết do một đảng phái áp đặt một hệ thống cai trị ngược lại với các quyền căn bản của con người, thì tự quyết đó không phải là của nhân dân. Đảng cộng sản Việt Nam luôn nói nhân dân đã chọn chủ nghĩa xã hội, nhân dân nào đây? Một nhóm người áp đặt rồi bảo là nhân dân. Đảng cộng sản thử làm một cuộc trưng cầu ý dân tự do để coi được mấy người ủng hộ chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay trên đất nước. Chắc chắn là Đảng cộng sản không dám rồi.

Về kinh tế, ông Đỗ Mười nói "ta đã đi vào thị trường". Thị trường gì đây? Thị trường tự do với luật lệ hằn hoi, có kỷ cương, luật hay là "thị trường hỗn loạn", không có luật lệ rõ ràng, tình trạng buôn lậu (người người buôn lậu, nhà nhà buôn lậu, cơ quan nhà nước buôn lậu, kể cả UBND và Đảng bộ như vụ Bình Họt), tình trạng tham nhũng lan tràn. Kinh tế cần có sự quản lý, can thiệp của nhà nước, của Đảng như ông Đỗ Mười nói, kinh tế ấy chỉ làm lợi cho những người có chức, có quyền, có ô dù, một thứ Mafia được tổ chức khắp nước, khắp tỉnh thành, để làm lợi cho bản thân họ và cho cả các nước ngoài, lợi dụng cái tham nhũng để có những hợp đồng sang nhượng đất đai, nhà cửa, cơ sở với giá thấp. Và hôm nay, thấy làm ăn quốc doanh lỗ lã, chạy theo thị trường một cách hỗn loạn.

Ông Đỗ Mười nói đến bốn nguy cơ, trong đó có một nguy cơ

khách quan và ba nguy cơ chủ quan, đang đe dọa chế độ cộng sản Việt Nam.

Nguy cơ khách quan là các thế lực thù địch muốn lật đổ chế độ: "Chúng đánh ta, ta đánh lại". Đây chỉ là hoang tưởng. Thời này là thời mà Đảng gọi là "diễn biến hòa bình". Đảng cộng sản hôm nay rất sợ diễn biến hòa bình. Vác súng đánh giặc thì Đảng có nhiều kinh nghiệm. Coi như cộng sản Việt Nam không ngăn chiến tranh, nhưng lại ngăn hòa bình. Diễn biến hòa bình, thì ai làm tốt, ai đem tự do hạnh phúc cho dân thì dân theo. Nếu đảng cộng sản đem tự do hạnh phúc, no ấm hơn ai hết, thì có gì mà Đảng sợ "diễn biến hòa bình"?

Còn ba nguy cơ chủ quan, ông Đỗ Mười đưa ra trước hết "nguy cơ lệch hướng". Hướng nào đây? Hướng của dân hay hướng của Đảng? Hướng của dân là tự do, là dân chủ, là tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền, dân quyền. Hướng của Đảng là độc tài, là đạp tất cả nhân quyền và dân quyền. Đúng là Đảng đang đi "lệch hướng" của nhân dân và ông Đỗ Mười gọi "cái hướng của nhân dân là cái hướng lệch, phải áp đặt thêm nữa hướng độc tài, độc tôn của Đảng. Chính đây là cái nguy cơ lệch hướng đã lâu rồi và Đảng chưa đổi hướng cho đúng hướng của dân.

Nguyễn Trãi nói: "Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân". Đừng sợ kẻ thù lật thuyền, khuyên ông Đỗ Mười đổi hướng cho đúng hướng của người dân.

Về nguy cơ tham nhũng, ông Đỗ Mười tự an ủi là thời nào cũng có tham nhũng, nước nào cũng có tham nhũng. Tham nhũng của các nước có giới hạn và bị phanh phui và đưa ra tòa, kể cả tổng thống, thủ tướng. Ở đất nước này, tham nhũng lan tràn khắp nơi, khắp mọi lĩnh vực, mọi cấp bậc. Có bắt tham nhũng, cũng chỉ ở cấp nào đó, còn mấy "quan cách mạng", các cấp làm ô dù cho tay chân tham nhũng, buôn lậu thì vẫn yên vị hay còn lên chức.

Còn nguy cơ "cơ sở yếu", thiếu tính chiến đấu. Thượng bất chính hạ tắc loạn. Trên tác oai tác quái, thì cơ sở cũng tác oai tác quái. Cứ đi điều tra các xí nghiệp sẽ thấy, các đảng viên là những kẻ tác oai tác quái, tổ chức tham nhũng, và rồi được đề cử tổ chức chống tham nhũng. Như vậy, làm thế nào mà triệt được tham nhũng như ông Đỗ Mười hô hào rất cả cỡ. Càng chống tham nhũng, tham nhũng càng phát triển cách tinh vi hơn, như báo chí của Đảng mới đây có viết.

Nói tóm, bài nói của ông Đỗ Mười không có điểm nào được cả. Muốn đổi mới mà cứ giáo điều cũ. Không nhìn vào thực tế, cứ mãi thuyết Mác-Lê như hồi trước. Các nước cộng sản đã sụp đổ mới mở mắt đảng viên, để đổi mới cho đúng với hướng nhân dân. Nếu nay mai, đảng cộng sản ở Nga và các nước Đông Âu có ảnh hưởng người dân là vì họ đã đổi mới, đã đòi dân chủ, đã đòi đa nguyên, đa đảng, đòi tự do, đòi nhân quyền cũng như các đảng khác.

Đảng cộng sản Việt Nam muốn tồn tại, cần phải đi theo hướng của nhân dân, chấp nhận dân chủ, tôn trọng nhân phẩm, nhân quyền và dân quyền, đa nguyên đa đảng.

L.M. Chân Tín
(Sài Gòn, 30-4-1994)

Ông Nguyễn Xiển góp ý

LTS: Một thân hữu trong nước vừa gửi ra lá thư sau đây của ông Nguyễn Xiển, cựu tổng thư ký Đảng Xã Hội và cựu phó chủ tịch Quốc Hội. Lá thư này gửi cho ông Đỗ Mười, là bài góp ý của ông với hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng Cộng Sản Việt Nam (từ 20 đến 25-1-1994).

Về ông Nguyễn Xiển và Đảng Xã Hội, Thông Luận số 12, tháng 01-89, trong mục tin tức thời sự đã viết như sau: "Có những người không hiểu tại sao mình đi vào lịch sử. Ông Nguyễn Xiển, 80 tuổi, vốn là một người hiền lành, không tham vọng và cũng không có năng khiếu nào đặc biệt. Đi Pháp du học, ông chật vật mãi không lấy nổi bằng cử nhân khoa học, bèn vào học trường Khí Tượng vào một thời đại mà đài khí tượng chỉ có nhiệm vụ tiên liệu một cách đại khái nhiệt độ ngày mai là bao nhiêu. Về Hà Nội, ông được một chỗ làm thoải mái trong đài khí tượng và đã tưởng như vậy là sống yên thân. Thú vui của ông là ngày lại ngày leo lên đài quan sát nhìn qua cửa sổ mấy nhà lầu. Cảnh ưa nhìn nhất của ông là một phòng hút thuốc phiện. Nhưng năm 1946 khi Việt Minh rút khỏi Hà Nội, ông Hồ Chí Minh nghe nói tới "kỹ sư thiên văn Nguyễn Xiển" tưởng là ghê gớm lắm nên ra lệnh bắt ông Xiển đi theo vào Khu vì cứ tưởng ông Xiển là một nhà khoa học lỗi lạc. Ít lâu sau, ông Xiển được thông báo là ông được chỉ định để đứng đầu Đảng Xã Hội, và kể từ năm 1976 được cái chức hão phó chủ tịch Quốc Hội. Trong những cuộc gặp gỡ với đám bạn bè cũ ở Sài Gòn, ông Xiển kể rằng ông chẳng biết đảng của ông gồm những ai và làm gì. Đảng của ông họp khi được Ban Dân Vận và Mật Trữ của đảng cộng sản cho biết sẽ họp đại hội đảng ngày nào, giờ nào, ở đâu. Các "đảng viên" đều là đảng viên của đảng cộng sản cho mượn trong thời gian đại hội để đọc những bài diễn văn đã soạn sẵn, biểu quyết những điều đã định sẵn rồi giải tán. Đảng Xã Hội chỉ là một màn kịch nhạt nhẽo lâu lắm mới diễn một lần. Khi nói chuyện với bạn bè, ông Xiển thích nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa, chứ không bao giờ muốn nói tới chính trị. Và lại, ông không biết gì hết về chính trị và sẵn sàng nhìn nhận như vậy một cách rất vui vẻ".

Bài đóng góp này cho thấy ông Nguyễn Xiển hoàn toàn không còn gắn bó với thời cuộc. Ông chỉ sống trong môi trường hạn hẹp của những người cộng sản đã về già. Trong số những trí thức mà ông cho là bị ngược đãi, ông chỉ kể ra một vài người thuộc "phe ta" mà không nhận thức được qui mô của một cuộc vận động dân chủ rộng rãi hơn nhiều. Người đọc có thể nhận xét sự đúng đắn và ôn hòa cố hữu của ông Xiển, nhưng Thông Luận cũng chia sẻ quan điểm của những độc giả coi đề nghị "thay đảng trị bằng đức trị" là mơ hồ và lảm cẩm. "Đức trị" không những là một khái niệm chưa được định nghĩa rõ rệt mà còn gọi lại cái thời quân chủ "thay trời lấy đức trị dân". Tuy nhiên ông Nguyễn Xiển đã đề nghị bỏ đảng trị để thay bằng đức trị thì ít ra ta cũng có thể đồng ý với ông 50%.

Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 1994

Kính gửi: đồng chí Đỗ Mười

Thưa Anh,

Trước hết tôi xin cảm ơn Anh đã cho người đến thu ý kiến của

tôi đề đạt với hội nghị giữa nhiệm kỳ. Tôi luôn quan tâm tới vận mệnh của đất nước, nhưng với cái tuổi 87, tuổi gần đất xa trời, trí óc tôi không còn được minh mẫn như trước nữa, e có những điều suy nghĩ không được đúng chăng! Tôi đã trao đổi với anh Nguyễn Lân và cùng nhau viết nên bản góp ý này.

Cùng may là tôi còn có vinh dự được nhiều anh em trí thức cũ và mới quý mến và tin cậy. Trong số đó có những đồng chí cũ của tôi ở Đảng Xã Hội Việt Nam và một số anh em trí thức trẻ, kể cả mấy người là đảng viên cộng sản.

Vậy tôi xin trình bày với Anh một số thắc mắc, băn khoăn của anh em để Anh xem xét. Họ nói với tôi nhiều vấn đề nhưng chủ yếu là hai điều chính sau đây:

Một là mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng.

Hai là quan hệ giữa Đảng với trí thức.

Họ nói: "Đảng luôn tuyên bố là Đảng hoàn toàn vì dân, thậm chí là đầy tớ trung thành của dân. Nhưng trong thực tế, từ trung ương đến địa phương, người dân ngoài Đảng hoàn toàn bị lép vế, thậm chí như là thứ dân".

Họ cho rằng số đảng viên so với toàn dân chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ, nhưng từ ban lãnh đạo xã đến chính phủ trung ương, rất hiếm có người ngoài Đảng tham gia. Trong hội đồng nhân dân các cấp cũng như trong Quốc hội, có mấy ai là người ngoài Đảng.

Nhớ lại khi Bác Hồ mới về lãnh đạo đất nước, họ thấy trong Chính phủ của Bác cũng như ở các cơ sở, đa số là những người ngoài Đảng tin Bác và tin Đảng, tận tụy công tác đến cuối đời. Nhìn lại thấy rất ít người mắc khuyết điểm.

Đến nay, thì từ chủ tịch xã, phường đến chánh, phó chủ nhiệm các khoa, trưởng phó phòng hành chính, tuyệt đại bộ phận đều phải là đảng viên. Mà buồn thay trong cái quốc nạn tham nhũng hiện nay thì có thể nói thủ phạm phần nhiều là những đảng viên, vì chỉ họ mới có quyền để mà tham nhũng!

Hôm trước, tôi có báo cáo với anh Phạm Văn Đồng là nhiều người rất thắc mắc về việc Bà Trương Mỹ Hoa đã đưa ảnh Bà Nguyễn Thị Định vào thờ trong đền Hai Bà Trưng. Anh Đồng đã cho đi điều tra. Tôi mong sẽ ngăn ngừa được những việc làm thiêu dân trong như vậy cùng như việc xâm phạm Tháp Rùa trên Hồ Gươm.

Về vấn đề trí thức, anh chị em có nhiều thắc mắc. Họ hỏi tôi: Có phải trí thức ngày nay kém các bác ngày xưa mà trong chính phủ, các cơ quan, kể cả các viện khoa học, hầu như không có một người lãnh đạo nào là người ngoài Đảng.

Họ kể chuyện rằng hiện nay ở Trung Quốc, nhiều viện trưởng, chủ nhiệm khoa trường đại học là những Hoa kiều ở ngoại quốc được mời về. Trong khi đó cũng có những Việt kiều đóng những vai trò quan trọng trong chính giới và nhất là trong các ngành kinh tế của các nước tư bản, liệu Đảng ta, có dám mời họ về giữ những nhiệm vụ như thế không?

Họ nói: Gần đây, Đảng tuyên bố trí thức là một trong ba thành phần cơ bản của nhân dân, nhưng sao trí thức ngoài Đảng lại không được Đảng tin tưởng? Trái lại, họ còn bị rẻ rúng nữa. Một nhà trí thức lớn như Trần Đức Thảo đã từng tranh đấu thắng lợi với một nhà tư tưởng trú danh như Jean-Paul Sartre mà chỉ vì nói thẳng trong vụ Nhân Văn - Giai Phẩm mà bị bỏ rơi trong bao nhiêu năm. Đến khi ông ta chết ở Pháp, được Pháp trọng thị, thì ta mới đề cao trong báo chí. Anh em cho đó là một việc đáng buồn! Một trí thức khác như Nguyễn Mạnh Tường, 22 tuổi đỗ hai bằng tiến sĩ ở Pháp, khi về nước tham gia kháng chiến được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng và hoàn thành xuất sắc, nhưng chỉ vì phát biểu không đúng theo chủ trương của Đảng mà bị bắt ngồi

xó trong bao nhiêu năm, đến nỗi trở thành một người bất mãn, khiến gần đây cho xuất bản quyển "Un excommunié" rất tệ hại.

Gần đây, một trí thức lớn là Nguyễn Khắc Viện đã có công to trong kháng chiến chống Pháp và trong phổ biến văn hóa Việt Nam, thế mà tuy cùng là đảng viên, nhưng chỉ vì nói thẳng mà bị coi như một kẻ phản động.

Một trí thức lỗi lạc khác là Phan Đình Diệu, một nhà khoa học được nhiều trường đại học trên thế giới ca tụng nhưng chỉ vì trình bày thẳng thắn những ý kiến của mình mà bị hắt hủi, đến nỗi các báo chí không được đăng những bài đáp lại những lời phê phán của người khác.

Chắc Anh còn nhớ lại nội dung câu chuyện giữa chúng ta trong buổi trao tặng huân chương Sao Vàng cho Đảng Xã Hội Việt Nam trước khi kết thúc 40 năm hoạt động. Tôi có nói với Anh tại sao tôi không gia nhập đảng cộng sản: "Hồ chủ tịch đã giao cho tôi làm phó tổng thư ký rồi tổng thư ký Đảng Xã Hội Việt Nam. Bây giờ đã già rồi, tôi vào đảng cộng sản làm gì!".

Sau khi tuyên bố thôi hoạt động thì chúng tôi an phận thủ thường. Tuy không nhắc lại chuyện cũ, nhưng cũng thật khó hiểu vì sao khi đăng tin cáo phó hoặc mừng thọ một số đảng viên Xã Hội hay Dân Chủ, kể cả các nguyên ủy viên Ban chấp hành Trung ương, thì báo chí ta không dám nói đến khía cạnh hoạt động này của họ. Trường hợp đưa tin mừng đại thọ 90 tuổi của anh Hoàng Minh Giám trên báo Nhân Dân (có đăng ảnh Anh đến thăm gia đình) là một thí dụ điển hình. Vì sao lại không dám nhắc đến việc làm phó tổng thư ký Đảng Xã Hội Việt Nam của Anh ấy trong mấy chục năm qua, nhưng lại nêu là đã từng làm phó chủ tịch Quốc hội (một chức vụ Anh Giám chưa bao giờ làm). Tôi đã đích thân yêu cầu báo Nhân Dân đính chính nhưng đã không được đáp ứng đúng mức.

Việc viết lịch sử cách mạng Việt Nam gần đây, trong đó có lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, thường quá chú trọng đến thành tích, quy công cho Đảng, nhưng lại chưa nêu đúng mức hoặc bỏ qua những sai lầm, khuyết điểm (thậm chí có lúc nghiêm trọng) cũng như vai trò, đóng góp của quần chúng, những người ngoài Đảng. Bản sơ thảo lịch sử Quốc hội khóa 1 là một ví dụ. Những bài viết về tôi đăng trên một số báo gần đây không dám đề cập đến hoạt động 40 năm của tôi trong Đảng Xã Hội Việt Nam.

Tôi xin nêu thí dụ gần đây nhất: Nhà báo Hoàng Phong có viết một bài về sự nghiệp của tôi, đăng trên báo Đoàn Kết của Hội người Việt kiều tại Pháp. Mặc dù rất thân, song cũng không dám dả động gì đến 40 năm làm phó rồi tổng thư ký Đảng Xã Hội Việt Nam của tôi. Một số bạn thân có đề nghị tôi nhắc lại trong dịp này, nhưng ý kiến mà tôi đã phát biểu ở Mặt Trận và Quốc Hội mà không được chấp nhận. Tôi không muốn nhắc lại chuyện cũ, chỉ đề nghị những việc gì Đảng đã nhận thấy sai thì phải sửa. Nếu Đảng tiếp tục đối xử với anh Nguyễn Khắc Viện, anh Phan Đình Diệu như hiện nay thì sẽ không được lòng tin ở trong nước cũng như trí thức Việt kiều ở ngoài nước. Trí thức Việt Nam khao khát độc lập, tự do, dân chủ, không thể bằng lòng với chế độ chưa có tự do báo chí - ngôn luận như hiện nay. Xin Đảng phải sáng suốt hơn các đảng khác, phải thay chế độ "đảng trị" bằng chế độ "dúc trị".

Xin chân thành cảm ơn.

Kính chúc Anh dồi dào sức khỏe, hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình.

Kính thư;

Nguyễn Xiển

Về những người dám nói tiếng nói của lương tri:

Huỳnh Nhật Hải - Huỳnh Nhật Tấn Mai Thái Lĩnh

Nam Long

LTS. Chúng tôi tiếp tục giới thiệu loạt bài của Nam Long, một thân hữu trong nước, viết về những người hiện sống trong lòng chế độ và dám nói lên tiếng nói của lương tri.

Huỳnh Nhật Hải - Huỳnh Nhật Tấn

Hai anh em Huỳnh Nhật Hải, Huỳnh Nhật Tấn có gia đình là cơ sở cách mạng lâu năm đã từng nuôi giấu nhiều cán bộ lãnh đạo. Hai anh đều là cán bộ tập kết, bản thân hoạt động cơ sở trong phong trào sinh viên học sinh Đà Lạt, rồi sau đó thoát ly ra chiến khu. Sau 1975, hai anh em được đào tạo, bổ trí những chức vụ khá quan trọng và ai cũng nghĩ là hai người rất có tương lai trong chế độ mới.

Huỳnh Nhật Hải là Thành Ủy Viên, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Đà Lạt, Huỳnh Nhật Tấn là Tỉnh Ủy viên dự khuyết, Phó Giám Đốc Trường Đảng tỉnh. Trong năm 1989, bất ngờ hai anh em có những quyết định làm nhiều người ngạc nhiên và tổ chức đảng rất đau đầu. Đầu tiên Huỳnh Nhật Tấn xin thôi tỉnh ủy viên, thôi chức Phó Giám Đốc trường đảng và sau đó xin ra khỏi đảng. Một thời gian không lâu sau, Huỳnh Nhật Hải cũng có quyết định như em mình, thôi chức vụ, bỏ sinh hoạt đảng. Thay vì giữ chức quyền để có mọi thứ, hai anh đã về làm "phó thường dân" lao động kiếm sống.

Điều gì đã làm cho hai người có quyết định như thế trong một tổ chức mà người ta chỉ biết kéo bè cánh, nịnh trên nạt dưới để dành ghế vì có ghế là có tất cả. Hai người đã thực hiện một khái niệm - từ chức - hình như không có trong "tự điển" của đảng CSVN.

Là Tỉnh Ủy viên, Huỳnh Nhật Tấn không chịu được sự bè cánh và độc đoán trong tổ chức đảng. Mọi lý thuyết tốt đẹp chỉ có trên văn bản còn trong thực tế trái hẳn. Tỉnh Ủy viên cũng là những nghị gật chỉ biết giơ tay biểu quyết tán thành và chấp hành. Quyền lực tập trung trong tay bí thư, phó bí thư ban thường vụ tỉnh ủy và tập đoàn này cũng chia bè phái đấu đá nhau. Trong các cuộc họp, không ai dám có ý kiến cá nhân mà chỉ nói xuôi theo lãnh đạo. Đó không phải là dân chủ tập trung mà là độc tài đảng trị, tập thể trị, cá nhân trị. Những điều này hoàn toàn xa lạ với tinh thần dân chủ anh đã được thu nhận và sống trải trong thời kỳ đấu tranh đô thị.

Là phó giám đốc trường Đảng, tuy đã đi học Trường Đảng Cao Cấp 4 năm, những lý luận về đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, về sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa tư bản, về sự tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội không đủ sức thuyết phục anh khi anh đối chiếu với thực tế và suy nghĩ riêng của mình. Phát biểu ý kiến cá nhân về những vấn đề lý luận, đề xuất những thay đổi trong nội

dụng và phương pháp giảng dạy ở trường Đảng, anh bị coi là thiếu quan điểm lập trường.

Tất cả những cái đó buộc anh phải có quyết định dứt khoát rời bỏ tổ chức đảng, vì anh vào đảng là để cống hiến cho lý tưởng chứ không phải để giành ghế và mưu đồ lợi ích cá nhân.

Huỳnh nhật Hải, với chức vụ Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân thành phố Đà Lạt, anh có quyền lực nhất định không phải ít và có thể lên cao hơn nữa nhưng cũng như em mình, trong giai đoạn hiện tại, anh không chấp nhận được, từ lý thuyết cho đến tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của đảng CS mà trước đây anh hết sức tin tưởng. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi chuyện đã đổi khác. Anh không thể ngụy tin, không tha hóa, không tự phản bội tất phải rời bỏ đảng.

Sự việc hai anh em Huỳnh Nhật Hải, Huỳnh Nhật Tấn rời bỏ đảng vào năm 1989 lẽ ra là sự kiện gây tiếng vang lớn. Đáng tiếc hai anh chỉ làm việc này trong âm thầm, chỉ tổ chức đảng và một số người có quan hệ trực tiếp hoặc bạn bè thân được biết. Dù sao đó là một lựa chọn và hành động dũng cảm dứt khoát. Bao nhiêu người CS kiên cường trong quá khứ nhưng trong hoàn cảnh tương tự đã không làm được như thế.

Mai Thái Linh

Hoàn cảnh gia đình Mai Thái Linh khá tiêu biểu cho sự kỳ lạ và bi kịch của gia đình người Việt Nam trong lịch sử đất nước hiện đại. Bố anh tham gia kháng chiến từ buổi đầu, đi hoạt động rồi mất liên lạc khi anh còn ở trong bụng mẹ, sau đó tập kết ra bắc, sau 75 anh mới gặp và biết mặt bố. Mẹ anh vì có chồng đi hoạt động cách mạng và mất liên lạc, bị ép phải lấy chồng khác, buôn bán làm ăn trở thành một tư sản ở thành phố Đà Lạt.

Anh là đứa con duy nhất của bố mẹ. Bố lấy vợ khác có con cái riêng ở miền Bắc, lớn lên dưới chế độ xã hội chủ nghĩa có người là đảng viên. Mẹ anh cũng có nhiều con riêng và hiện nay tất cả đều ở nước ngoài.

Anh là đứa con thể hiện sự giao động và nối kết giữa hai con đường của bố và mẹ. Ở miền Nam, tốt nghiệp cử nhân triết, học cao học và làm phụ giảng ở đại học Đà Lạt khi còn rất trẻ, anh tham gia hoạt động du ca, hướng đạo, các hoạt động xã hội và cũng tham gia đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, trốn lính và cuối cùng thoát ly ra rừng. Sau 75, anh trở về thành phố, lòng đầy hào khí cách mạng và kiêu hãnh của người chiến thắng. Anh không chịu về nhà ở với mẹ mà ở tập thể, hiến một khách sạn đứng tên mình cho nhà nước. Mẹ anh bị nhà nước ép buộc giao toàn bộ tài sản, trong đó có khách sạn Thủy Tiên nổi tiếng ở trung tâm thành phố Đà Lạt và nhiều nhà cửa khác.

Anh là hiệu phó trường Thăng Long trong một thời gian dài, là đại biểu Hội Đồng Nhân Dân tỉnh và Hội Đồng Nhân Dân thành phố nhiều khóa và có chân trong một số tổ chức Mặt Trận, đoàn thể của tỉnh và thành phố, đã từng được cử vào ủy ban trung ương hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam.

Với năng lực và sự sôi nổi có, anh là một trong những người phát biểu ý kiến nhiều nhất trong các cuộc họp. Ban đầu người ta còn tự hào về anh, một sản phẩm của cách mạng, nhưng dần dần trở nên khó chịu vì tính độc lập và tinh thần dân chủ trong ý kiến của anh. Anh đã không chịu rập khuôn, trở thành con vẹt biết nói. Anh là một trí thức có tinh thần tự do trí tuệ và có đủ kiến thức để hiểu biết, so sánh nhiều triết thuyết, chủ nghĩa, trào lưu tư tưởng chính trị đông tây kim cổ và rút ra những kết luận cho riêng mình.

Như nhiều cán bộ là trí thức tham gia cách mạng trước 75, anh là đối tượng đảng trong nhiều năm nhưng vẫn chưa được kết nạp vì thành phần xuất thân và tính cách bấp bênh của giai cấp mình. Tuy thế, ban đầu anh vẫn thiết tha với đảng và đóng góp nhiều ý kiến cho đảng.

Giữa năm 1988, trong một bài báo để góp ý xây dựng với đảng "Làm thế nào để đảng được trong sạch?", anh viết:

"... Phải kiên quyết tách đảng ra khỏi quyền lực. Trong điều kiện đảng cầm quyền, đảng không nên trực tiếp nắm quyền, hoặc ít nhất cũng không nắm toàn bộ quyền lực".

Anh đề nghị: "Người đứng đầu các cơ quan, xí nghiệp, trường học, đoàn thể quần chúng... phải là người có tài, có đức, được quần chúng tín nhiệm, không phân biệt là đảng viên hay người ngoài đảng. Từ nay trở đi, để có thể giữ các chức vụ trong bộ máy quản lý nhà nước, bộ máy quản lý kinh tế, các đoàn thể quần chúng, đảng viên không còn "đặc quyền" gì, mà phải "thi đua" với quần chúng".

Vẫn còn tin tưởng vào khả năng tự đổi mới của đảng, anh khẳng định: "Chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc đấu tranh làm trong sạch đảng. Đảng ta, ra đời từ trước khi nắm quyền lực, không thể chết trong quyền lực".

Những suy nghĩ chân thành của anh đã bị phản ứng kịch liệt. Theo chỉ đạo, hàng loạt bài xuất hiện trên báo đảng đã kích anh, qua đó đảng cũng bộc lộ bản chất khác với điều anh mong mỏi.

"Kiên quyết tách đảng ra khỏi quyền lực để đảng được trong sạch vững mạnh thì đảng ta tồn tại để làm gì!".

Để bảo đảm cho sự lãnh đạo của đảng đi đến thắng lợi mục tiêu cuối cùng, thì đương nhiên vai trò lãnh đạo của đảng phải gắn chặt với quyền lực. Quyền lực ấy không thể san sẻ cho ai khác." (*)

Bên cạnh những bài góp ý xây dựng đảng, anh còn viết nhiều bài báo phê phán chủ nghĩa lý lịch, đấu tranh cho một chế độ tuyển sinh công bằng, không phân biệt đối xử với thanh thiếu niên. Anh cũng đã viết nhiều bài báo về quốc hội, hội đồng nhân dân trong chiều hướng xây dựng một thể chế dân chủ, một nhà nước pháp quyền trong đó anh đòi hỏi giao quyền lực thực sự cho nhà nước, cho hội đồng nhân dân và phải bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử thực sự cho nhân dân.

Những ý kiến của anh không được chấp nhận. Dần dần anh hiểu ra mục tiêu đích thực của những người làm cách mạng mà anh đã từng tin tưởng một cách ngây thơ và trong sáng.

Với những ý kiến ngược dòng, nhiều lãnh đạo của tỉnh đã không ưa anh, muốn gác anh ra ngoài, nhưng vào thời điểm vừa đổi mới này, một số người vẫn còn ủng hộ anh. Mặt khác, cử tri tín nhiệm vẫn giới thiệu anh ra ứng cử nên trong nhiệm kỳ mới nhất (1989-1994), anh đã trúng cử vào Hội Đồng Nhân Dân tỉnh và thành phố với số phiếu cao nhất ở đơn vị mình, trong khi chính bí thư thành ủy lại thất cử. Anh là phó chủ tịch thường trực Hội Đồng Nhân Dân thành phố duy nhất trong các huyện, thành của tỉnh (và có lẽ của cả nước) không phải là đảng viên mà những người lãnh đạo của tỉnh và thành phố buộc phải chấp nhận trong một tình thế chẳng đặng đừng.

Người ta không muốn nghe các ý kiến táo bạo của anh trong các cuộc họp nhưng anh vẫn cứ nói, không ai bịt mồm anh được. Không có dịp nói thì anh viết báo. Báo ở địa phương không đăng, anh gửi bài đăng ở các báo của thành phố Hồ Chí Minh.

Anh không đồng tình với cách xử lý của tỉnh ủy Lâm Đồng trong vụ việc của Hội Văn Nghệ liên quan đến Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo cự mà anh cho là thô bạo, phi dân chủ, trái

nguyên tắc đảng và quy định của pháp luật. Anh đã công khai bày tỏ quan điểm của mình với ban thường vụ tỉnh ủy và ký vào kiến nghị ủng hộ những người bị kỷ luật ở Hội Văn Nghệ.

Anh phản đối việc xây dựng "con chim Lâm Cầu" một cách thiếu thẩm mỹ ở bùng binh trước chợ Đà Lạt. Lâm Cầu, giám đốc công ty Đại Thành, muốn lấy lòng tình để lợi dụng trong việc mua nhà đất làm ăn đã lo lót và biếu tình một số tiền làm lại một đoạn lề đường bên hồ Xuân Hương và xây dựng một tượng đài ở bùng binh. "Tượng đài" mang hình dáng một tháp Eiffel vụng về, xấu xí, chân giống lư hương, trên có quả địa cầu và con chim bồ câu, hoàn toàn không ăn nhập gì với bối cảnh chung quanh, được vội vàng xây dựng chỉ trong một tuần lễ, đã bị nhân dân Đà Lạt và du khách phê phán kịch liệt. Lâm Cầu sau này vô nợ, quyết tiền huy động của dân, bị đưa ra tòa, còn dám tuyên bố "còn một cái quần xà lỏn cũng trả cho dân", đã trở thành một giai thoại trên báo chí.

Anh không nhất trí với việc xây dựng bờ bãi ở thành phố Đà Lạt không theo một đồ án quy hoạch hợp lý, kể cả việc xây dựng sân golf 18 lỗ tại khu vực đồi Cù không trưng cầu ý kiến nhân dân. (Đồi Cù trước năm 75 vừa là sân golf 9 lỗ, vừa là một công viên của dân Đà Lạt và du khách. Từ đầu năm 1992, một công ty Hồng Kông đã liên doanh với công ty du lịch Lâm Đồng (quốc doanh) để xây dựng một sân golf 18 lỗ, rào lại toàn bộ khu đồi Cù. Dân Đà Lạt và du khách không còn có thể tự do lui tới công viên rộng lớn này nữa.)

Anh đã bỏ công nghiên cứu tất cả những đồ án quy hoạch thành phố Đà Lạt từ trước của Pháp và chính quyền Sài Gòn cũ để tìm ra đồ án tối ưu phù hợp với thành phố du lịch đặc biệt hiếm có này của Việt Nam dù đó không phải là chuyên môn của anh. Đây là một vấn đề rất lớn nhưng những người lãnh đạo không đủ kiến thức để nhìn nhận. Họ chỉ chạy bôn và để dài với những công ty nước ngoài nào vào đầu tư để xây dựng hay làm bất cứ công việc gì miễn qua đó họ có thể kiếm chác được.

Anh chứng minh Yersin là người có công lớn nhất trong việc tìm ra và xác định tương lai Đà Lạt là một thành phố du lịch và nghỉ dưỡng, trong khi lãnh đạo ở đây, với sự ngu dốt, tinh thần dân tộc cực đoan, lại muốn phủ nhận công lao của Yersin mà họ cho là một tên "tây thực dân". Khi có người xướng ra giả thuyết chính Nguyễn Thông, một nho sĩ Việt Nam yêu nước, mới là người đầu tiên tìm ra Đà Lạt, họ vội vàng vớ lấy để phủ nhận Yersin. Khi giả thuyết này không đủ sức thuyết phục, và buộc phải tổ chức kỷ niệm "100 năm Đà Lạt hình thành và phát triển", trong các buổi hội thảo về đề tài này, họ lại cố quy "công lao xây dựng Đà Lạt là thuộc về nhân dân lao động".

Anh bị gây khó khăn, đe dọa bóng gió bằng cách này cách khác nhưng điều đó không làm anh phải ngậm miệng mà ngược lại chỉ làm anh mau xóa bỏ ảo tưởng mà anh đã có về "cách mạng".

Có người đã trách anh sau 1975, tại sao lại đổi từ họ Hoàng (của bố dượng) sang họ Mai (của bố ruột). Nhưng anh có lý của anh và phải hiểu tâm trạng, lòng tự hào sau chiến thắng của những người đã tham gia "cách mạng" từ trước 1975 khi muốn chứng tỏ và thể hiện mình là người "cách mạng". Hơn nữa, đối với anh, đây cũng chính là sự trở về cội nguồn thực của mình. Mặt khác, qua những tâm sự của anh với bạn bè, tôi còn hiểu thêm một lý do về tình cảm: đó là lòng chung thủy không thực hiện được của mẹ anh đối với bố anh, một mối tình phải dở dang vì hoàn cảnh chiến tranh, một mối tình đau khổ và ngang trái như số phận

chung của cả dân tộc, trong đó có lần mẹ anh đã bị buộc phải nhận điện một cái đầu của một cán bộ cộng sản bị giết chính là đầu của chồng mình để ông thoát khỏi sự truy nã trong khi bà biết là không phải.

Những hoàn cảnh tương tự nằm trong đặc điểm tất yếu của một thời kỳ lịch sử. Nhiều người đã không ít sai lầm và ảo tưởng nhưng vấn đề là khi đã nhận ra phải có thái độ và lựa chọn dứt khoát, không vì quyền lợi hay ngụy tín mà tiếp tục đi mãi trong đường mê rồi ra sức ngụy biện, ngụy trang.

Mai thái Linh là một trong những người đã có phản tỉnh. Anh hiểu mình phải làm gì để chuộc lỗi trước lịch sử dù lỗi đó không hoàn toàn thuộc về anh và những người cùng thế hệ, một thế hệ bị phản bội.

Những người tôi đề cập trên đây không phải là những người đã làm nên những sự tích anh hùng. Họ không có điều kiện để làm như thế. Họ chỉ là những người không chịu được áp bức và mất tự do dù là thể xác hay tinh thần. Cuộc sống đối với họ gắn liền với tự do, tự do suy tưởng, tự do lựa chọn, tự do hành động. Điều đó đòi hỏi ở họ tinh thần phản kháng tích cực, lòng dũng cảm và sự bền gan. Họ hiểu rõ họ phải trả giá và trả giá đắt cho đòi hỏi tự do của mình nhưng không vì thế mà họ chùn bước. Lòng dũng cảm nhất thời có thể nhiều người có được nhưng kiên trì sự dũng cảm đó suốt đời là điều không dễ dàng. Trần Đức Thảo, trải qua bao đắng cay vui đập, đến cuối đời, khi chủ nghĩa Mác-Lênin đã bắt đầu sụp đổ, còn phải viết bài theo chỉ thị để bình vực chủ nghĩa Mác-Lênin, kể cả đã kích bài "Đất tay nhau..." của Hà Sĩ Phu theo đơn đặt hàng nhà nước.

Muốn giữ được sự lựa chọn tự do của mình, nhất thiết phải trung thực, không cầu lợi, cầu an. Nếu không có những điều kiện này, tức khắc sẽ trở nên ngụy tín hoặc gục ngã trước uy lực và sự mua chuộc của nhà cầm quyền. Tự do tư tưởng có khi phải đổi bằng tù đầy thân xác. Không bảo vệ được tự do của mình là đã tha hóa bản thân.

Họ là những người thiếu số, có khi rất cô đơn. Họ là những kẻ nối tiếp tâm sự của Khuất Nguyên ngày trước. "Cả đời đục, một mình ta trong, cả đời say, một mình ta tỉnh..." nhưng không chịu khuân đục thêm, không chịu ăn cả bã hèm để trục lợi. Tiếng nói lương tri của họ tố cáo mặt trái của một chế độ có thể bề ngoài rất hào nhoáng, là lời cảnh tỉnh nghiêm khắc đối với bạo quyền.

Những người được đề cập trong bài viết này ít nhiều có liên quan hoặc đang ở thành phố Đà Lạt, thành phố du lịch nghỉ dưỡng, thành phố hoa anh đào, thành phố sương mù mơ mộng. Khi có những con người dũng cảm, mảnh đất trầm lặng cũng thành nổi sóng. Trên đất nước này có bao nhiêu mảnh đất anh hùng, đã từng sôi trào bão tố, tôi tin không thiếu những người dũng cảm.

Lịch sử trong bất cứ giai đoạn nào cũng cần có những con người như thế. Nếu không, lịch sử sẽ đi vào đường mê, nẻo ác, trên đó máu và nước mắt của nhân dân sẽ bê bết dưới chân của các thế lực ngu muội và bạo tàn.

Nam Long
(7-1993)

Ổn định chính trị mà không cần dân chủ ?

Diệp Tường Bảo

Khi những nhà lãnh đạo Việt Nam hô hào cần ổn định chính trị để phát triển, họ dọn cho nhân dân Việt Nam một món ăn rất cũ của lịch sử: vào những thời điểm khác, trên những mảnh đất khác, những hoàng đế, những nhà độc tài, những tập đoàn quân phiệt đã viện lý do ấy để biện hộ cho nền thống trị của họ. Món ăn thoạt nhìn có vẻ hấp dẫn: người ta tưởng tượng đến một xã hội thanh bình trong đó ai nấy lo chuyện riêng của mình dưới sự bảo vệ của một nhóm người "chịu hy sinh" để lo những chuyện "không vui" như quân lý đất nước, ngoại giao, làm những dự án chung về tương lai v.v... Tuy nhiên, câu hỏi cần đặt ra là nếu dân tộc Việt Nam chấp nhận từ bỏ dân chủ, họ có chắc chắn được ổn định hay không? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta có thể xem xét những tiêu chuẩn của ổn định của xã hội, nghĩa là an bình xã hội và an ninh con người và tài sản.

1. Xã hội Việt Nam hiện tại có an bình hay không ?

Chúng ta có thể định nghĩa an bình xã hội là tình trạng của một xã hội trong đó nguy cơ xung đột hung bạo do khác biệt giữa những giai cấp đã được gạt bỏ. Trong lịch sử cận đại, nghĩa là từ khi những nhà cầm quyền cảm thấy phải giải thích chút ít về đường hướng của đất nước, ba phương pháp đã được đặt ra để đạt tới mục tiêu đó. Chủ nghĩa cộng sản tiên đoán sự chiến thắng cuối cùng của giai cấp vô sản và tự cho mình công việc là đẩy nhanh lịch sử. Lý thuyết phát xít và những hình thức địa phương của nó chủ trương làm tan biến tất cả giai cấp vào trong một quốc gia, lúc ấy phải hiểu quốc gia với nghĩa là một "chủng tộc" hay là một sắc tộc do một lãnh tụ cầm đầu. Ngược lại với hai hệ tư tưởng trên, dân chủ đa nguyên chấp nhận sự sống chung của các giai cấp và chủ trương giải quyết những mâu thuẫn nảy ra bằng thương lượng qua các đại diện của những cực quyền lợi: đảng chính trị, nghiệp đoàn, hội đoàn... Cuộc tranh chấp giữa những thành phần xã hội đó được tổ chức chung quanh những phương pháp như bầu cử, huy động, đình công hoặc biểu tình. Thành công cũng như thất bại của những phương thức tổ chức xã hội nói trên đã rõ, tôi xin đề cập thẳng vào tình trạng Việt Nam.

Từ khi những nhà lãnh đạo Việt Nam đưa đất nước vào kinh tế thị trường thì họ đã bị bó buộc từ bỏ ý đồ xây dựng xã hội chủ nghĩa mặc dầu vẫn giữ nguyên luận điệu cũ. Thực vậy, về mặt lý thuyết chủ nghĩa xã hội, theo Marx định nghĩa, cùng lắm thì chỉ có thể bỏ những địa hạt như văn hóa hay giáo dục cho khu vực tư, nó không thể trao phó kinh tế cho tư nhân. Vì như vậy là đi ngược lại biện chứng duy vật, một học thuyết làm chỗ dựa cho tư tưởng của những người cộng sản. Lịch sử nhân loại là lịch sử của đấu tranh giai cấp và đối tượng của cuộc tranh chấp ấy chính là sự chiếm hữu những phương tiện sản xuất. Việc từ bỏ xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua thực tế. Khi hàng ngày phải chứng kiến cảnh ngoại nhân thao túng thương mại, kỹ nghệ và bỏ tiền mua hết những đất đai quý giá, công nhân và nông dân chắc không thể không nhận thấy sự cách biệt giữa lời nói và việc làm của các nhà

lãnh đạo. Vai trò "tiền phong của cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa" không gì khác hơn là cuộc bán đứng người và của cho tư bản. Để cạnh tranh với 7 tỉ rưỡi đô la của tư bản ngoại quốc, Việt Nam chỉ có vài chục tư bản dân tộc và tổng số tiền đầu tư không quá 1 triệu đô la. Sau hai mươi năm cầm quyền, những nhà lãnh đạo già nua không có gì khác để thu hút những nhà kỹ nghệ ngoại quốc ngoài tiền lương rẻ mạt của đồng bào, tiền lương thấp nhất ở châu Á. Mức sống ở nông thôn sau khi vừa mới được một phần nào cải thiện thì lại đã tuột dốc một cách đáng sợ: theo Hội Nông dân toàn quốc [1], 50% gia đình sống nghèo túng trong đó từ 6 đến 10% thật quá nghèo. Lý do của sự xuống cấp này rất đơn giản: nông phẩm sụt giá (22%), phân lên giá (12%), dịch vụ lên (23%). Trung Quốc, một nước đi đầu trong việc thí nghiệm chính sách mở cửa kinh tế và đóng cửa chính trị, đã đẩy hàng trăm triệu nông dân vào cảnh kéo nhau đi tìm những công việc làm ăn qua ngày. Sự cách biệt ngày càng tăng giữa thành thị và nông thôn đã đưa tới nhiều vụ nông dân nổi loạn. Thủ hồi có cảnh người bóc lột người nào đáng hổ thẹn hơn cảnh con người bị dồn vào thế phải bán thân mình để mưu sinh? Sự có mặt tại Sài Gòn và Nam Vang của hàng trăm ngàn người bán dâm, cả nam lẫn nữ, người lớn cũng như trẻ em, nói lên tình cảnh bấp bênh của hàng triệu người Việt Nam.

An bình xã hội cũng còn có nghĩa là những người bán cùng có triển vọng thấy con cháu mình được sống khá giả hơn. Nhưng những chính phủ cộng sản kế tiếp nhau, sau khi phá hoại hệ thống giáo dục bằng cách gạt ra ngoài lề những giáo sư có khả năng nhưng "cứng đầu", rồi sau đó bỏ mặc nó, đã thành công trong việc bãi bỏ sự thăng tiến xã hội qua học thức, ý nghĩ đã ngàn năm tồn tại trong xã hội ta. Thật vậy làm sao có thể đòi hỏi giới trẻ tiếp tục đặt niềm tin nơi học vấn nếu chúng ta biết rằng hệ thống giáo dục đã xuống cấp đến độ trên mấy ngàn phó tiến sĩ đã được đào tạo, chỉ có vài người đủ khả năng làm việc trong những công ty hợp doanh với ngoại quốc. Bằng chứng là năm ngoài những người cầm quyền ở Sài Gòn đã phải thuê nhận 289 chuyên viên ngoại quốc trong khi 6000 chuyên viên VN đang thất nghiệp. Nghề thầy giáo xưa nay vẫn được trọng vọng nay bị bỏ bê: những trường sư phạm chỉ tuyển được phân nửa sinh viên mặc dù đã hạ thấp tiêu chuẩn tuyển chọn. Đầu niên học 1993, đã thiếu 42.000 giáo viên lớp mẫu giáo và 53.000 giáo viên cấp I (tiểu học) [2]. Đối với giới trẻ Việt Nam, thành công không còn gắn liền với trình độ học vấn mà gắn liền với những áp-phe, với những dự án ma đầu móc ngoặc.

Trước những chênh lệch và bất công ngày càng lớn đó, chính quyền đã không chấp nhận một "xú páp" nào có thể tập trung để bảo vệ những đòi hỏi chính đáng của những kẻ bị bỏ rơi trong cuộc chạy đua lợi nhuận của kinh tế thị trường. Người công nhân Việt Nam không thể hy vọng được bảo vệ bởi bất cứ một nghiệp đoàn độc lập nào [3]; không có báo chí tự do để phản ánh trung thực những lạm quyền của các quan chức cũng như sự bất bình của người dân. Trong khi đó, sự vắng mặt của một lực lượng đối

lập khiến cho những kẻ có quyền lạm dụng quyền hành vì họ không sợ bị thay thế. Đó là nguyên nhân chính của quốc nạn tham nhũng và hối lộ mà chính quyền chỉ tố cáo mà không có khả năng giải quyết thực sự. Những trí thức như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu và Tiêu Dao Bảo Cự, mặc dù họ đòi hỏi dân chủ trong tinh thần bất bạo động, đã bị đàn áp thẳng tay. Qua hành động đàn áp những nhân vật trung thực và can đảm có khả năng tránh cho nhân dân có những hành động trả thù, các nhà lãnh đạo cộng sản đã đánh mất những bảo đảm cho an ninh của họ khi tình thế thay đổi sau này. Như vậy là về ngoài an bình của xã hội Việt Nam chỉ là một bình lặng trước khi cơn giông sắp tới.

2. Hiện nay có an ninh tại Việt Nam hay không ?

Sau mấy thập niên dưới một chế độ toàn trị, người Việt Nam có cảm tưởng "dễ thở hơn" từ khi có "đổi mới" từ năm 1987. Đó là điều rất dễ hiểu. Nhưng dễ thở có nghĩa là an ninh không? Muốn có an ninh, một công dân phải có sự bảo đảm là không bị chính quyền gây phiền nhiễu nếu đã tuân theo pháp luật. Đó là căn bản của một thể chế pháp trị. Hiểu như vậy thì những công dân lương thiện không có an ninh gì ở Việt Nam cả. Mặc dầu đã ký kết vào những văn bản quốc tế về nhân quyền, và về hình thức Việt Nam cũng có một số luật lệ nhưng những nhà lãnh đạo Việt Nam đã không tôn trọng. Để củng cố chế độ độc tài họ ngồi xỏm trên luật lệ, tùy tiện bắt giam tù tội bất cứ ai. Chẳng hạn Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt có tội gì mà bị kết án cả mấy chục năm tù? Phải chăng nói lên tiếng nói của lương tâm, kêu gọi dân chủ hóa đất nước bằng những phương thức hòa bình là vi phạm quyền "tự do ngôn luận" có ghi ngay cả trong hiến pháp Việt Nam hiện hành? Thái độ phong kiến, tùy tiện đó cũng đã bao vây kinh tế, gạt Hà Sĩ Phu và các bạn ông ra ngoài lề xã hội, quản thúc Nguyễn Hộ, bắt bớ các tu sĩ, tăng ni "cứng đầu".

Mặt khác, các nhà lãnh đạo Tây Âu chưa hiểu rõ rằng chính cái tùy tiện coi thường luật pháp đã cho phép các chế độ độc tài bắt giam bất cứ lúc nào những kẻ không phục tùng họ (thí dụ như việc bắt bớ các trí thức của chính quyền Trung Hoa lúc thủ tướng Pháp đang thăm viếng nước này). Những cái tùy tiện đó đã khiến các nhà cầm quyền bãi bỏ các hợp đồng giữa các công ty tư nhân (trường hợp dự án métro ở Thượng Hải). Làm ngơ trước các vi phạm nhân quyền là gián tiếp cho phép các tùy tiện về thương mại.

3. Vai trò nguy hiểm của quân đội

Trên nguyên tắc vai trò của quân đội hiện đại là để bảo vệ đất nước chống lại ngoại xâm. Vì thế quân đội có đặc quyền hơn tất cả các đoàn thể khác trong xã hội. Do đó có nguy cơ lạm quyền, dễ đi đến phạm pháp. Để giải quyết vấn đề này, có hai cách đối nghịch nhau. Cách thứ nhất là đồng hóa quân đội với đảng cầm quyền, đó là trường hợp của các chế độ độc tài và tất nhiên là các chế độ toàn trị, Chili của Pinochet, Argentina của Videla, quyền lực hoàn toàn trong tay nhóm quân phiệt. Tại Đông Đức trước đây hay tại Liên Xô cũ, sĩ quan cấp cao đều là đảng viên của đảng độc tôn, trong trường hợp này trung thành của quân đội đối với chính quyền có được vì có sự đồng hóa giữa quyền lợi của quân đội và quyền lợi của đảng độc tôn. Giải pháp này lẽ dĩ nhiên không thể áp dụng cho các nước dân chủ đa đảng được. Các nước này chọn giải pháp ngược lại nghĩa là để quân đội hoàn toàn phi chính trị: quân nhân tại chức không có quyền tham gia vào các tranh luận chính trị. Ở Pháp người ta gọi đùa quân đội là "Tập đoàn cầm"

(La Grande Muette). Quân đội tuân theo chính sách của đảng hay liên minh các đảng đang được cầm quyền, nó không trung thành với bất cứ một đảng nào mà phải trung thành với hiến pháp. Người thống lãnh quân đội không phải là sĩ quan mà là tổng thống hay thủ tướng. Sự trung thành với "mức độ đạo đức cao hơn" đó bắt nguồn từ tính chất chính thống của chính phủ qua bầu cử dân chủ. Tất nhiên đó không phải là tình trạng của Việt Nam hiện nay. Từ khi có chính sách kinh tế thị trường, quân đội nhân dân không còn được ưu đãi như xưa. Ngân quỹ bị cắt giảm lại thêm thiếu viện trợ Liên xô, quân đội phải tự bán cho kẻ thù cũ (đề nghị cho Mỹ thuê căn cứ hải quân Cam Ranh), quân đội nhân dân không còn khả năng để bảo vệ đất đai (như quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa) hay đồng bào bị tàn sát tại Căm Bốt mà trước đây Đảng Cộng Sản Việt Nam coi như đàn em lệ thuộc mình. Để kiếm tiền thêm quân đội nhân dân lại phải làm ăn, kinh doanh, quản lý, thương mại, và đã thành công một phần nào. Thật vậy trong cảnh hỗn loạn hiện nay ở Việt Nam, nhiều người ngoại quốc đầu tư tại Việt Nam lại thấy quân đội có phần làm ăn lương thiện hơn bên dân sự. Với 180 triệu USD thu nhập và 300 hàng, quân đội đã tăng lợi nhuận được 44% trong năm 1993. Nhưng phải chăng vai trò của quân đội lại là mở phòng trà, khách sạn hay bày trò tiêu khiển cho du khách? Còn đâu là danh dự và tư cách chiến sĩ?

Mặt khác trong dài hạn người ta có thể tiên đoán là quân đội không thể cạnh tranh hữu hiệu với dân sự vì bản chất và kỷ luật của nó. Đến lúc đó có thể có những đơn vị quân đội dùng võ trang để giữ quyền lợi. Ngoài ra, việc đóng quân trên toàn nước không cho phép "chia chác" đồng đều được; những sư đoàn ở thành phố hay vùng có du khách sẽ được "ưu đãi" hơn đồng ngũ ở nơi hẻo lánh. Việc này có thể gây căng thẳng giữa các đơn vị. Cứ lấy như trường hợp Trung Quốc thì rõ. Mặc dầu đã kiểm soát nhiều ngành của kỹ nghệ (thực phẩm, du lịch, thiết bị, ...) họ cũng đã không ngăn chặn nổi các hành động phi pháp của nhiều đơn vị, nhiều quân nhân, như là cướp biển, tống tiền, buôn lậu súng ống, và gần đây nhất là việc tàn sát các du khách Đài Loan, gây căng thẳng giữa Đài Bắc và Bắc Kinh.

Các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay khi nói đến ổn định thì chỉ là có để duy trì đặc quyền đặc lợi của họ. Họ cho rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm của Phương Tây. Theo tôi thì ngược lại, dân chủ là nền tảng và nếu không có dân chủ thì xã hội không thể ổn định vững bền được. Không dám cả quyết như Fukuyama (4), người ta có thể nghĩ rằng dân chủ là hướng tất yếu của các nước đang mở mang. Trường hợp các người cựu đảng viên cộng sản được bầu trở lại chính quyền như ở Ba Lan và Lituania; trường hợp Đảng Quốc Gia Nam Phi được một số phiếu đáng kể để chia quyền với tổng thống Mandela đã chứng tỏ là nhân dân thường khoan dung với kẻ biết cảnh tỉnh thực sự. Mặt khác cái chết thể thảm của Ceaucescu (Roumania) hay bớt thảm nhưng nhục hơn của Honecker (Đông Đức) cũng đã tỏ rõ số phận nghiệt ngã dành cho những kẻ chống lại chiều hướng của lịch sử.

Diệp Tường Bảo

(1) Tuổi Trẻ, 16-5-1993

(2) Tuổi Trẻ, 10-10-1993

(3) Các cuộc đình công xảy ra càng ngày càng nhiều tại tỉnh Sông Bé để phản đối các điều kiện làm việc trong các xí nghiệp do người ngoại quốc quản lý. Tại Việt Nam văn bản của luật lao động lần đầu tiên cho phép đình công bãi khóa hợp pháp đang đợi được ký vào tháng 5.

(4) Trong cuốn "Kết thúc của lịch sử và con người cuối cùng", triết học gia người Mỹ gốc Nhật tiên đoán rằng dân chủ tự do sẽ là mô hình cuối cùng của mọi xã hội loài người.

Lan man chuyện... tình với Bảo Cự

Đỗ Mạnh Tri

Trong cuốn *Paroles d'homme*, ông Garaudy kể lại cái đêm cuối cùng của ông với đảng cộng sản Pháp. Trí thức cấp bực của đảng, ông đã công khai phê bình đường lối của đảng. Hậu quả tất yếu là kỷ luật và khai trừ. Nhưng hồi đó cũng đã có "đổi mới": ông được phép phát biểu trước hội nghị đảng. Ông đọc bài diễn văn dài của ông trong một bầu khí lạnh ngắt im lặng. Diễn văn ông chấm dứt: không một lời phản đối, không một cử chỉ tán đồng, không một cái nhìn. Ông đi ra khỏi phòng hội nghị. Cô độc. Lần đầu tiên trong đời, ông nghĩ đến tự vẫn.

Rồi không hiểu do một thứ linh cảm nào, ông lái xe như trong cơn mê. Chiếc xe đưa ông tới căn phòng người vợ cũ đã ly dị từ nhiều năm. Đêm khuya. Ông gõ cửa. Cửa mở. Bàn đã sắp. Mâm đã đặt. Cơm đã dọn sẵn cho hai người. Người tình cũ biết ông sẽ tới đêm nay.

Đối với một số đảng viên đảng cộng sản, chuyện đảng là chuyện tình và chuyện thất tình. Trong *Nửa Đời Nhìn Lại*, Bảo Cự viết: "*Tâm trạng của anh phải chăng là tâm trạng của một kẻ có người tình phản bội?*". Đó là tâm trạng của Hoài khi nghĩ tới chuyện bỏ đảng. Sau khi bị khai trừ, Hoài - Bảo Cự thú nhận: "*Minh Hương và tôi đã lường trước mọi điều, lý giải chúng đến tận cùng, kể cả tình huống bị khai trừ đảng. Nhưng điều gì đó khác thường vẫn xảy ra trong lòng Minh Hương và tôi [...]. Một chút nao lòng. Một cơn đau đốn đứ nhẹ. Thấm dần, thấm dần. Len giữa những lý luận. Len giữa những cuộc gặp gỡ bạn bè...*" (tr.287). "Len giữa những lý luận!" Hiểu rồi. Người ta tổng ra khỏi đảng mà còn thế, huống chi trước kia! Trước kia rõ ràng là "len át những lý luận". Le cœur a ses raisons. Ôi cái lý của tình, khéo là trói buộc cái lý của lý. Muốn thông cảm với những người như Hoài nên nghĩ tới cái gì "xảy ra trong lòng" trước khi "lý giải" cái gì diễn ra trong đầu. Mây Đâu Non nói đúng: Hoài là anh "cộng sản dỏm". Vợ Hoài cay chua: "*Em không có lý luận bằng anh nhưng rồi anh sẽ sáng mắt ra*". Thâm lắm nàng Vy. Hoài sẽ sáng mắt ra khi nào anh bớt lý luận để biện hộ cho đảng như một kẻ si tình. Tốt nhất là anh đừng lý luận, lý giải, chỉ mở to đôi mắt nhìn vào thực tại sẽ thấy ngay cái đảng anh quý mến là một ảo tưởng hoàn toàn xa lạ và trái ngược với cái đảng có thực. Anh sẽ nhận ra ngay rằng mối tình giữa anh và đảng cộng sản là một sự làm lầm lẫn hại: anh đã yêu thương một guồng máy vô nhân đạo, anh đã khoác vào cô máy đảng tất cả lý tưởng trong sáng và mãnh liệt của đời mình để rồi anh tôn vinh nó và để nó nghiền nát anh. Anh phải mất đảng để mất hết: mất hết ảo tưởng và lấy lại được lý tưởng, tìm lại được chính mình...

"Hoài đặt cây đàn xuống, nhìn qua cửa kính, cơn mưa đang ào ạt bên ngoài:

- Thế mà đã có lúc, hồi mới giải phóng, khi làm công tác đoàn, nói chuyện với thanh niên, anh đã phê phán những bài hát này và cả những người hát nó [...]. Anh đã cuồng tín và cực đoan khi

tiếp thu chủ nghĩa cộng sản. Bây giờ, ngược lại, anh cảm thấy trong bất kỳ hoàn cảnh nào, những bản tình ca, những lời yêu thương, những nỗi muộn phiền riêng tư vẫn mãi mãi bất tử vì đó chính là con người. Con người cao hơn và trường cửu hơn chủ nghĩa cộng sản hay bất cứ chủ nghĩa nào." (tr.253).

Con người cao hơn chủ nghĩa! Đồi mất đắm đuối của Vy đã giúp một phần không nhỏ vào việc làm "sáng mắt" Hoài. Càng yêu càng thấy rõ: người là tiêu chuẩn. Yêu phải lấy người làm tiêu chuẩn.

Đúng hơn: phải lấy người yêu làm tiêu chuẩn. Hoài - Bảo Cự có nhắc lại câu nói của một nhà văn Pháp: "Yêu nhau không phải là nhìn nhau mà là cùng nhìn theo một hướng". Trời ơi, yêu nhau không nhìn nhau thì nhìn ai? Lại đặt cái hướng cao hơn con người rồi. Nếu có cùng một hướng cùng tốt thôi nhưng không vì khác hướng mà phụ bạc như Quân đối với Nga để lấy cô gái đồng hướng, con ông phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện mà anh không yêu. Đồng hướng thành đồng lõa. Dù sao một hướng chung không làm nên tình ái.

Ngay cả giữa Hoài và Vy, mặc dầu mỗi bên rất tôn trọng tự do của người kia, đôi bên vẫn quá đòi hỏi sự đồng ý hướng. Sự đòi hỏi này biểu lộ một quan niệm khá "truyền thống": trong tình yêu, hai phải thành một. Sơ Huyền thổ lộ: "*...em tìm tới anh để thành Một hoàn chỉnh. Còn em là Một bất toàn, Một bất cập*."

Yêu nhau muốn kết hợp với nhau. Nhưng một kết với một là hai. Muốn cho một với một thành một là phải định thực tại. Mỗi người là một người, không phải nửa người. Phải thực tại tại đó sẽ gây nhiều rắc rối. Vy: "*Em vẫn cho anh là ích kỷ [...]. Anh chỉ sống cho anh [...]. Còn em ngược lại em sống tất cả vì đứa con*". Vậy khi nào Vy sống cho Vy? Và có thật Vy sống cho người khác? Tính xả kỷ của Vy cũng nuôi dưỡng tính ích kỷ của Hoài đấy. Và sự xả kỷ ấy có mặt ích kỷ của nó: cho hết cùng là một cách muốn lấy cả. Đặt tất cả cuộc đời mình vào người khác cũng là một cách bắt người khác hoàn toàn lệ thuộc vào mình. Tòng phụ, tòng phu, tòng tử. Cả một nền "văn hiến" cấu tạo một cơ chế xã hội tôn ti trật tự dành đặc quyền cho bọn tu mi, bắt người phụ nữ phải tự xóa bỏ mình đi. Để sống nổi trong xã hội đó, người phụ nữ cần đối phó bằng những đòn tâm lý. Chẳng hạn để cho họ quyền, mình cứ việc hành. Cũng là một cách quản lý người cai quản mình. Mặt khác, thời thế thay đổi, chính sách "tam tòng" cũng cần sơn phết lại. Phục tòng thành xả thân, quên mình, hy sinh... để nghe hơn, cao thượng hơn. Cải trang những hủ tục bất công thành những đức tính đặc biệt của người phụ nữ, để đánh lừa hơn. Nhưng vô quýt dày, có móng tay nhọn. Trong tâm tư Vy cứ "sống cho người khác", trong thực tế Vy vẫn bỏ Hoài!

Chả trách trong một lúc tâm sự với Hoài, Minh Hương thú nhận "*có khi tôi không hiểu được đàn bà*". Nói thế là khiêm tốn. Nhưng rồi cũng đưa ra vài nhận xét về đàn bà. Toàn là những nhận xét khá "truyền thống" và nguy hiểm cho Minh Hương. Và anh kết luận: "*Đáng lý Chúa phải trừng phạt nặng nề hơn kẻ căm căm đồ đầu tiên trong vườn địa đàng*" (tr.166). Một cụ đảng viên lại vin vào Kinh Thánh để tấn công các bà! Chúa mà làm theo ý Minh Hương thì nạn nhân đầu tiên chắc là Minh Hương, vì chính anh thú nhận rằng thiếu "họ" anh "*chỉ là một cái bóng vật vờ*". Mách với Minh Hương: kẻ căm căm đồ đầu tiên không phải chị Eva đâu. Kẻ căm căm đồ đầu tiên là chàng Rắn. Mách thế thôi. Đừng hỏi tại sao có tên Rắn nằm vùng trong vườn địa đàng. Đừng hỏi ai đã gửi hấn vào đây. Không trả lời được. Chỉ cần biết tại sao nhà, xin lỗi, vườn địa đàng, có "khách" quý như vậy mà anh để chị ấy

một mình.

Số là, tuy không đến nổi vô trách nhiệm, Adam cũng không phải là một đấng ông chồng luôn luôn cảnh giác. Chuyện nhà đã phó mặc cô vợ, người lại dễ dãi, sao cùng xong. Chúa cấm ăn cùng vàng, vợ bảo ăn cùng dạ. Trong vườn có cái cây vừa nguy hiểm vừa chướng mắt, thế mà không nhỏ quách nó đi. Cảnh nhà có người rình mò cũng không để ý. Eva khác hẳn: tính tình phóng khoáng, táo bạo, độc lập, giàu sáng kiến. Đồng ý, Eva làm khi ăn trái cấm. Nhưng không ăn làm sao biết rõ thực hư? Mà chú rắn là tay cáo già, tâm lý cao, cám dỗ trúng tủ? Cái cây này lạ lùng lắm, Chúa cấm ăn trái của nó là Ngài lo cho các người đấy. Vì ăn vào khó mà chịu nổi những hậu quả khôn lường! Mất các người sẽ mở ra trước một sự đổi đời, một cuộc cách mạng tuyệt đối. Trí khôn các người sẽ thông suốt. Hiện tại và tương lai, những cái có và những cái không có, những cái đã có và những cái chưa có sẽ bày ra trước mắt các người. Và quyền lực của các người cũng sẽ vô biên như sự hiểu biết của các người. Các người sẽ là chúa tể của cái có và cái không có, của cái có thể và của cái không có thể, của phi lý và hợp lý. Các người sẽ làm ra cái xấu cái tốt, dựng nên cái thật cái giả... tóm lại, các người sẽ trở nên như Thiên Chúa! Thật tài tình! Đúng với khát vọng của Eva. Đã từ lâu nàng bực bội với cái khung viên quyển rù nhưng hạn hẹp và cạm bẫy này, với con rắn ghen tương, với cái cây cấm kỵ sừng sừng trước mắt như thách thức ngày đêm. Nếu nàng có quyền hành tuyệt đối, nếu... đúng rồi! Nếu nàng là... Thiên Chúa, mọi sự sẽ hoàn hảo, nàng sẽ xây ngay một địa đàng thực thụ, một địa đàng không còn ghen tương đố kỵ, không còn cấm đoán, thử thách. Một địa đàng thích hợp với khát vọng của nàng. Ai ngờ giải pháp trong tầm tay. Đây rồi cái nàng từ bao năm tìm kiếm!...

Chẳng có chú rắn nào cả. Chỉ có người với người. Chỉ có người với khát vọng vô song của người. Có Thiên Đàng không? Điều chắc chắn là không có Địa Đàng. Quê hương của Adam Eva sẽ mãi mãi là một vườn địa đàng như trong Thánh Kinh: đầy bất trắc. Và cũng sẽ có những bà, nhất là những ông Eva đòi xây địa đàng thứ thiệt. Như ông Mác gần đây. Nhưng mỗi khi con người nói địa đàng là hỏa ngục gần kề.

Phải chấp nhận đường đời thôi. Chấp nhận chú rắn nằm vùng để khỏi phá luôn cả cái "vườn địa đàng" chật hẹp này. Trái đất là một khu vườn. Nếu có diễm phúc sánh đôi, anh cày em cấy thì còn đòi gì hơn. Nhưng không, lúc ấy lại bực tức vì thấy tình yêu không phải thiên đàng, vì hai chưa thành "Một hoàn chỉnh", chưa thành Thượng Đế, vì hạnh phúc tuyệt đối vẫn xa vời. Một thi hào kinh nghiệm như L. Aragon nói thẳng: "Il n'y a pas d'amour heureux". Không có tình yêu hạnh phúc. Yêu là hạnh phúc. Nhưng người ta không yêu để được hạnh phúc. Người ta cũng chẳng yêu nhau vì đồng chí hướng hay không đồng chí hướng. Người ta yêu nhau. Thế thôi. Chẳng hiểu tại sao. Bằng chứng là mối tình sâu đậm giữa Vy và Hoài: "*Hoài biết đến một lúc nào đó Vy sẽ trở lại với anh hoặc anh sẽ tìm đến với cô. Lê nào một gắn kết và chia sẻ đến như thế lại kết thúc bằng chia lìa. Dù có biết bao nhiêu mâu thuẫn, ngộ nhận, đau đớn, đó mãi mãi là ân tình*"(tr. 328).

Không có địa đàng. Yêu cũng không phải địa đàng. Nhưng nếu đường trần có gì đáng so sánh với hình ảnh địa đàng thì hẳn là tình yêu.

Đỗ Mạnh Tri

Nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi:

Viết về trẻ em bất hạnh

Nguyễn Văn Huy

Viết về trẻ em bất hạnh tại Việt Nam thật ra là viết về nỗi bất hạnh của dân tộc Việt Nam, viết về những tấm lòng cao cả của những người vô danh đang âm thầm chăm sóc các em.

Năm 1993, Việt Nam có hơn một triệu trẻ em tàn tật, 300.000 trẻ em mồ côi (30.000 em hoàn toàn không có nơi nương tựa phải sống lầy lắt trên các vỉa hè). Số trẻ em sống trên các vỉa hè được ghi nhận trên toàn quốc là 50.000, riêng tại Sài Gòn có trên 15.000 em. Lứa tuổi của các em vỉa hè từ 1 đến 15 tuổi. Hằng ngày các em phải đi lang thang trên các đường phố xin dư thừa của khách để ăn lại hay phụ cha mẹ hành nghề khát thực. Các em lớn hơn thì tranh nhau quanh các đồng rác lượm đồ phế thải để bán lại, hoặc sống bằng nghề giặt dọ. Một số các em gái ở lứa tuổi 13-16 (6,3% trong số 50.000) phải hành nghề mãi dâm để nuôi thân.

Tình trạng suy dinh dưỡng của các em vỉa hè rất báo động: 25% bị suy dinh dưỡng nặng, tức ăn chưa đủ no trong một ngày (mức suy dinh dưỡng chung trên toàn quốc là 52%, suy dinh dưỡng nặng là 14,3%). Nhìn chung về mặt đời sống, các em này gần như bị xã hội bỏ rơi. Bệnh tật đã cướp đi nhiều mạng sống của các em do thiếu tình thương, thiếu tiền và thiếu thuốc men. Vấn đề học vấn không đặt ra đối với các em này, tất cả gần như không biết đọc biết viết và chưa lần nào có dịp bước chân vào lớp học.

Trẻ em mồ côi, vỉa hè, thất học không phải là nạn nhân của thời chiến tranh đã qua. Các em là nạn nhân của những biến động về xã hội ngày nay đưa đến: gia đình tan nát, nghèo khó, con cái thương phế binh,... Cha mẹ các em chỉ có công sinh sản nhưng không có sức nuôi dưỡng. Nhiều bà mẹ nghèo khổ khi vừa sinh con ra đã lén lút bỏ nó tại những nơi công cộng để người ta lượm về nuôi. Nhiều em khác khi vừa biết nói, chập chững biết đi, đã tham gia ngay vào kiếp ăn xin, sống phơi sương dạn gió cùng với gia đình. Có em chỉ ao ước được cầm một cây viết để viết lên một chữ trên một quyển vở mới.

Tại những xã huyện xa xôi, như huyện Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Thạnh, đời sống người dân vốn đã nghèo khó, điều kiện sinh sống càng khắc nghiệt hơn. Các em nhỏ con nhà nghèo phải hằng ngày đi bộ hàng chục cây số lội sình bắt ốc, bắt cua, hái rau dại về ăn. Chuyện học hành đối với các em là một xa xỉ (học phí, học liệu nhà trường quá mắc), nên chỉ có một số rất ít gia đình tiếp tục cho con em học hết bậc tiểu học. Tại những xã huyện xa hơn, như tại Long Khánh, Bà Rịa, Xuyên Mộc, v.v... tỉ lệ trẻ em thất học còn cao hơn nữa.

Vấn đề trẻ em thất học và suy dinh dưỡng tại miền Bắc cũng trầm trọng không kém. Trẻ em suy dinh dưỡng tại các tỉnh đồng dân cư quanh Hà Nội như Hà Sơn Bình, Hà Nam Ninh, Hà Bắc, Thái Bình, Vinh Phú và các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An chắc chắn rất cao nhưng vì thiếu những dữ kiện cụ thể nên khó có một con số chính xác. Sự giúp đỡ những nơi này cũng rất là tế nhị, vì từ

trước đến nay điều kiện sinh kế của dân chúng hoàn toàn lệ thuộc vào guồng máy chính quyền, một sự giúp đỡ nào đến từ ngoài khu vực chính quyền đều bị coi là có "âm mưu". Hy vọng rằng trong tương lai, sự giao lưu của người địa phương với xã hội bên ngoài gia tăng, sự giúp đỡ sẽ trở nên cụ thể và trực tiếp hơn. Hiện tại thành phố Hà Nội có 2.500 trẻ em mồ côi được 7 cơ quan từ thiện quốc tế nhận bảo trợ.

Tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng và bệnh tật ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoàng Liên Sơn, Gia Lai-Kontum, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Sông Bé thì vô cùng báo động, nhất là trẻ em các sắc tộc thiểu số miền núi. Riêng tại tỉnh Đắk Lắk, hơn 54% trẻ em bị suy dinh dưỡng, trong đó 32% suy dinh dưỡng nặng. Trẻ em các sắc tộc thiểu số cao nguyên miền Bắc thỉnh thoảng có nhận cứu trợ từ chính quyền nhưng phần lớn nặng về phần phô trương hơn là cụ thể; một vài bài báo của chính quyền địa phương thỉnh thoảng phải thốt lên những tiếng kêu cầu cứu. Trẻ em các sắc tộc thiểu số Tây Nguyên sinh sống gần những trục lộ giao thông chính thỉnh thoảng có nhận sự cứu trợ trực tiếp từ các cơ quan từ thiện tôn giáo có từ trước 1975, nhưng tại những buôn làng xa xôi, trước kia thuộc "vùng giải phóng", thì không có sự giúp đỡ nào cả. Khi hết lương thực, các em nhỏ sắc tộc phải cùng cha mẹ đào củ rừng ăn cầm đói, phần lớn không sống hết tuổi vị thành niên vì thiếu ăn và bệnh tật. Nhiều bộ lạc đang có nguy cơ diệt chủng nếu tình trạng thiếu đói cứ kéo dài, tương lai của họ rất là ảm đạm.

Hơn phân nửa các em nhỏ một vài thành phố lớn duyên hải miền Trung như Đà Nẵng, Huế, Qui Nhơn và Nha Trang có suy dinh dưỡng, nhưng tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng con nhà nông và chài lưới ở các làng xa xôi rất là thương tâm. Nhiều gia đình chỉ ăn cơm một vài tháng trong năm, những ngày còn lại phải đun thêm khoai thêm sắn vào bữa ăn và chỉ ăn một ngày một lần. Tình trạng thiếu ăn của những thành phần này ít được quan tâm và ít được nói tới. Những em nhỏ chẳng may bị mồ côi cha mẹ thường được bà con lối xóm nhận làm con nuôi và cùng nhau chia sẻ nỗi nghèo khó. Chỉ những trường hợp bị thiên tai bão lụt những người dân nghèo khổ này mới được nhắc tới và được cứu trợ.

Vừa rồi chỉ là một vài mô tả sơ sài về đời sống trẻ em bất hạnh tại Việt Nam. Phải làm gì để cứu trợ những mầm non của đất nước? Đây không phải là trách nhiệm của riêng chính quyền cộng sản mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân chúng ta.

Một vài nhân vật trong giới cầm quyền cộng sản có nêu ra vấn đề cứu đói, giảm nghèo, vấn đề cứu trợ trẻ em mồ côi, vĩa hè, thất học và suy dinh dưỡng nhưng không có giải pháp. Họ phó mặc cho các cộng đồng dân sự hay các cơ quan từ thiện chăm sóc các trẻ em bất hạnh này.

Cứu trợ trẻ em bất hạnh hiện nay tại Việt Nam là vấn đề cấp bách nhưng không dễ dàng. Không phải ai muốn làm gì thì làm. Một tổ chức từ thiện tư nhân nếu không phải là cơ quan quốc tế hay có hậu thuẫn quốc tế muốn giúp đỡ các em nhỏ này phải được phép của chính quyền. Muốn được phép của chính quyền thì phải qua nhiều cửa ải. Nhiều tổ chức cứu trợ tư nhân và quốc tế rất bất mãn vì phẩm vật cứu trợ khi đến tay các em không còn là bao nhiêu. Mặc dù vậy, một số cơ quan từ thiện tôn giáo đã từng hoạt động từ thiện vẫn được phép nhận cứu trợ các em bất hạnh này. Tại những thành phố lớn, các cơ quan từ thiện tôn giáo, các đi phước, các ni cô vẫn ngày đêm âm thầm lo cho các em mồ côi và vĩa hè một cách tận tình. Sự hy sinh, tình yêu thương của những

con người cao cả này dành cho các em nhỏ buộc chúng ta phải tự vấn lương tâm mình: có phải chỉ những nhà tu hành mới gánh chịu hậu quả những lỗi lầm do người trần chúng ta gây ra?

Thật ra thì hiện nay cũng đã có nhiều cá nhân, hội đoàn tư nhân tham gia cứu trợ những người bất hạnh, trẻ em mồ côi và vĩa hè. Cộng đồng người Việt gốc Hoa là một trong những đầu tàu tích cực trong việc cứu trợ đồng bào Việt Nam của họ. Những tổ chức từ thiện loại này, vì những khó khăn về hành chánh và chính trị đặt ra từ phía chính quyền, buộc phải hợp tác với các cơ quan từ thiện tôn giáo mới hoạt động được, có nơi họ phải hoạt động qua trung gian của chính quyền địa phương. Tôi được biết nhiều người vẫn đang âm thầm vận động trong gia đình, vòng đai thân hữu, giúp đỡ những cơ quan từ thiện tôn giáo mua vật dụng cần thiết để duy trì cuộc sống trẻ em bất hạnh. Sự cố gắng này rất đáng được tôn vinh.

Có một giải pháp giản dị tôi muốn đặt ra cho những ai quan tâm đến hiện trạng này và muốn tham gia trực tiếp. Nhà cầm quyền cộng sản tuy có gây khó khăn trong công tác cứu trợ cho những tổ chức hay hội đoàn tư nhân trong và ngoài nước, nhưng không ngăn cản sự giúp đỡ cá nhân qua trung gian các cơ quan từ thiện tôn giáo trong nước, cụ thể là các cô nhi viện, các lớp học tình thương tại các phường quận trong thành phố và các xã huyện ở các tỉnh.

Những dịp về Việt Nam, đồng bào hải ngoại có thể liên lạc và chỉ dẫn thân hữu đến thăm một vài địa điểm đang thực hiện các chương trình giúp đỡ trẻ em bất hạnh. Các bạn sẽ nhìn thấy ánh mắt rạng rỡ của các em khi nhận sách vở, áo quần mới. Các bạn cũng sẽ chứng kiến những tấm lòng vị tha, những tâm hồn cao cả của các vị tu sĩ đã dồn hết thì giờ và tình thương để chăm sóc các em này nên người.

Chi phí nuôi ăn ở và học một em mồ côi tốn khoảng 100 USD hay 600 Francs một năm. Chỉ cần mỗi cá nhân ủng hộ 10 USD hay 50 Francs, mỗi tập thể ủng hộ 20 USD hay 100 Francs, cuộc đời các em sẽ khác đi nhiều. Các bạn sẽ thấy không ai yêu dân tộc này, không ai thương xót dân tộc này bằng chính chúng ta. Tin rằng các bạn sẽ giúp các em nhỏ sẽ tìm lại nguồn tình thương từ lâu không có. Hành động của các bạn ngày hôm nay sẽ làm thay đổi tấm lòng của một dân tộc mai sau. Hy vọng đất nước Việt Nam tìm lại những tâm hồn cao cả và những tấm lòng bao dung.

Nguyễn Văn Huy

Một vài địa chỉ để liên lạc:

- Nữ tu sĩ Alice-Marie Hồ Thị Hiền: 42 đường Tú Xương, Phường 4, Quận 3, Sài Gòn.
- Tu viện Thánh Mẫu: 352 đường Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, Sài Gòn.
- Châu Lâm Ni Tự: 39/5 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, Sài Gòn.
- Chùa Huỳnh Kim: 10/62 đường Quang Trung, Quận Gò Vấp, Sài Gòn.
- Chùa Hưng Phước: 462B/121 đường Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Sài Gòn.
- Trung Tâm Khuyết Tật: 40/60 đường Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, Sài Gòn.

Lễ trao giải nhân quyền Wallenberg cho bác sĩ Nguyễn Đan Quế

Người Việt yêu chuộng tự do, dân chủ và thiết tha với nhân quyền hẳn đều hành diện khi được biết Nghị Hội Nhân Quyền Quốc Hội Mỹ (Congressional Human Rights Foundation) đã quyết định dành giải thưởng nhân quyền Raoul Wallenberg 1994 cho bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Trong những năm trước đây, giải nhân quyền này đã được trao tặng cho những nhân vật nổi danh như ông Vaclav Havel, nguyên tổng thống Tiệp Khắc, hoặc Đại Đức Đạt Lai Lạt Ma xứ Tây Tạng.

Trong bức thư gửi ngày 4-3-1994 cho bác sĩ Quế và nhà cầm quyền Việt Nam, chủ tịch Nghị Hội Nhân Quyền Quốc Hội Mỹ, ông David L. Phillips đã mời bác sĩ Quế qua Hoa Kỳ nhận lãnh giải thưởng. Nhưng, như mọi người chờ đợi trước, bác sĩ Quế đã không có mặt được tại buổi lễ trao giải thưởng, tổ chức vào ngày 12-6 vừa qua tại tiểu bang Virginia, nơi mà bác sĩ Quế và Cao Trào Nhân Bản được sự ủng hộ mạnh mẽ của mọi giới, từ dân biểu, nghị sĩ, tới trí thức, nhà báo...

Dù bác sĩ Quế không hiện diện tại buổi lễ trao giải Wallenberg, ý nghĩa của buổi lễ không những không giảm mà còn có phần nổi bật hơn, vì người được giải không những đã có thành tích hy sinh và đấu tranh cho nhân quyền mà hiện còn đang tranh đấu quyết liệt ngay trong nhà tù vì tự do, nhân quyền, bất chấp những đàn áp thô bạo của chính quyền Hà Nội.

Buổi trao giải thưởng Wallenberg cho bác sĩ Quế đã diễn ra trong bầu không khí vừa tiếc vừa nhớ. Tiếc bác sĩ Quế không có mặt để nhận lãnh giải thưởng, và nhớ tới cách đây suýt soát kém hai ngày thì bốn năm tròn, bác sĩ Quế đã bị bắt giam lần thứ nhì vì ông phổ biến bản "Lời kêu gọi gửi các lực lượng đấu tranh cho Tự do, Dân chủ và Đa nguyên".

Trước sự hiện diện của gần 400 quan khách Việt-Mỹ và nhiều nước khác nữa, trong đó có nghị sĩ, dân biểu, đại sứ, đại diện Tổng Liên Đoàn Lao Công Hoa Kỳ (AFL-CIO), đại diện các tổ chức nhân quyền, kể cả đại diện nhiều hội đoàn người Việt tranh đấu cho nhân quyền từ xa tới như Montréal, Paris, Dallas..., ông D. Phillips trong lời mở đầu đã nhắc lại ý nghĩa của giải thưởng nhân quyền Wallenberg. Ông nói giải thưởng này tượng trưng cho lòng quả cảm và sự hy sinh vì nghĩa vụ bảo vệ và tranh đấu cho nhân quyền. Giải ấy được đặt ra để ghi nhớ tới nhà ngoại giao trẻ của Thụy Điển Raoul Wallenberg đã từng hy sinh cứu vớt sinh mạng cho trên 100 ngàn người Do Thái tại Budapest, năm 1944. Rồi ông kết luận rằng, giải Wallenberg 1994 được trao cho bác sĩ Quế để ca ngợi cuộc đấu tranh bất bạo động nhưng cương quyết của ông cho nhân quyền của dân tộc Việt Nam.

Sang phần phát biểu, bà dân biểu Leslie Byrne của tiểu bang Virginia, với lý lẽ rành mạch và giọng nói đong dạc, đã nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ luôn luôn bênh vực nhân quyền, chống lại mọi sự vi phạm và chà đạp con người. Rồi ám nói tới việc Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận với Việt Nam, bà Byrne tiếp rằng lá cờ Mỹ mà mọi người thấy trong hội trường không gói ghém những xấp Mỹ kim mà tiêu biểu cho Tự do, Dân chủ và Quyền làm người.

Tiếp sau là thượng nghị sĩ Charles Robb thuộc tiểu bang Virginia, tuy ban tổ chức buổi lễ không dự trù có mặt, lên diễn đàn nói vài lời ca ngợi cuộc đấu tranh can đảm của bác sĩ Quế, và đồng thời tố giác nhà cầm quyền Việt Nam đã ngăn cản ông gặp và tiếp xúc với bác sĩ Quế trong những lần thăm viếng Việt Nam trước đây.

Cùng đến với dân biểu L. Byrne còn có dân biểu James Moran cũng của tiểu bang Virginia. Ông J. Moran nhận định rằng cuộc chiến Việt Nam chưa hẳn chấm dứt nếu nhân dân Việt Nam chưa có những quyền hạn tối thiểu, không có một cuộc sống tự do và dân chủ thực sự.

Từ tiểu bang Nevada tới, dân biểu James Bilbray, với dáng dấp hiền hòa và bằng những lời lẽ thân thiện nói rằng khi Hoa Kỳ quan tâm tới nhân quyền ở Việt Nam, Trung Quốc hoặc những nước nào khác, khi chính phủ Mỹ vận động và yêu cầu chính quyền các nước đó tôn trọng nhân phẩm, bảo đảm cho người dân những quyền căn bản thì đây không phải là một thái độ xen lán nội bộ có tính cách thù nghịch. Trái lại, điều đó thể hiện lòng quý mến thiết tha với dân tộc các nước đó.

Người phát biểu rõ ràng với nhiều nhiệt huyết là bà Paula Dobriansky, cựu phụ tá tổng trưởng ngoại giao. Sau khi kể lại cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ và đa nguyên của bác sĩ Quế, từ Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ tới Cao Trào Nhân Bản, bà Dobriansky kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ khoan thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với chính quyền Việt Nam khi mà bác sĩ Quế và các tù nhân chính trị khác chưa được trao trả tự do và chưa có quyền hưởng tất cả các quyền công dân thông thường.

Trong các nhân vật lên phát biểu, có ông Lê Văn của đài VOA. Ông xem bác sĩ Quế như một kẻ sĩ hội đủ các đức tính nhân, trí, dũng, thể hiện qua quá khứ và thành tích hoạt động tranh đấu của bác sĩ Quế.

Ông Lê Văn dứt lời thì tới giờ phút trao giải nhân quyền R. Wallenberg cho bác sĩ Quế. Toàn thể quan khách chăm chú hướng về bàn chủ tọa, không khí hội trường có tăng phần trang trọng, ông D. Phillips mời dân biểu Don Bonker trao giải cho bác sĩ Quế. Giải thưởng rất đầy ý nghĩa bởi nó là bức tượng nữ thần tự do mà có lẽ cả thế giới đều biết tới và có thể đa số các quan chức chính quyền Việt Nam khi sang công tác tại Hoa Kỳ đều đi tham quan bức tượng thật ở New York với mục đích cho sướng mắt chứ không có ý học hỏi và mở rộng hiểu biết để đi tới thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ tự do của người dân Việt ở trong nước.

Người thay mặt bác sĩ Quế để lãnh giải thưởng là bác sĩ Phạm Hữu Trác, chủ tịch Hội Y sĩ Quốc Tế Việt Nam Tự Do. Ông nói thật là bất đắc dĩ ông phải nhận giải thay bác sĩ Quế vì ước mong của ông và chắc cũng của toàn thể cử tọa nữa là nhìn thấy bác sĩ Quế có mặt ngày hôm nay, ở đây, ngõ hầu Nghị hội Nhân quyền Quốc hội Mỹ trao tận tay bức tượng mà ông đang cầm.

Buổi lễ trao giải Wallenberg nối tiếp với những lời phát biểu của ông David St John, phụ tá đặc biệt của chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công Hoa Kỳ. Ông D. St. John tuyên bố rằng không thể nhìn Việt Nam một cách hẹp hòi và thiên cận như một thị trường buôn bán làm ăn trên đà phát triển và có triển vọng đem lại lợi nhuận mau chóng. Ông tiếp thêm rằng Việt Nam hiện vẫn còn là nơi mà nhà nước cộng sản dùng bạo quyền để áp bức người dân, chà đạp các nhân quyền căn bản. Dưới chiêu bài ổn định chính trị là cần thiết để mở cửa thu hút đầu tư và giao thương của nước ngoài, nhà nước cộng sản Việt Nam vi phạm trắng trợn tự do, dân chủ và nhân quyền.

Lễ trao giải nhân quyền Wallenberg cho bác sĩ Quế kết thúc bằng những lời cảm tạ của anh ruột bác sĩ Quế là bác sĩ Nguyễn Thế Huy từ Montréal tới. Với một giọng nói thể hiện rõ rệt sự chân thành, bác sĩ Huy gửi lời cảm tạ Nghị hội Nhân Quyền Quốc Hội Hoa Kỳ, toàn thể cử tọa và tất cả những ai đã ủng hộ cuộc đấu tranh bất bạo động cho Tự do, Dân chủ và Đa nguyên của em ông, bác sĩ Nguyễn Đan Quế.

Nguyễn Chính Phương

Lộ trình của một người

Nguyễn Gia Kiểng

LTS: Ngày thứ sáu 10-6-1994, hơn 300 người Việt Nam thuộc mọi thành phần và mọi khuynh hướng cùng với khoảng 100 người Pháp đã có mặt tại nhà hòa thiêu Valenton, ngoại ô Paris, để tiễn đưa Lê Văn Đăng lần cuối cùng. Sau đó cốt tro của anh được đem về an táng tại nghĩa trang Pontault Combault, nơi gia đình anh cư ngụ, đợi ngày thuận tiện để đưa về Việt Nam. Tại đây hơn 100 người khác đã đợi sẵn để chào anh lần cuối.

Trước giờ hòa thiêu thi hài Lê Văn Đăng, Nguyễn Gia Kiểng đã thay mặt nhóm Thông Luận đọc bài tưởng nhớ mà chúng tôi đăng lại sau đây

Hôm nay chúng ta gặp nhau ở đây để tiễn đưa một người thân vừa ra đi vĩnh viễn. Chúng ta sẽ không còn được gặp lại Đăng nữa. Anh đã đi vào kỷ niệm.

Nhắc lại cuộc đời anh trong giờ phút này là một hân hạnh, nhưng cũng thật là một đau đớn vô cùng cho tôi.

Lê Văn Đăng sinh ngày 5-6-1942 trong một gia đình nề nếp theo truyền thống Việt Nam. Cuộc đời đã rất tàn nhẫn với anh. Năm anh vừa 3 tuổi, cha anh, một chiến sĩ cách mạng của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã bị cộng sản giết hại. Ba năm sau, mẹ anh, vì không chịu nổi khổ cực và uất hận, đã qua đời để lại anh bơ vơ lúc vừa 6 tuổi. Anh sống nhờ sự nuôi dưỡng của các anh chị rất nghèo, chỉ có tình thương để cho anh. Quảng đời thơ ấu của anh đã vô cùng cơ cực, và đã để lại một dấu ấn sâu đậm trên anh. Sau này dù khá giả, Đăng không bao giờ là một con người thụ hưởng. Cố gắng đã trở thành một bản năng nơi anh. Lúc làm việc anh thoải mái hơn hẳn lúc vui nhàn. Nhờ thông minh và chuyên cần, năm 1961 anh đậu tú tài một cách xuất sắc, rồi đậu thủ khoa vào trường Đại Học Sư Phạm ban Toán, nhưng ngay sau đó được học bổng đi du học tại Pháp. Anh rời Việt Nam ngày 4-11-1961 trên cùng chuyến máy bay với tôi. Lúc ra đi, anh không có cả chiếc áo lạnh, phải lấy dầu cù là bôi khắp người chống rét. Hành trang chỉ có vài bộ quần áo. Nhưng anh có cả một ý chí vươn lên.

Tới Pháp, anh không học Kỹ Thuật mà chọn học Thương Mại. Đó là một chọn lựa khó khăn vì anh học trường Việt, chưa biết tiếng Pháp, lại xuất thân là con nhà Toán. Nhưng Đăng không bao giờ sợ những chọn lựa khó khăn. Sau này quyết định về nước của anh năm 1973, khi chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã lâm nguy rõ rệt, cũng như lập trường chính trị gần đây của anh đã chứng minh một đặc tính cố định của anh: Đăng không bao giờ ngại những thách thức.

Dẫu vậy, Đăng thành công hoàn toàn. Anh tốt nghiệp cả Ecole Supérieure de Commerce de Nancy lẫn Cử nhân Luật năm 1965, sau một thời gian kỷ lục.

Về Paris anh vừa làm vừa học, tốt nghiệp Institut d'Etude Politique và Cao học Kinh tế. Anh làm giám đốc hành chánh nhân viên, giám đốc tài chánh, kế toán trưởng cho nhiều công ty tại Pháp.

Việc học cũng như việc làm đều thành công mỹ mãn, dù Đăng không phải chỉ biết tìm kiếm sự thành công cho cá nhân anh. Ngay khi còn là học sinh trung học tại Việt Nam, anh đã tham gia đấu tranh cho dân chủ. Từ ngày tới Pháp, Đăng luôn luôn tích cực tham gia các hoạt động đấu tranh chính trị cho đất nước theo lập

trường mà trí tuệ và lương tâm anh thấy là đúng.

Anh hợp tác với nhiều tổ chức, tham gia tích cực vào Tổng Hội Sinh Viên. Năm 1966, khi chức tổng thư ký Tổng Hội Sinh Viên bị khuyết, Lê Văn Đăng được cử vào thay thế. Dù nhảy ngang vào ban chấp hành ở một chức vụ cao như thế, Đăng đã được mọi người chấp nhận vì thiện chí, khả năng và sức làm việc hiếm có của anh. Năm sau, 1967, anh trở thành chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên và kể từ đó luôn luôn là một tiếng nói đầy uy tín của Tổng Hội cho tới ngày anh về nước.

Năm 1969, anh trở thành tổng thư ký của Liên Minh Sinh Viên và Công Nhân Việt Nam tại Âu Châu, tổ chức liên kết hầu hết các tổ chức chống cộng tại Châu Âu.

Anh đóng góp thành lập ra nhóm Ý Thức Đấu Tranh Quốc Gia, bộ óc và linh hồn của phe quốc gia tại hải ngoại của thập niên 60, đầu thập niên 70.

Đó là thời gian mà cuộc chiến tại Việt Nam đang vô cùng khốc liệt, và các cuộc tranh cãi và xung đột về lập trường chính trị cũng vô cùng gay gắt. Không tránh khỏi lời qua tiếng lại và không tránh khỏi sự kiện những tổ chức cộng sản hoặc có cảm tình với cộng sản lúc đó dán cho anh và các bạn anh nhãn hiệu cực hữu, quá khích. Nhưng đó chỉ là một trò chơi chính trị.

Đăng chưa bao giờ là một người quá khích, lại càng không phải là một người cực hữu. Anh có lý do gì để là một người cực hữu? Anh sống cơ cực từ nhỏ, anh là một người cùng khổ nhất trong những người cùng khổ. Anh không những thiếu cơm ăn áo mặc mà còn thiếu cả cha lẫn mẹ. Anh chỉ có thể đứng về phía những người thua thiệt. Nhưng anh là một người yêu chuộng tự do dân chủ và anh chống lại chủ nghĩa cộng sản bởi vì anh thấy đó là một chủ nghĩa không tưởng, chỉ có thể làm chiêu bài cho những chế độ dối trá và bạo ngược. Vào thập niên 1960, chủ nghĩa cộng sản đang lên như điều gặp gió. Có một khủng bố tinh thần lúc đó bắt buộc người trí thức phải là người trí thức thân cộng. Nhưng Đăng không phải là người dễ khuất phục trước thời trang. Anh là đứa con của đất miền Trung sỏi đá, nơi con người luôn luôn phải bước bình với thiên nhiên để sống. Anh đã đấu tranh quyết liệt nhân danh trí tuệ và nhân danh những giá trị cơ bản của loài người. Tôi là người luôn luôn đứng bên cạnh anh để làm chứng điều đó.

Ngày 1-11-1967, anh được bầu làm chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên, cũng là ngày Quốc Khánh của Việt Nam Cộng Hòa. Anh vừa được bầu lên buổi chiều thì tối hôm đó anh đã cùng anh em Tổng Hội tới ngay giữa buổi lễ, cướp micro, lên án chính quyền

Nguyễn Văn Thiệu đàn áp sinh viên trong nước. Năm sau, anh cùng với anh em bất ngờ chiếm cứ Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa trong suốt một ngày, đòi chính quyền phải giải quyết thỏa đáng vụ bắt giam một nhóm sinh viên bị buộc tội hoạt động cho cộng sản. Lúc đó chúng tôi đòi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, hoặc phải trả tự do cho họ, hoặc phải đem xét xử họ trước một phiên tòa đứng đắn, trong đó họ phải được đảm bảo quyền bào chữa đầy đủ và trọn vẹn.

Đó cũng chính là điều mà ngày hôm nay mọi người dân chủ, trong đó có Đảng, đòi chính quyền cộng sản Việt Nam phải thực hiện đối với Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Huyền Quang, Quảng Độ, Tuệ Sĩ, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Hộ và với tất cả các tù nhân chính trị khác.

Trước quan tài của Đảng hôm nay, tôi có thể nói Đảng có quyền hành diện vì lập trường trước sau như một của anh. Trong suốt cuộc đời anh, anh đã trung thành với mọi người nhưng, điều còn quan trọng hơn, anh đã biết trung thành với chính mình.

Năm 1973, giữa lúc đang thành công mỹ mãn tại Pháp, giữa lúc một tương lai sáng lạn đang mở ra trước mắt, Đảng quyết định từ bỏ tất cả để trở về Việt Nam cùng với một số anh em tâm huyết, mà nhiều người đang có mặt trong phòng này.

Đó là một chọn lựa đầy hiểm nghèo, bởi vì lúc đó Hiệp Định Paris đã ký kết và chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà chúng tôi ủng hộ đã gần như tuyệt vọng. Nhưng chúng tôi đã cam kết chống lại tới cùng sự áp đặt chế độ cộng sản tại Việt Nam và chúng tôi đã thực hiện lời cam kết đó.

Chính thể Việt Nam Cộng Hòa đã sụp đổ như dự kiến và chúng tôi đã phải sống những ngày cuối cùng thật bi đát. Sau đó Đảng may mắn thoát nạn, nhưng nhiều bạn anh đã mắc nạn. Nhiều người đã phải trải qua những năm tháng tù tội khổ nhục. Nhiều người đã chết.

Đảng đã làm việc tại Việt Nam trong hơn hai năm. Trong hơn hai năm làm cố vấn tổng trưởng Tài Chánh, Đảng đã tỏ ra là một chuyên viên kinh tế tài chánh lỗi lạc. Ba tổng trưởng tài chánh đã thay thế nhau trong thời gian này, nhưng Đảng vẫn ở đó. Anh trở thành người điều khiển trên thực tế của Bộ Tài Chánh. Anh đã góp phần quyết định giữ cho đồng bạc Việt Nam được ổn định vào giữa lúc chiến cuộc gia tăng trong khi viện trợ Mỹ sút giảm. Không ai có dịp biết anh có thể chối cãi rằng Đảng là một chuyên viên kinh tế tài chính đầy bản lĩnh.

Điều nổi bật trong cuộc đời Đảng là gian truân tại đất nước bao nhiêu thì anh thành công ở hải ngoại bấy nhiêu. Sang Pháp, anh làm việc tại Ngân Hàng Ngoại Thương, giữ nhiều chức vụ quan trọng, và trở thành quản trị viên. Những năm Đảng sống ở nước ngoài là những năm anh đóng góp gây sự kính trọng đối với con người Việt Nam và trí tuệ Việt Nam.

Khi tôi tới Pháp vào cuối năm 1982, tôi nghe một số bạn bè nói rằng Đảng hiện rất thành công, sống rất thoải mái và không còn quan tâm tới chính trị nữa. Nhưng ở gần Đảng và nói chuyện với anh - vì Đảng nuôi tôi trong những ngày đầu - tôi thấy sự thực khác hẳn. Đảng theo dõi rất kỹ tình hình đất nước, biết rất rõ mọi tổ chức đấu tranh hải ngoại, nhưng anh không tham gia vì nhận thấy đường lối của họ thiếu sáng tạo và không phù hợp với tình thế mới.

Những hoạt động trong mười năm gần đây của Đảng chứng tỏ rằng nhiệt tình với quê hương đất nước, lý tưởng dân chủ lúc

nào cũng bùng cháy trong người anh.

Một lần nữa Đảng nhập cuộc. Anh trở thành một thành viên lãnh đạo của Thông Luận. Một lần nữa Đảng chứng tỏ anh không sợ phát biểu một lập trường không hợp thời trang, nếu anh thấy đó là lập trường đúng.

Lập trường của anh, mà tôi không nhắc lại hôm nay, đã làm phiền lòng nhiều người, trong đó có rất nhiều bạn thân của anh. Nhưng Đảng không ngại, anh vững tin rằng cái gì đúng sau cùng vẫn được chia sẻ.

Kết quả là Đảng đã thắng lớn. Một mặt anh đã đưa được bàn tay thân thiện cho những người trước đây là đối thủ của anh và cũng đã nắm được những bàn tay thân thiện đưa lại. Mặt khác, các bạn cũ của anh có lúc đã ngờ vực anh là đón gió trở cờ, giờ đây đã hiểu anh và tin anh. Và lại làm sao anh có thể đón gió trở cờ? Anh đã dám chấp nhận mọi gian nguy chống lại chủ nghĩa cộng sản trong lúc nó đang cực thịnh thì có lẽ nào anh lại chạy theo nó vào lúc nó đã tàn lụi? Cuối cùng Đảng đã hòa giải được cả với những đối thủ cũ lẫn với những người bạn cũ. Đường lối mà anh theo đuổi và cổ võ giờ đây đang được mọi người chấp nhận.

Trong những ngày gần đây, Đảng còn đảm nhiệm một sứ mệnh khai phá quan trọng. Anh đã là một gạch nối giữa trong và ngoài nước, đã khởi đầu một cuộc trao đổi đứng đắn và xây dựng. Ở hải ngoại không ai chống đối việc anh làm. Chính quyền cộng sản cũng biết rõ lập trường và mục đích của anh, nhưng dù không thể ủng hộ anh họ cũng đã kính trọng anh. Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng kể từ 1975, Lê Văn Đảng là người đầu tiên đã có thể nói chuyện với người cộng sản mà vẫn công khai giữ nguyên vẹn lập trường dân chủ.

Tiếc thay công việc anh đang xúc tiến tốt đẹp giờ đây đành tạm gián đoạn.

Ngày thứ bảy 4-6-1994, giữa lúc anh đang phát biểu trong một buổi họp để đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền, anh đã đột ngột từ giã cõi đời. Cái chết đã ám sát anh trong lúc bất ngờ và làm dang dở những hoài bão to lớn mà anh đang theo đuổi. Nhưng Lê Văn Đảng không bao giờ thua. Tim, gan, thận và phổi của anh đã được dùng để cứu các cuộc sống khác. Cái chết đã cướp đi sự sống của anh nhưng cũng đã phải nhượng bộ anh và trả lại nhiều cuộc sống khác. Như thế là ngay khi chết Đảng vẫn cứu được sự sống.

Lê Văn Đảng đã là một người đôn hậu. Anh đã sống rất mực thủy chung với Cẩm Phượng, người bạn gái mà anh đã chọn làm vợ, đã dành tất cả tình yêu và sự tận tụy cho các cháu Thùy Ly, Sĩ Phan và Thùy Vân, đã tận tình giúp đỡ các anh, chị, em và các cháu anh, đã hết lòng hết sức với các bạn anh. Anh đã là một người chồng lý tưởng, một người cha mẫu mực, một người anh, người em, người chú quý báu, một người bạn vô giá.

Anh sống trung thành với lý tưởng và đã yêu tha thiết đất nước đã sinh ra anh. Anh đã làm tất cả những gì anh có thể làm cho đồng bào đau khổ của anh. Nhờ sự đôn đốc của anh, chị Cẩm Phượng, trong cương vị chủ tịch tổ chức UNICEF vùng Marne La Vallée, đã làm rất nhiều cho những trẻ em nghèo khổ tại Việt Nam; Đảng không bao giờ quên rằng chính anh cũng đã là một đứa trẻ xấu số. Anh đã nhiều lần nói lên ý muốn được ngủ giấc ngủ cuối cùng trên đất nước Việt Nam. Ý muốn đó sẽ được toại

nguyện. Sau này khi đất nước đã có dân chủ tự do như anh mong muốn, cốt tro của anh sẽ được đem về trả lại cho miền đất Hương Thủy, nơi anh đã ra chào đời.

Cuộc đời của Đăng đã là một cuộc đời hy sinh và phấn đấu. Phấn đấu với sự khổ cực của tuổi thơ ấu. Phấn đấu với khó khăn để vươn lên. Phấn đấu cho vợ con, cho gia đình, cho bè bạn, cho những người cần tới anh. Và anh đã phấn đấu không ngừng nghỉ cho đất nước và đã thực sự phấn đấu cho đất nước đến tận ngày hơi thở cuối cùng. Anh đã chết như một chiến sĩ ngã gục trên chiến trường. Lê Văn Đăng đã là một con người xuất chúng. Anh đã là một chuyên viên lỗi lạc, một chiến sĩ kiên cường của lẽ phải, nhân quyền, tự do và dân chủ. Anh đã là một người sống cho một lý tưởng cao đẹp, một người yêu nước thực sự, một trí thức chân chính.

Lê Văn Đăng đã không được nhìn thấy thành quả của những cố gắng của anh. Các con anh vừa mới sắp thành đạt thì anh đã ra đi. Lý tưởng mà anh theo đuổi vừa mới nảy mầm thắng lợi thì anh đã nằm xuống. Anh đã chỉ cho mà không được nhận. Đến lúc chết anh vẫn còn cho tất cả những gì mà anh còn cho được: cơ thể anh và trái tim anh. Anh đã đến trong cuộc đời, đã khổ đau, đã phấn đấu, đã chiến thắng, đã yêu thương, đã vui buồn. Anh đã sống không thù hận. Anh sống không được lâu nhưng anh đã sống xứng đáng và đã ra đi trong sự quang đại.

Mọi người khóc anh. Nhóm Thông Luận khóc một cấp lãnh đạo kiệt xuất không thể thay thế. Riêng tôi còn khóc một phần của chính mình.

Anh đã chết không bệnh tật, không đau đớn giữa lúc còn khỏe mạnh, minh mẫn và yêu đời. Anh chết trong vòng tay anh em. Anh chết giữa hành động, giữa lúc đang tươi cười. Nụ cười đó là hình ảnh vĩnh viễn mà anh để lại trong tâm khảm những người bạn có mặt bên anh vào lúc cuối cùng.

Và hôm nay, trong giờ phút đầy xúc động này, anh hãy nhận lời chào vĩnh biệt và sự thương tiếc của mọi người, của vợ anh, của các con anh, của gia đình anh, của những người đã biết anh, của bè bạn, của chí hữu, của những người có mặt ở đây cũng như những người vì hoàn cảnh không thể đến đây để tiễn đưa anh. Mọi người sẽ mãi mãi nhớ anh và nhắc đến anh.

Nguyễn Gia Kiểng (10-6-1994)

học xá Cité Universitaire. Anh cho tôi hay đã đi làm ngân hàng và giới thiệu tôi người vợ, chị Cẩm Phượng: "Bà xã moi". Rồi chúng tôi mỗi người một công việc, bằng không gặp nhau. Tôi gặp lại anh vào năm 86, khi anh em Thông Luận ra mắt bạn hữu lần đầu tiên tại Paris. Anh vẫn vậy, nghĩa là vẫn đen đôn, tha thiết hỏi thăm ông anh ruột tôi, vì anh tôi cũng cùng học chung với Đăng.

Ấy thế mà anh đã ra đi được tám ngày. Anh ra đi vào cái hôm trời Paris sụi sụi trở mưa gió, để l-ai cho thân nhân, bạn bè, người còn ở lại cái day dứt vừa mất một người thân. Một đêm trần trọc khó ngủ, không hiểu vì ấm trà mạn của anh mới trở về từ Việt Nam tặng, uống tại nhà một người bạn già của anh và tôi, hay tại cái day dứt nhớ về những kỷ niệm cũ cùng người mới mất, nhớ lại cái hình bóng chập chờn của anh trong khói hương ngày hôm qua, trong buổi lễ cầu siêu tối chừa. Chao ôi, thế mới biết:

"Tuong tư lợ phải là trai gái,

Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng".

Cung Điền (Paris, 12-6-9-4994)

Tưởng niệm Lê Văn Đăng

Để anh em chí hữu của Đăng viết về anh vài cái thời hoạt động tại Pháp, tôi chỉ xin gọi lại những kỷ niệm hồi trung học với anh, vì chắc cũng chẳng có nhiều người tại Paris cùng học chung với Đăng tại trung học.

Niên học 54-55 trường trung học Võ Tánh tại Nha Trang mở thêm lớp Thát 6 dành cho học sinh di cư từ Bắc vào Nam. Thát 6 trở thành Lục 6, Ngũ 6, rồi Tứ 6... Đăng học chung với chúng tôi từ lớp Lục 6. Bọn học sinh chúng tôi thường đặt thêm tên cho nhau sau cái tên cúng cơm trên giấy khai sinh: Phương nghịện, Ngô ngong, Thủy mập, Tấn lùn, Đệ điếc, Dũng tếu... vì Phương thường hay rít thuốc lá, Ngô đầu trọc nói cà lăm và Thủy mập ù, má lúm đồng tiền. Còn Đăng, vì nước da ngăm ngăm đen đôn, chúng tôi đặt tên Đăng đen và Dũng tếu gọi anh là Đăng chà và. Đăng đen hay Đăng chà và ở cùng ông anh ruột làm nghề gõ đầu trẻ tại một hẻm đường Sinh Trung. Căn nhà khang trang, có sân, vụng và phía sau là cái ao rau muống. Đăng phải trông thẳng cháu con ông anh, nên thỉnh thoảng anh thường đeo thẳng cháu trên cái xe đạp "duralimine" trắng tới nhà tôi chơi ở khu Nhà Lao. Đôi lúc tôi kéo Đăng tới nhà Quách Giám, con cụ Quách Tấn, ở gần khu Chợ Đầm để chơi và ăn mặn, vì nhà Quách Giám có cây mặn đào rất ngon? Hai chú cháu ăn no một bụng mặn rồi kéo nhau về. Cách đây mấy tháng, tôi có hỏi Đăng về ông anh, Đăng có cho hay ông anh đã đi sang Úc theo diện tụ họp gia đình với thẳng con.

Trên đường từ trường về nhà, chúng tôi thường đi chung với nhau một quãng tới đường Độc Lập, sau đó anh đi băng qua khu Chợ Đầm để về nhà, còn chúng tôi đi ngược về phía Khu Công Chánh. Trước khi tới đường Độc Lập, dưới cây bàng có xe phở của ông cụ thân sinh Nguyễn Hữu Thấu, thường có con chó mực rất dữ, hay sủa theo chúng tôi. Lúc nào Dũng tếu cũng gọi con chó mực là Đăng chà và, treu con chó để nó đuổi, và chúng tôi chạy trốn chết. Mỗi lần như vậy, anh cũng chỉ cười hòa và cùng chạy với chúng tôi. Đăng thuộc loại chăm chỉ hạt bột, bài võ lúc nào cũng ngăn nắp. Nếu tôi có "cúp cua" giờ nào, thì ngày hôm sau chỉ cần hỏi Đăng, sẽ có bài để chép lại.

Đăng có cái ngây thơ của một thằng con trai mới lớn, chứ không "ngây thơ cụ" như một vài thằng bạn cùng lớp, lớn hơn chúng tôi cả bốn năm tuổi.. Hồi đệ Ngũ, vào giờ Việt văn, cụ Vỹ già giảng Chinh Phụ Ngâm đến cái đoạn:

"Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông,

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng".

Cụ bèn giảng thêm cái nghĩa "nguyệt hoa": khi người chinh phụ nhìn tới trăng hoa, nhớ lại "cái cảnh trai gái chúng nó từ ti tút tút", chúng tôi và mấy thằng lớn cười rầm lên, nhưng Đăng cứ vẫn ngó ngẩn, hỏi tôi tại sao tại mày cười. Ấy, Đăng là thế. Anh tốt với bạn bè, và hầu như chưa hề làm mất lòng ai.

Học xong trung học, Đăng xin học bổng và được chọn đi Pháp. Từ Pháp, vào cái mùa đông đầu tiên tại Paris, anh có viết cho chúng tôi một bức thư khá dài, với hàng chữ rất nhỏ, để có thể viết được hết tâm tình. Anh có nhắn chúng tôi nếu anh em nào được một nửa học bổng thì đừng nên đi Pháp vì cực lắm. Anh học bên Pháp, tôi đi du học ở cái xứ Mặt Trời Mọc, cho đến mãi năm 68-69 mới gặp lại nhau tại Paris, bên lề sân đá banh trong khu đại

<<<<

Lời tiễn biệt đọc trong dịp hỏa thiêu Lê Văn Đăng

Trần Thanh Hiệp

Anh Đăng,

Một ngày cuối xuân, anh bất chợt trút hơi thở cuối cùng. Hôm nay chúng tôi thân nhân, đồng nghiệp, bạn bè, chí hữu của anh đến đây tiễn đưa anh đi chuyến vân du không ngày trở lại. Anh nằm xuống, với chúng tôi, như Đỗ Phủ ngâm ngùi "Trời đất còn ngâm vết thương đau" (Cần khôn hàm sang đi). Nhìn di hình anh, chúng tôi nghe vang vọng từ cõi tiềm thức và ngập đầy tâm tư âm hưởng câu thơ của Lamartine "Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé".

Nếu còn phải nói thêm nữa về nỗi đau đớn của chúng tôi thì chỉ còn sự im lặng vì không có ngôn ngữ nào đủ để diễn tả cho thật trọn vẹn. Mất anh, mỗi chúng tôi đều như đã mất đi một phần da thịt mình, một phần máu xương mình, một phần tâm hồn mình.

Chúng tôi mong chia sẻ được nỗi đau đớn ấy với Cẩm Phượng, người vợ hiền của anh, với các cháu Thùy Ly, Sỹ Phan, Thùy Vân, các con yêu quý của anh và với những người thân khác trong gia đình anh.

Anh Đăng,

Anh thuộc vào thế hệ "những người con" mà hòa bình theo sau đệ nhị thế chiến đã cung cấp cho phương Tây. Nhưng ra chào đời trên đất Việt Nam, anh đã không được thời thế đãi ngộ như họ vì quê hương anh triền miên đắm chìm trong khói lửa của hận thù, chinh chiến. Sinh ra và trưởng thành trong thực tại xã hội đầy bất hạnh ấy, anh đã ý thức được rằng phải sớm đưa Việt Nam ra khỏi thân phận của một nước nhược tiểu nghèo túng, lạc hậu bị lâm vào thế phải đổi sự sống lấy vai trò làm chiến tranh ủy nhiệm cho hai ý hệ, hai thế lực quốc tế. Bởi vậy, từ khi đang còn là học sinh trung học và sau đó suốt cuộc đời mình, anh đã âm thầm góp phần xây dựng nền hòa bình trong tự do mà cả nhân loại đang chờ đón và xây dựng trước ngưỡng cửa thế kỷ 21. Anh đã là một trong những người tiếp tục sự nghiệp chiến đấu cho tự do dân chủ của Đồng Minh vì, cũng như cực quyền Quốc xã, cực quyền Cộng sản là kẻ thù một mất một còn của tự do dân chủ.

Bình sinh, anh là người khiêm nhường, làm nhiều, nói ít mặc dầu sự hiểu biết, kinh nghiệm của anh thật là bao la. Phong cách sống tận hiến của anh đã nối tiếp được truyền thống cao đẹp của tiền nhân là lo trước mọi người, vui sau mọi người mà xả thân thủ nghĩa và phong cách ấy đã rèn đúc anh thành một trí thức của thời đại. Anh chính là một định nghĩa sống của lớp trí thức này mà mọi hành động đều dựa vào những giá trị được chọn làm tiêu chuẩn và đều tuân theo luân lý khắt khe của những tiêu chuẩn ấy. Người trí thức thời đại, theo anh và nói như người xưa, phải vượt lên trên sức mạnh vũ phu của những kẻ hạ đẳng, xua đuổi hết được những toan tính nhỏ nhặt trước mắt của những kẻ tiểu lợi, chiếu tỏa được ánh sáng chói lọi của trí tuệ để trở thành bậc thượng dũng, có đủ bản lĩnh đảm đương trách nhiệm của những bậc đại thụ cứu dân, giúp nước.

Anh cùng với một số chí hữu ấp ủ giấc mơ thấy một nước Việt Nam thực sự được giải phóng khỏi sợ hãi, khốn cùng và thấy nhân phẩm, danh dự được trả lại cho mỗi con người sống trên mảnh đất đó.

Giữa lúc các chí hữu của anh cũng như đất nước đang cần khối óc, con tim, hai bàn tay anh để cùng tạo nên một đà tiến bộ chuyển hóa Việt Nam thành một không gian sống mới, không gian của tự do, dân chủ, hòa bình, nhân ái, thì anh bị cướp mất sự sống một cách thật phi lý. Chúng tôi cúi đầu nhỏ lệ khóc anh nhưng không thể không tự chất vấn tại sao chúng ta lại phải gánh chịu một điều bất công thô bạo như thế?

Tôi không muốn nhắc lại ở đây điều mà ai cũng đã biết, đó là lẽ vô thường trong đời sống con người. Các nguồn tư tưởng Phật, Lão, Trang từ xưa luôn luôn nhắc nhở rằng không có sinh mà cũng không có tử, còn nguồn tư tưởng dân gian thì cho rằng sống là gửi, thác là về, về trong lòng đất của quê hương, về với cát bụi của hư vô. Không giáo khuyên ông cha chúng ta phải biết mệnh trời. Công giáo xoa dịu thương đau với tiếng gọi về với Chúa. Các nhân tử quan này đã ngự trị lâu đời trên đất nước chúng ta, đã chi phối nhân sinh quan của chính mỗi chúng ta. Cho nên chúng ta thường nghe những lời trách oán tạo hóa bất công, những câu dị nghị trời xanh đành hanh ghen tị và những vãn từ bóng bẩy nhưng tiêu cực để bàn về lẽ sống chết như "gan vàng, mệnh bạc", "mệnh yếu, danh thọ", "cái sinh không cái tử cũng là không" v.v...

Anh Đăng,

Cách anh dẫn thân và từ giã cuộc đời đã để lại cho chúng tôi một bài học về nhân sinh. Trong chớp mắt anh đã tịch diệt, không một lưu luyến cõi trần, trên thế đứng thẳng và xốc tới của một chiến sĩ đang lâm trận. Chúng tôi đã nhận đầy đủ thông điệp anh để lại: kiếp người thật mong manh nhưng con người cũng không còn cách nào khác hơn là phải biết sống, dám sống để biết chết, dám chết. Chúng tôi biết anh đã trả cho sự khám phá này cái giá mà nó đòi hỏi: sự sống của anh.

Thôi, từ nay nơi miền cực lạc ở chốn trăng sao anh hãy tiêu dao. Khoảng cách giữa mộng và thực trong giấc mơ Việt Nam chung, các chí hữu còn sống của anh sẽ thấu ngấn dần như anh vẫn thường mong ước.

Hôm nay tiễn đưa anh, chúng tôi không có trời cao cho anh bay bổng với đôi cánh chim đại bàng, không có bể rộng cho anh thỏa chí cưỡi sóng đề gió, không có cả đất mẹ để tiếp nhận anh. Nhưng chúng tôi có tấm lòng kính trọng anh, thương tiếc anh vô hạn trải thảm lối anh đi.

Anh Đăng,

Vĩnh biệt anh.

Trần Thanh Hiệp

Bạn đường

Phạm Trọng Luật

Không biết tình bạn đã xuất hiện từ lúc có con người hay chưa, song viết về tình bằng hữu, nếu không phải là viết về một điều xưa như ông Bành Tổ thì ít ra cũng cũ như đoạn văn này của Aristote, trích và dịch từ "*Ethique à Nicomaque*":

"Tình bạn là điều cần yếu nhất trong cuộc đời. Không bạn bè, chẳng ai thiết sống, mặc dù có tất cả những phúc lộc khác (...). Lúc nghèo túng hay khi bất hạnh, người ta vẫn nghĩ bạn bè là nơi nương tựa duy nhất. Tình bạn giúp cho kẻ thanh niên tránh khỏi những sai lầm, mang lại cho sự chăm sóc và khả năng hành động khi sức lực đã suy giảm; tình bạn còn thúc đẩy tuổi trung niên vào những hành động cao đẹp (...).

Tình bạn là giềng mối của xã hội. Kẻ phải đặt nền móng, kỷ cương cho các thành quốc đánh giá tình bạn cao hơn cả công lý. Bởi vì sự hòa hợp - cái phẳng phất như tình bạn - là điều mà họ tìm kiếm trước tiên, trong khi điều mà họ muốn trục xuất ra khỏi thành quốc hơn hết chính là sự phân hóa chính trị, kẻ thù của tình bạn. Khi làm bạn với nhau, người ta không cần đến chân lý; ngược lại, ngay cả khi là kẻ công minh, người ta vẫn cần đến tình bạn. Công lý, ở điểm hoàn thiện nhất, có cái gì giống như tình bạn từ bản chất".

Aristote nhận diện ba loại tình bằng hữu. Có thứ tình bạn được xây dựng trên sự vui thích lúc hợp mặt với nhau, có thứ dựa trên sự hữu ích hỗ tương và giúp đỡ lẫn nhau, có thứ lại xuất phát từ sự nhận thức được một phẩm chất nào đó trong nhân cách của nhau. Tình bạn xuất hiện giữa đôi ta, khi tôi kết giao với anh (chị) và mong muốn điều tốt lành cho anh (chị) và vì anh (chị), trên cơ sở của loại bằng hữu tương ứng với cá tính của cả hai bên. Dĩ nhiên, đối với Aristote, loại tình bạn thứ ba là loại hoàn hảo nhất.

Sau Aristote, ít ai còn bàn về tình bạn trong triết học phương Tây. Chẳng lẽ không còn gì để nói thêm? Dù sao, cho tôi muốn phát biểu một nỗi ngạc nhiên. Triết gia đã định nghĩa "*con người là một con vật chính trị*", rớt cuộc, hình như lại muốn phủ nhận tình bạn trong chính trị - trừ phi ông sắp xếp nó vào loại cao quý nhất! Cái phiền của triết lý là người đọc luôn luôn phải suy diễn với ít nhiều nguy cơ sai lầm, trong khi, con người, tình người... chỉ còn là những khái niệm để trí tuệ phân loại, bên ngoài mọi rung cảm. Cho tôi rời cõi cao xa này của tư tưởng - ở đây sương khói mờ nhân ảnh - để trở về chốn bao la của nòi tình, với nỗi đau không tên mà sâu thẳm.

Nhìn lại núi non cỏ Hy Lạp một lần cuối. Thế hệ trước chúng ta, dường như chính đảng nào - trừ nhóm Đệ Tử? - cũng lập ra một ban ám sát để thanh toán lẫn nhau. Thế hệ chúng ta, bao nhiêu bạn bè thân thiết thời học trò đã cầm súng bắn vào nhau, hay vừa thoảng trông thấy bóng nhau trên hè phố xứ người, đã vội vã băng qua đường? Xa lắm rồi, cái thời Nguyễn Khuyên - ông nghề bắt hợp tác của triều đình - còn dám công khai khóc Dương Khuê - kẻ rù áo ra làm quan cho giặc! Thế kỷ này, chính trị cũng mang nét lạnh lùng của khoa học. Aristote nói không sai. Có lẽ tình bạn thật là cái gì còn đứng vững, sau khi cơn bão chính trị đã tàn phá...

Tôi xin thú thực một kinh nghiệm. Tôi vẫn hay mày tao (bằng tiếng Việt) với một hai người bạn thời trung học còn gặp lại. Song tôi chưa bao giờ mày tao với những người quen biết từ ngày dán thân đấu tranh, mặc dù sự thân tình y hệt như nhau. Không phải vì đã quá tuổi đầu. Có cái gì khác. Chúng ta đã đến với nhau không phải do sự tình cờ - cùng nơi ở, cùng trường lớp - hoặc do những trò nghịch ngợm. Chúng ta đã đến với nhau do sự lựa chọn ý thức cùng một lý tưởng, một đường đi. Có cái gì trân trọng hơn. Có cái gì vượt qua mỗi đứa. Nên tôi đã sống cao hơn con người thực của mình đôi chút.

Nếu chia sẻ với nhau một lý tưởng cũng là làm chính trị, thì chính trị đôi khi cũng tập hợp. Và tôi tin là có tình bạn nơi loại chính trị đó, như bất cứ ai đã được nuôi nấng bằng văn hóa phương Đông, lơ dục và lơ yêu câu chuyện kết nghĩa ở vườn đào. Cái loại thâm tình ấy, có kẻ gọi là "anh em kết nghĩa", có người kêu là "đồng chí", kẻ khác kêu là "chí hữu"... để làm một phân biệt chính trị. Tôi muốn gọi chung và đơn giản: chúng ta là "bạn đường", bất kể con đường trước mặt mang tên gì và đưa tới đâu, bất kể thành phần hoặc giai cấp xã hội của anh hay của tôi.

"Tôi với anh, đôi người xa lạ. Từ phương trời, chẳng hẹn quen nhau. Ao anh (không) rách vai. Quần tôi (không) có hai miếng vá... Thương nhau, tay nắm lấy hai bàn tay" (Chính Hữu).

Ôi những con đường Việt Nam của thế kỷ 20, với những tên gọi được hứa hẹn đầu từ thời dựng nước: "Độc lập", "Dân Chủ", "Phát Triển"... Những con đường ngỡ là dễ dàng song lại vô cùng khúc khuỷu, gập ghềnh, càng đi càng như bắt tạt, đi một hồi lại có cảm tưởng đang trở về chốn cũ. Những con đường của kiếp người nói chung, người Việt Nam nói riêng. Có lẽ chúng chẳng mang lại cho kẻ đã lên đường điều gì - tôi nói loại người đã dán thân vì một tiếng gọi nào cao quý hơn là quyền lợi -, ngoài sự hành diện làm người hay niềm an ủi là mình đã không hề sống buông trôi, vô ích.

Thời đại nào cũng có những thầy đời. Các vị phán: "Cẩn thận. Đấu tranh đó, rồi phản bội đó; thương đấy rồi lại ghét đấy. Nhìn từ vô cùng, lý tưởng cũng phù du như tình người. Lịch sử có những mạch ngầm mà chỉ có những kẻ điên rồ mới ôm ảo tưởng cường lại. Có lẽ chính các cậu cũng không hiểu là mình đang diễn trò gì"! Chúng ta còn lạ gì những lời cảnh cáo ấy. Nhất là khi nhiều người đã phải trả rất đắt bằng cái giá của xương máu, của nước mắt từ chính thân xác mình. Rất có thể, tôi với anh, mới hôm qua còn là kẻ đi ngược chiều. Hôm nay ta đã thành bạn đường. Mai này, biết đâu ta lại chẳng chia tay nhau trên một chọn lựa nào khác? Còn lại một "*tám lòng trinh bạch*", và tám lòng này - cho tôi mơ - ta sẽ chẳng bao giờ xin chừa: đấu tranh trên và cho những giá trị đã khiến cho chúng ta hành diện làm người, và, làm người Việt Nam.

Đối với bậc thầy đời và kẻ bàng quan, chúng ta là một bọn hề. Tôi không thấy bị xúc phạm vì sự so sánh. Anh hề của gánh xiếc muốn chọc cho trẻ con cười, để quên đi những lúc khốc. Anh hề của chính trị muốn đưa vào cuộc đời này chút đỉnh hạnh phúc, mang đi một ít khổ đau. Khi chân thật và tự trọng họ đều là những người sống có và với lý tưởng, dù cái lý tưởng ấy chỉ là giấc mộng còn con. Những kẻ đã đến với nhau vì quyền lợi sẽ mau chóng bỏ đi vì quyền lợi. Kẻ đến với nhau vì một giấc mơ, sẽ chẳng dễ gì chia tay nhau - trừ khi hết biết hay hết dám mơ. Song con người với ước mơ dường như là một - nhất là người đấu tranh -, dù ở vào tuổi nào, dù khi tỉnh giấc chỉ còn trên lưới vị đắng chát.

"Vấn đi chân không, leo trèo vào mộng. Nên nhiều khi

thường ngả giữa chiêm bao" (Nguyễn Hồi Thủ).

Có những phút giây vinh viễn cột chặt chúng ta lại với nhau. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên những ngày Tết Mậu Thân hay đêm Lễ Giáng Sinh năm 1972. Tôi còn nhớ những cặp mắt nửa tin nửa ngờ khi nghe chuyện tàn sát ở Huế, các khuôn mặt âu lo căm phẫn khi nghe Nixon ném bom Hà Nội-Hải Phòng. Gần đây hơn, những hàng nước mắt khóc thuyên nhân, sự phẫn nộ trước cuộc cưỡng chiếm Hoàng Sa và Trường Sa, những hy vọng chớm nở khi bức tường Bá Linh vừa bị đập đổ, cơn bàng hoàng của ngày đảo chánh hụt ở Nga và tuần lễ đàn áp ở Thiên An Môn, nỗi chán chường nhục nhã khi Chiêu Thống Lê Đức Anh lại chạy sang Trung Quốc lay lục Thiên Triều... Vâng, tình bạn của bọn hề chính trị chúng ta còn bền chặt nhờ những thức ấy!

Trở lại một phút với Aristote. Tình bạn của kẻ đấu tranh, tất nhiên, phải là thứ tình bằng hữu hoàn hảo nhất. Không phải chỉ vì nó thuộc vào loại thứ ba của triết gia, mà có lẽ vì nó còn là sự tổng hợp của cả ba thứ loại. Đó là niềm thân thương xuất phát từ sự nhận chân giá trị của bạn bè, từ những buổi họp mặt tưng bừng vui, từ sự cho và nhận những giúp đỡ nhiều khi không cần cần hỏi. Và ở đây, sự giúp đỡ to lớn nhất, thật ra, không hẳn là những hỗ trợ vật chất. Nó là sự có mặt thường xuyên bên cạnh nhau của một tha nhân đã trở thành lương tri thứ hai của chính mình, để nhắc nhở nhau những điều phải khắc sâu vào tâm khảm. Trong mỗi tình bạn chân thật của kẻ đấu tranh, lúc nào cũng cần có một tiếng nói không nhận nhượng.

"Xin đừng thù tha tôi, nếu một ngày thơ tôi đầy tiểu xảo. Một ngày nào, máu chảy ngược đường tìm" (Nguyễn Nam Trân)

Có những đời người còn ngắn ngủi hơn cả sự phù du của kiếp người. Như một con chim đang bay bỗng rơi chết. Một câu nói bỏ lửng chừng, một nụ cười đổi thành nét nhăn nhó. Một nửa đời, một nửa đường. Tình duyên đứt đoạn, cuộc cờ bỏ dở, tình bạn dở dang. Khi một anh hề chết đi, các bạn hề sẽ làm gì nhỉ? Ông bầu bảo: "Cuộc trình diễn phải tiếp tục"! Đây là một đạo lý nghề nghiệp. Vẫn có một cái gì đã mất đi. Không giấu giếm nổi mà cũng chẳng ai buồn che giấu. Đám hề đi thất thểu trong sân, nói chi với nhau, dặn dò hay an ủi. Họ không cười, không làm ai cười, có kẻ khóc.

Tôi nằm mơ thấy một đám tang. Đêm qua. Không biết ai đó chết. Người ta đứng đầy nhà quán. Không thấy quan tài đâu. Bỗng có tiếng ai huýt sáo, một điệu nhạc thể lương quen thuộc. "Chiều chưa đi màn đêm rơi xuống. Đầu đây buông lửng lơ tiếng chuông. Đôi cánh chim bằng khuôn rã rời. cùng mây xám về ngang lưng trời" (...). Bốn người khiêng quan tài từ hầm đi lên, đằng sau lơ lửng những bạn bè của người chết, tay trái đeo băng trắng. Cả phòng đều đứng dậy. Tiếng sù sùi xen lẫn với lời gọi lại cuộc đời kẻ ra đi. Một người đấu tranh. Một anh hề. Một bạn đường của tôi.

Người chủ lễ và gia đình người chết nói xong mấy lời cảm ơn. Bốn người bạn này lại khiêng quan tài đi, trong điệu nhạc tề tã. Đến cửa hầm, họ bỗng dừng lại. Điệu nhạc cũng ngưng bật. Và những bạn bè của người chết đột ngột vừa cất tiếng hát, vừa vẫy tay chào. Một bản nhạc vui, một vùng khăn trắng, trong khi chiếc quan tài từ từ đi xuống lòng đất. "Bạn đường ơi, nắng lên rồi, gieo sáng ngời. Bạn cùng ta, như chim lành, tung đôi cánh" (...).

Bạn đường ơi, khi tôi đi, hãy tiễn tôi như thế! Để tôi sẽ lay quay về, lại làm người đấu tranh, trong một kiếp khác.

Phạm Trọng Luật

Chết rồi vẫn còn đóng góp

Đinh Quang Anh Thái

Đó là trường hợp Anh Lê Văn Đăng. Trưa ngày 4 tháng 6, tại phòng cấp cứu ở bệnh viện, khi bác sĩ cho biết Anh đã qua đời về mặt y lý, mặc dù tim vẫn còn đập, chị Đăng đã thông báo ý nguyện lúc sinh thời của Anh là hiến tặng mọi bộ phận trong người như tim, gan, phổi, thận cho những người cần đến. "Đăng vẫn thường nói với anh em là chết rồi thì còn gì thiết nữa mà mang theo, thân xác mình còn chút gì hữu dụng thì góp lại cho đời", Anh Nguyễn Gia Kiểng đã nói với tôi, qua điện thoại.

Năm 1986, hồi mới vượt biên và tới Mỹ định cư được một năm, tôi được đọc một tập tài liệu có tên là Cơ Sở Tư Tưởng. Anh Nguyễn Văn Huy, một thành viên của Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ cùng hoạt động với nhau lúc còn ở trong nước gởi cho tôi tài liệu này kèm lời dặn dò, đọc kỹ nhé "anh em mình đấy". Hòa giải, hòa hợp giữa các thành phần của dân tộc để giải trừ chế độ cộng sản; đấu tranh bằng phương pháp bất bạo động; mục tiêu là dân chủ đa nguyên, Cơ Sở Tư Tưởng và Cương Lĩnh của Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ hoàn toàn không có điểm nào khác nhau. Điểm trùng hợp này, chính là do những suy nghĩ đúng đắn của những người có tâm huyết với đất nước, cạnh đó cũng có nguyên nhân là sự gắn bó thân thiết của một số anh em với nhau. Ý tôi muốn nói, tình chí hữu giữa các anh Lê Văn Đăng, Vũ Thiện Hán, Nguyễn Gia Kiểng - những người nồng cốt viết ra Cơ Sở Tư Tưởng và Anh Nguyễn Đan Quế, người có trách nhiệm nhiều nhất đối với mọi hoạt động của Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ ở trong nước. Tình chí hữu này các anh ấy đã có với nhau từ thời còn là sinh viên du học bên Âu Châu trước 1975. Tôi rất mừng vì Huy và tôi đã bắt liên lạc lại với nhau và mừng vì Huy vừa ra khỏi nước đã nhập được vào dòng hoạt động đồng nhịp mà địa bàn là Pháp.

Năm 1990, cuộc gặp gỡ bên Pháp với quý Anh Chị chủ trương Thông Luận - nguyệt san hậu thân của Cơ Sở Tư Tưởng - giúp tôi tái khẳng định được sự đồng nhất về mặt lập trường giữa hai tổ chức như đã viết ở trên. Một trong những người chủ trương Thông Luận đã gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ nhất là Anh Lê Văn Đăng. Tâm tình để rõ về nhau, tôi thấy cuộc đời Anh Đăng là một chuỗi những cố gắng để làm đẹp đời mình và làm đẹp đời người. Tuổi thơ nghèo đói, bố mất khi Anh mới ba tuổi, lên sáu thì mẹ mất, phải sống với các anh chị cùng nghèo, vậy mà Anh được học bổng học sinh xuất sắc để xuất ngoại du học. Giọng trọ trẹ đặc Quảng Trị "tôi và Kiểng tới Pháp du học mà cả hai đứa đều không có được đến cái áo lạnh, mùa đông đầu tiên cứ phải xoa dầu nóng để giữ ấm thân thể". Và nghèo đói như thế đó, Anh Đăng đã vươn lên, lần lượt đoạt những bằng cấp cao nhất của đại học Pháp.

Về nước năm 73, Anh Đăng giữ chức vụ cố vấn kinh tế tài chánh cho chính phủ, một chỗ "ngon ăn" theo thói thường mọi người vẫn nghĩ. Thế mà Anh vẫn vậy, nghĩa là vẫn đạm bạc và trong sáng như thuở vẫn phải "bôi dầu cho ấm người". Là một người đấu tranh cho tự do dân chủ ngay từ thuở mới lớn, anh Đăng

đã có dịp thể hiện lý tưởng này khi Anh làm chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, và sau đó là khi Anh làm cố vấn chính phủ. Có lần tôi hỏi anh, có khó lắm không, giữ mình khỏi vấy bẩn bởi guồng máy chung quanh? Anh đã kể cho nghe về những cám dỗ, dọa nạt mà những người tham nhũng quanh ông Thiệu và ngay chính ông Thiệu gây ra cho Anh, và Anh kết luận, khó chứ, nhưng nếu lỡ đúng một lần thì làm sao dám ngẩng mặt nói làm đẹp cho đất nước nữa. Lần khác tôi đùa, nghe Anh là "quan chức cao cấp" cũ, tôi hải bỏ xừ, e rằng Anh không thoát khỏi cái nhìn hạn hẹp, gò bó trong khuôn khổ cuộc chiến ủy nhiệm để thấy thân phận đất nước mình. Anh cười ruồi thật hiền và bảo, *"Tôi tưởng càng quan chức thì lại càng phải rõ hơn, điều Cậu nói. Vấn đề là có dám từ chối quyền lợi bản thân, quyền lợi do ăn trên đầu dân tộc không mà thôi"*.

Gặp lại nhau bên Mỹ năm 91, lúc đó Anh, Anh Kiểng và Anh Hân được Tổ Chức Phục Hưng mời qua nói chuyện về lập trường đấu tranh của Thông Luận, tôi có nêu việc bạo hành xảy ra ở Hòa Lan, khi một số người không đồng ý với Thông Luận đã dùng vũ lực giáng lên Anh Kiểng, như một kinh nghiệm nên rút tĩa cho chuyến đi này. Anh đã bình thản như không: *"Việc gì xảy đến mình cũng phải chấp nhận chứ Cậu. Ở hải ngoại mà đã chùn bước trước bạo lực kiểu đó thì làm sao dám đương đầu với bạo lực của đám đang cầm quyền ở nhà"*. Tôi thích cái cung cách làm việc của Anh Đăng, đóng góp vào việc chung một cách tự nhiên, không cường điệu. Việc đến thì làm, làm tận tụy, làm ngay thật. Anh Đăng cũng biết chữ, lập trường hòa giải, hòa hợp dân tộc của Thông Luận "gai góc" lắm chứ, dưới cái nhìn của một số hội đoàn đấu tranh bên Mỹ này. *"Mình nghĩ như thế, mình muốn đóng góp với đất nước bằng lập trường như thế thì mình phải nói thế, sống thế chứ biết làm sao hơn"*, Anh nói với tôi. Tôi có dịp được nói chuyện với một số người đến tham dự buổi sinh hoạt của Thông Luận do Phục Hưng tổ chức, có người đồng ý, có người chống lập trường của Thông Luận, nhưng điểm chung mọi người ghi nhận là các Anh Đăng, Kiểng, Hân rất ngay thật và tâm huyết.

Tháng 2-92, ở Nga về, tôi đến trụ sở Thông Luận ở Pháp để nói chuyện về kết quả chuyến đi. Chiều hôm đó có các Anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Gia Kiểng, Lê Văn Đăng, Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Công Bằng và tôi. Sau khi nghe Bằng và tôi nói về những chuyện xảy ra trong suốt thời gian hai đứa tôi ở Nga, mọi người thảo luận quanh đề tài nước Nga trước và sau thời cộng sản. Bắt vào tình hình Việt Nam, Anh Đăng hứng khởi thấy rõ. Anh say sưa nói về những việc cần làm hôm nay, về dự phóng cho ngày mai của đất nước. Trên đường về nhà Huy khuya hôm đó, tôi nói với Huy thấy Anh Đăng say sưa mà phát sướng. Tôi có ngờ đâu đó là lần thiên thu vĩnh biệt Anh Đăng.

Bây giờ thì Anh mất rồi. Thư báo tang Huy gửi cho tôi đến trễ những 10 ngày. Hôm Anh mất ngày 4-6 thì tôi vẫn còn đầu đó ở Cali, Huy muốn báo cũng không biết đầu mà tìm. Anh ra đi là một mất mát lớn đối với Chị và các cháu. Với anh em, đó là một cái tang chung, cái tang lớn đối với những người đeo đuổi lý tưởng đấu tranh cho tự do dân chủ của Việt Nam. Và đất nước, đất nước mất đi một nhân cách sáng ngời. Máy ngày nay tôi cứ nghĩ hoài về Anh, chỉ biết đau xót và thương cảm.

Những dòng này tôi viết cho Anh để bày tỏ lòng thương nhớ với một chí hữu và cũng là một người Anh.

Đình Quang Anh Thái
(Cali, June 21.94)

Thương tiếc Lê Văn Đăng

Sáng Chủ Nhật 5 tháng 6, điện thoại reo. Đầu giây anh Nguyễn Gia Kiểng ở Paris. Anh ngân ngừ một lúc, có lẽ để kèm chế xúc động và cũng để giảm chấn động cho tôi, anh cho biết anh Lê Văn Đăng qua đời đột ngột ngày hôm qua giữa buổi họp Ban Thường Trục Thông Luận lúc anh đang phát biểu. Dù anh Kiểng đã báo tin một cách thận trọng tôi vẫn không tránh được xúc động.

Tôi biết anh Đăng từ hồi anh còn học ở Nha Trang những năm cuối cùng của thập niên 50. Mấy năm trước đây tôi gặp anh tại Pháp và tại Hoa Kỳ. Anh là một người có lòng, một chuyên viên tài chánh thượng thặng và là một người trong lớp tuổi hứa hẹn nhiều đóng góp cho nước nhà khi có tự do dân chủ.

Anh yêu quê hương chân thật và sẵn sàng hiến dâng tất cả. Anh không sợ bị ngộ nhận. Anh biết "trung ngôn nghịch nhĩ" nhưng anh cũng biết cuối cùng "nghịch nhĩ" sẽ đi qua và "trung ngôn" vẫn còn lại. Anh cố gắng vươn tầm mắt để được nhìn xa hơn và biết chịu đựng với một nụ cười. Anh đã thành công. Đám tang của anh được mô tả là đám tang lớn nhất của một người Việt Nam tại Paris trong thời gian gần đây. 400 người tham dự trong đó có 300 người Việt Nam đủ mọi khuynh hướng chính trị. Người ta đã quên những khác biệt lập trường để chỉ còn nhớ họ đến tiền đưa một người yêu nước chân thành, yêu nước không qua chiêu bài hay chủ nghĩa.

Trước khi qua đời, anh Đăng đã kết luận trong một bài viết chưa kịp đăng rằng: "Phát triển đòi hỏi những hy sinh, đóng góp rất lớn của mọi người. Tạo được sự đồng thuận quốc gia rộng rãi trên những giá trị cơ bản của nhân loại là việc cần phải bắt đầu ngay lập tức. Và đồng thuận không thể chung quanh một ý thức hệ nào, chưa nói là ý thức hệ đã phá sản mà chung quanh điều vẫn là nền tảng của mọi sinh hoạt chính trị, nghĩa là dân chủ".

Nếu kết luận của anh làm những người đang cầm quyền tại Việt Nam suy nghĩ dù chỉ một giây thôi cũng đã là một thành công của anh.

Chúc anh Đăng an nghỉ.

Trần Bình Nam (Los Angeles, Hoa Kỳ)

[...] Anh Đăng vĩnh viễn ra đi chẳng những là một mất mát lớn đối với Thông Luận, mà còn là một tổn thất khó có thể bù đắp trong hàng ngũ lực lượng đấu tranh cho dân chủ Việt Nam. Đồng thời, Tổ Quốc cũng đã mất đi một khối óc lỗi lạc trong cuộc phục hưng đất nước. [...]

Trần Quốc Bảo (Chủ tịch TCPHVN - Torrance, Hoa Kỳ)

[...] Đột ngột quá!

Thế là chúng ta mất một chiến hữu và một người bạn, và nước nhà mất một nhân tài thứ thiệt.

Là đồng đội tôi không chia buồn với anh em Thông Luận, nhưng nhờ quý anh chuyển lời chia buồn của tôi đến chị Đăng và gia đình.

Mất anh Đăng chúng ta và Việt Nam mất rất nhiều.

Tôn Thất Thiệp (Ottawa, Canada)

[...] Xin Chị tin rằng những đóng góp của Anh Đăng cho nước Việt Nam trong cuộc đời của Anh - và Chị đã chia sẻ những công việc ấy - đã vô cùng hữu ích và chắc chắn sẽ được tiếp tục bởi bạn bè của Anh và những người Việt Nam cùng một lý tưởng với Anh Chị. [...]

Tôi muốn chia sẻ sự mất mát này không riêng với gia đình anh, không riêng với các bạn Thông Luận, mà với tất cả những người Việt Nam yêu chuộng tự do dân chủ và ưu tư đến tiền đồ đất nước, vì anh Đăng là một chuyên viên tài giỏi, một người yêu nước, yêu tự do dân chủ, và trên hết, một người tinh khiết. Anh thuộc hạng người hiếm có mà nước Việt Nam đang cần một cách tuyệt vọng.

Nguyễn Hữu Chung (Montréal, Canada)

[...] Anh mất đi không những là cái tang cho anh em Thông Luận mà là cả một mất mát to lớn cho những người đã cùng anh chia sẻ những lo toan cho dân tộc mà tương lai rất cần cho sự đóng góp hữu hiệu của anh.

Tôi rất tiếc là không sao được thấy mặt anh lần cuối.

Vài giờ nghe nghẹn ngào khóc anh. [...]

Cầu xin anh sớm được siêu thoát.

Lê Văn Thái (San Diego, Hoa Kỳ)

[...] Anh Lê Văn Đăng mất đi đúng là một mất mát lớn cho đất nước Việt Nam, cho cộng đồng trí thức Việt Nam tại hải ngoại, cho cuộc đấu tranh vì dân chủ, tự do.

Xin vinh biệt Anh và xin hứa tiếp tục đóng góp vào thắng lợi cho cuộc đấu tranh vì dân chủ, tự do như anh Lê Văn Đăng đã theo đuổi suốt cuộc đời Anh.

Lê Văn Hảo (Nhà dân tộc học - Paris)

Chúng tôi vô cùng xúc động nhận tin buồn sáng nay. Vì thế, chúng tôi xin mượn những dòng chữ ngắn ngủi này để được chia sẻ phần nào đau buồn của gia đình anh Lê Văn Đăng.

Thời sinh viên chúng tôi đã cùng chia sẻ trách nhiệm của những người thanh niên cùng thế hệ, khi chúng tôi cùng phát động Phong Trào Sinh Viên Quốc Gia Hải Ngoại, sau này thành Đại Hội Việt Nam Âu Châu, anh Đăng với Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, chúng tôi với Tổng Hội Sinh Viên Quốc Gia tại Lille. Chúng tôi đã biết nhau từ đó và Ý Thức Đấu Tranh Quốc Gia sắt đá cùng như lòng yêu nước chân thành của Anh đã sống và chết cùng mỗi lúc với Anh. Nhưng chắc chắn rằng tấm gương ấy sẽ mãi mãi được lưu luyến.

Chúng tôi kính chuyển lời thành thật chia buồn cùng với Chị Cẩm Phượng, cùng với Anh Chị Em Thông Luận, gia đình thứ hai của anh Đăng. Các Anh Chị đã mất đi một thành viên lãnh đạo tài ba, chúng ta đã mất một chí hữu và Tổ Quốc đã mất đi một đứa con yêu nước chân thành. [...]

Nguyễn Quốc Nam (Chủ tịch BCH, Liên khu bộ Âu Châu LMDCVN - Paris)

[...] Tôi từng sờ đầu đón và biết rằng các bạn còn bàng hoàng đau đớn hơn tôi, vì lẽ Anh Đăng ra đi lúc đang bàn chuyện hiện tại, tính chuyện tương lai, đang cười, đang nói với các bạn.

Tôi viết mấy hàng này để chia sẻ với các bạn nỗi đau chung, để gọi lại với A. Hiệp, với Kiêng, với Hùng, với Hảo, với Lân... những lần chúng ta cùng Đăng chén tạc chén thù, tính chuyện

"đội đá vá trời". Tuy thời gian sau này, tôi không có nhiều dịp gặp các bạn. Tôi và một vài người bạn ở Bắc Mỹ còn đang bàn chuyện tiếp tay cho Đăng mở một ngân hàng tín dụng. Nay Đăng bỗng bỏ chúng ta để về cõi khác. Chúng ta nhớ Đăng với hình ảnh một người bạn điềm đạm, sâu sắc, nhiều tài năng, có tình nghĩa với anh em. Mong rằng Đăng sẽ được an nghỉ và hạnh phúc miên viễn ở một cõi không còn đổi thay và phiền phức.

Tôi tin rằng, tuy nỗi đau thiếu Đăng không dễ nguôi, các bạn vẫn mạnh tiến trên con đường các bạn đang theo đuổi. Mỗi người chúng ta là một dòng suối nhỏ, sẽ cùng đổ ra sông, sẽ cùng tuôn về biển, biển quê hương. Dòng suối Lê Văn Đăng vừa dứt khúc, nhưng nước vẫn còn lai láng và dấu vết sẽ không phai mờ.

Mặc Giao (Calgary, Canada)

[...] Mới hôm nào đây tôi còn được gặp Anh ở buổi hội thảo. Thật buồn. [...]

Anh chị em trong Ủy Ban Dân Chủ vô cùng mến tiếc anh Đăng. [...]

Đình Văn Hoàng (Le Blanc Mesnil)

Để tưởng nhớ chí hữu Lê Văn Đăng, một chiến sĩ của Mặt Trận Dân Chủ trong Diễn Tiến Hòa Bình cho Việt Nam.

Anh sống mãi

Tuổi niên thiếu chào đời trong cơ cực,
Vắng tình cha cùng mẹ thiếu thời.

Lớn lên trong cảnh an hàn,
Nhờ anh, nhờ chị làm đời anh vui.

Tháng ngày kinh sử anh theo,
Đến ngày công trạng thành công đất người.

Cùng Cẩm Phượng gia đình anh xây dựng,
Tạo mái nhà an ấm vợ cùng con.

Không an phận cầu an vị kỷ.

Năm, tháng, ngày anh mài miệt đấu tranh,
Sao cho đất nước thanh bình,

Không còn chia rẽ, độc tài, ly tan.

Anh mang hạt giống đa nguyên,
Rãi cùng đất nước mong ngày thành cây

Nam Quan đến tận Cà Mau,
Toàn cây Dân Chủ, Đa Nguyên mọc mầm.

Rồi đây hoa lá xum xuê,
Vắng anh ai hái quả hoa anh trồng!!

Ngắm hoa, ăn quả nhớ đời,
Hồn anh sống mãi trong lòng chúng tôi.

Anh Đăng năm đấy nghe chăng?!

Lòng đau nức nở chúng tôi mang hoài.

Cúi đầu cầu chúc Hồn Anh,

Yên vui sớm tới Niết Bàn xa xôi!!

Vạn Hữu (4-6-1994)

... Vô cùng thương tiếc, kính gửi đến anh chị em Thông Luận lời chân thành chia buồn. Chúng ta đã mất đi một chiến sĩ chiến đấu cho tự do, dân chủ và công lý.

O. P.V.L. (Texas, USA)

...sự ra đi đột ngột của một thành viên tích cực, một tinh thần trí thức cao quý, một tấm lòng tận tụy hiếm hoi với dân chủ và đất nước.

O. và Bà L.V.M. (Fontenay sous Bois)

Nhớ tới một người bạn từng hoạt động trong thời kỳ thanh niên ở Paris, một người bạn luôn luôn niềm nở, hăng hái, sốt sắng, nhiệt tình.

Tiếc cho đất nước mất đi một người tài, một người mà đường lối dân chủ, hòa giải đang cần gấp trong thời gian hiện tại.

Ô. T.K.C. (Antony)

...Anh Lê Văn Đăng - một thành viên lãnh đạo của Thông Luận, một cây bút đã tạo được ảnh hưởng trong bạn đọc Thông Luận.

Cơ Sở Liên Kết Người Việt Đông Âu (Đức)

...Anh Lê Văn Đăng,..., đã đột ngột ra đi vĩnh viễn, giữa lúc cuộc đấu tranh vì dân chủ cho Việt Nam đang còn dang dở. Anh Đăng ra đi không những đã để lại sự đau buồn vô hạn cho gia đình mà còn là một sự mất mát to lớn cho công cuộc đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ.

...Hy vọng rằng hoài bão đấu tranh cho tự do dân chủ trong tinh thần bất bạo động của anh Lê Văn Đăng sẽ được quý anh em Thông Luận tiếp tục thực hiện cho tới thắng lợi hoàn toàn.

Ô. M.K.T (Wiesbaden, Đức)

...trong một buổi họp Thông Luận: tư tưởng, lời nói và hơi thở cuối cùng của anh đã dành cho quê hương và dân tộc....

Là chiến sĩ tự do chân chính, anh tôn trọng tự do của tất cả mọi người với lý tưởng dân chủ đa nguyên. Là nhà chiến lược nhìn xa trông rộng, anh đề cao tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc.

...anh em mất một chiến hữu, dân tộc mất một đứa con, và giang sơn mất một hào kiệt.

Nhưng trên đường tranh đấu, bạn bè anh vẫn tiếp tục tiến bước, hành ngũ mỗi ngày một thêm đông.

Ô. T.V.T. (Dole)

... Đây là một mất mát lớn cho Thông Luận từ nay sẽ vắng bóng ngòi bút sắc sảo của một chuyên gia mà độc giả hằng ưa chuộng.

Bà N.L. A. (Meudon)

...một sự mất mát lớn trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

Ô. T.V.T (Aix en Provence)

... Tôi đã có lần trò chuyện và Anh đã để lại cho tôi ấn tượng đẹp đẽ về Anh.

Ô. P.N.T (Tours)

Ngoài những thư trên, Thông Luận còn tiếp tục nhận được điện thoại và thư chia buồn của nhiều thân hữu, độc giả và các tổ chức sinh hoạt của người Việt Nam ở hải ngoại cũng như ở trong nước. Xin chân thành cảm ơn.

THỜI SỰ... TIỀN

Trung Quốc không còn hấp dẫn cho đầu tư ngoại quốc?

Theo thống kê Trung Quốc, trong năm 1993, có 170.000 xí nghiệp ngoại quốc khai báo trên toàn quốc. Đầu tư ngoại quốc tăng đến 100 tỷ USD, một con số kỷ lục, trong đó có 25,8 tỷ được đưa vào hoạt động (hơn 200% so với năm 1992).

Nhưng trong ba tháng đầu năm 1994, vốn đầu tư ngoại quốc đã giảm xuống hơn 50%, số xí nghiệp cũng giảm 43% so với ba tháng đầu năm 1993. Có nhiều nguyên nhân khiến Trung Quốc đã bớt hấp dẫn đối với đầu tư ngoại quốc. Trước hết, chế độ ưu đãi đầu tư của các nước chung quanh như Việt Nam, Ấn Độ, Nam Dương đã thu hút một số nước vào đầu tư. Thứ hai là Trung Quốc thay đổi chế độ thuế khóa hồi đầu tháng 1-1994 và kiểm soát chặt chẽ những xí nghiệp "ma" được khai báo để hưởng những đặc quyền dành cho ngoại quốc. Thực vậy, 40% của 170.000 xí nghiệp là kết quả mọc nối của cán bộ địa phương với giới kinh tài Hồng Kông hay Đài Loan. Ngoài ra, nhà cầm quyền Trung Quốc chỉ ưu đãi người ngoại quốc vào đầu tư ở các vùng hẻo lánh xa xôi, nơi "khí ho cò gáy" như Tân Cương, Thanh Hải, Ninh Hạ, Cam Túc v.v... Nhưng lý do chính là chính trị. Ai cũng biết hơn phân nửa đầu tư ngoại quốc ở Trung Quốc là vốn của giới kinh tài Hồng Kông. Bối cảnh tranh chấp chính quyền tại Bắc Kinh và thái độ cứng rắn của Trung Quốc về Hồng Kông, trước ngày Anh Quốc giao trả lại trong năm 1997, làm cho giới này hoảng sợ. Chính phủ Đài Bắc, sau vụ thăm sát công dân Đài Loan ở hồ Tiền Đảo, tỉnh Chiết Giang, đã ra chỉ thị ngưng đầu tư và du lịch; người ta không biết những quyết định này có tính cách tạm thời hay dài hạn.

Chiến tranh có khả năng tái diễn tại Cambốt

Một năm sau khi tổng tuyển cử không có tham dự của Khmer đỏ dưới sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc, đảng FUNCINPEC của Hoàng thân Ranariddh (con vua Sihanouk) thắng cử nhưng phải chấp nhận liên hiệp với đảng Nhân Dân (PPC) của Hun Sen, cựu thủ tướng chính quyền Cambốt thân Việt Nam. Hoàng thân Ranariddh và Hun Sen đồng thủ tướng, phân chia chính quyền ở Phnom Penh, Khmer đỏ tiếp tục giữ chiến khu. Người ta tưởng với sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế và sự khôn khéo của vua Sihanouk, Cambốt sẽ có hòa bình để phát triển kinh tế. Nhưng thực tế hoàn toàn khác hẳn, vua Sihanouk lâm trọng bệnh và được đưa sang Bắc Kinh chữa bệnh trong nhiều tháng. Khmer đỏ vẫn tiếp tục đánh phá khắp nơi, mà quân đội Phnom Penh hầu như không đối phó được. Tình hình quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội ở thủ đô và các thành phố ngày thêm bi đát. Đầu tháng 5 vừa qua, khoảng 8.000 quân chính phủ bỏ chạy trước 800 quân Khmer đỏ. Quân đội thiếu vũ khí trang bị, thiếu lương bổng, thiếu đủ thứ, nhưng lại "lạm phát" về tướng tá. Quân đội chỉ có 50.000 quân, nhưng có tới 2.000 tướng, 10.000 đại tá... Phần lớn các tướng tá này chỉ có tên trên giấy tờ, vì tiền có thể mua được mọi chức vụ tại Cambốt. Chẳng hạn như chức tướng giá 2.000 USD, bằng bác sĩ y khoa 4.000 USD, nhân viên hải quan 7.000 USD...

Tình trạng an ninh của thành phố không được bảo đảm, trộm cướp lộng hành, du khách bị bắt cóc, khách sạn chỉ chiếm được 30% du khách, đầu tư ngoại quốc nếu không trì hoãn thì lại bị

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC

chuyển qua nước khác. Trái lại, kỹ nghệ cờ bạc thịnh hành đến nỗi bộ trưởng tài chính ông Sam Rainsy gọi Cambốt là một "sòng bạc khổng lồ" của đô-la nha phiến.

Hai đảng FUNCINPEC và PPC mặc dù là "đồng minh", nhưng trên thực tế đảng PPC nắm giữ guồng máy nhà nước, công an, quân đội. Vua Sihanouk muốn Khmer đỏ tham chính để tránh chiến tranh, nhưng hội nghị thượng đỉnh vừa qua tại Bình Nhưỡng (Bắc Triều Tiên) đã thất bại hoàn toàn. Chính phủ Phnom Penh liền ngay sau đó ra lệnh đóng cửa văn phòng đại diện của Khmer đỏ ở thủ đô và dự định cho quốc hội bỏ phiếu nhằm đưa nhóm này ra ngoài vòng pháp luật. Trong khi đó, Khmer đỏ đang trông đợi thời cơ tốt, vì họ tiên liệu rằng khi Sihanouk mất, hai đảng cầm quyền sẽ cạnh tranh, chống đối lẫn nhau và sẽ gây nên một tình trạng hỗn loạn. Lúc đó họ sẽ đóng vai "ngư ông thủ lợi". Liệu cộng đồng quốc tế và Việt Nam có chấp thuận cho Khmer đỏ trở lại cầm quyền tại Phnom Penh không? Vì lẽ đó, mọi người đều e ngại rằng chiến tranh sẽ còn tiếp tục tiếp diễn tại vùng đất bất hạnh này.

Hung Gia Lợi: đổi mới bằng chính phủ liên hiệp

Sau khi toàn thắng, với 54% số phiếu, trong cuộc bầu cử tháng 5 vừa qua, những cựu đảng viên Đảng cộng sản Hung (dưới danh xưng mới, Đảng xã hội), đã bắt buộc phải hợp tác với đối lập chống cộng (Liên minh Dân chủ tự do), chỉ được 18% số phiếu.

Ngày 24-06-1994, hai bên cộng sản và chống cộng đã đi tới một thỏa thuận viết, ghi lại trên một văn kiện dày trên 150 trang, qui định rõ nội dung của thỏa thuận chung để hai bên cùng cầm quyền, thỏa thuận mà truyền thông quốc tế đã gọi là một "thỏa hiệp lịch sử". Vì không để gì đạt được một thỏa hiệp như vậy nên cả hai phía đã phải mất công đàn xếp nội bộ để thực hiện một thỏa hiệp chẳng làm cho ai, bên này cũng như bên kia, thỏa mãn, đó là việc cho ra đời một chính phủ liên hiệp!

Thật vậy, phe cựu cộng sản vì đã nắm được đa số tuyệt đối trong quốc hội, trên nguyên tắc, không bắt buộc phải chia quyền với đối lập. Mặt khác, phe chống cộng, tuy toàn thắng trên chính nghĩa dân chủ tự do nhưng lại đã thất cử nên khó có thể nuốt trôi bất cứ một món ăn "liên hiệp" nào.

Vậy mà sau ba tuần lễ thương thảo, cả hai phía đành phải có những nhượng bộ lẫn nhau để thành lập một chính phủ liên hiệp trên cơ sở tương nhượng và tương kính. Nhân vật đã đóng vai trò hàng đầu trong vụ "hòa giải hòa hợp" này là Guyla Horn, cựu ngoại trưởng trong chính phủ cộng sản Hung, nhưng đồng thời cũng là người đã châm ngòi nổ bức màn sắt khi ông mở biên giới Hung để dân Đông Đức lũ lượt kéo nhau sang Áo tị nạn. Guyla Horn đã được các cựu đảng viên cộng sản chọn làm Thủ tướng của chính phủ liên hiệp sắp chào đời. Và chắc chắn phe đối lập cũng không thể đề nghị một người khác ngoài Guyla Horn.

Phe các cựu đảng viên cộng sản sẽ nắm 10 trong 13 bộ. Nhưng phe dân chủ tự do, tuy chỉ được 3 bộ, đâu phải để giữ vai trò "chậu kiếng", chăm lo việc khai, bế (khai mạc, bế mạc). Trước hết là phe xã hội (cựu đảng viên cộng sản) đã phải nhường cho Liên minh Dân chủ tự do bộ Nội vụ. Ngoài ra Liên Minh còn được giữ vai trò số 2 trong bộ Ngoại giao. Đó là chưa kể nhân vật nòng cốt của bộ Tài chính là người của Liên Minh. Sau hết, luật gia trẻ tuổi, luật sư Gabor Fodor, một khuôn mặt nổi tiếng của giới trí thức tự do Hung sẽ nắm bộ Văn hóa.

Cách chia ghế này làm cho nhiều người Hung cũng như Việt Nam nhớ lại những chính phủ liên hiệp những năm 1945-1946. Cộng sản đã không ngần ngại nhường các bộ Nội vụ, Ngoại giao, Quốc phòng cho những nhân vật chống cộng để rồi khi thời cơ đến, họ nắm lại toàn bộ quyền hành rồi thẳng tay tiêu diệt "chống cộng".

Liệu thủ đoạn liên minh giai đoạn như vậy ngày nay có thể tái diễn tại Hung được không? Trên lý thuyết, điều gì cũng có thể xảy ra. Nhưng trên thực tế, môi trường quốc tế nay đã đổi khác. Cộng sản đã mất hậu cứ quốc tế, đã lọt vào vòng vây của dân chủ tự do, sẽ không thể làm mưa làm gió như xưa. Và lại các lực lượng dân chủ đã trưởng thành và đã có đủ ý thức, bản lĩnh và sức mạnh để trực diện với cộng sản, ngay cả trong trường hợp mà cộng sản vẫn nguyên si như cũ (kỳ thực nó đã biến chất).

42 loại giấy tờ để xin lập doanh nghiệp

Sở Thương mại Sài Gòn đã cho Vụ Pháp Chế văn phòng chính phủ hay rằng "hiện nay muốn xin lập một doanh nghiệp phải có tới 42 loại giấy tờ và vì vậy mà thời gian xin thành lập doanh nghiệp kéo dài đến sáu, bảy tháng". Giáo sư Nguyễn Niễn, vụ trưởng Vụ Pháp Chế, nhận định rằng trong thủ tục xin lập doanh nghiệp này có một số thủ tục không rõ ràng và cũng không cần thiết. Một nguồn tin khác cũng cho hay muốn xin một giấy phép đầu tư, nhanh nhất cũng phải mất hai năm, có những trường hợp kéo dài tới bốn năm. Đó là chưa kể thời gian cần có để hồ sơ đi qua được 12 tầng gác của guồng máy hành chính.

Hiện nay đang có những cố gắng về phía chính quyền để "cải cách hành chính" và đang chấn bệnh ở bốn khu vực trọng điểm: thủ tục xuất nhập cảnh, thủ tục xuất nhập khẩu, thủ tục đăng ký lập doanh nghiệp, thủ tục cấp đất và giấy phép xây dựng.

Buôn lậu vẫn gia tăng

Trong bốn tháng đầu năm công an đã phát hiện 7.966 vụ buôn lậu, bắt giữ 1.534 đối tượng, thu giữ hàng hóa trị giá 160 tỉ đồng, tăng 3% số vụ và 25% trị giá hàng hóa bị thu giữ so với cùng thời gian năm ngoái.

Tình hình xuất khẩu lậu đồ cổ và nhập khẩu lậu các loại ấn phẩm "phản động", đòi truy cũng gia tăng nghiêm trọng. Buôn lậu trên biển gia tăng và diễn biến phức tạp. Tình hình khai thác, vận chuyển gỗ trái phép vẫn tiếp diễn. Tình trạng cho đăng ký lưu hành xe hơi nhập cảnh lậu cũng rất đáng lo ngại: ở 28 trên 53 tỉnh có 1.512 xe hơi có "nguồn gốc nhập trái phép" được đăng ký. Gần đây hải quan và cơ quan điều tra phát hiện 155 "container" chứa đựng 8.500 xe gắn máy Dream II đưa vào Việt Nam theo vận đơn của gần 30 doanh nghiệp trong nước, trong khi Bộ Thương mại xác định chưa hề cấp giấy phép nhập khẩu xe gắn máy 1994 cho bất kỳ đơn vị kinh doanh nào.

Sẽ thành lập từ 15 đến 20 tập đoàn kinh tế

Để thanh toán những khó khăn trong khu vực quốc doanh, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) sẽ được thu gọn còn khoảng 300 và dự kiến thành lập từ 15 đến 20 tập đoàn kinh tế. Số doanh nghiệp loại mới này sẽ được tập trung vào những khu vực ưu tiên là các ngành dầu khí, hàng không và đường sắt.

Trong thời gian tới, chế độ cơ quan chủ quản sẽ bãi bỏ. Tổng cục quản lý các DNNN được thành lập sẽ giúp chính phủ quản

TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC

lý tài sản Nhà nước được đưa vào kinh doanh. Nhà nước sẽ trực tiếp thực hiện chức năng chủ sở hữu của mình.

Loạn cào cào dự án luật

Quốc hội cộng sản đang hối hả thảo luận về nhiều dự án luật, vì sự gia tăng của những hoạt động kinh tế tiếp theo việc mở cửa đón nhận đầu tư và ngoại viện.

Cuối tháng 5, các đại biểu Quốc hội (dân biểu) đã thảo luận về dự án luật thuế chuyển quyền sử dụng đất. Đất là sở hữu của nhà nước, những cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, quân đội, công an nào được nhà nước cho quyền sử dụng đất mà muốn chuyển quyền ấy thì phải nộp thuế. Một số "đại biểu" đề nghị rằng một số cơ quan, tổ chức chính trị, xã hội, quân đội, công an... không được chuyển quyền sử dụng đất. Cuộc thảo luận cho thấy có nhiều rắc rối về tương quan giữa dự án luật này với "luật đất đai" đã được ban hành.

Tiếp tục được thảo luận trong tháng 6 là các dự án luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi), luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi) được đưa ra nhằm đổi mới phương thức bầu cử cho "phù hợp" với tinh thần Hiến pháp 1992, theo chiều hướng coi trọng quyền tự ứng cử và giới thiệu ứng cử viên.

Ngoài ra cũng còn có thảo luận về dự án khuyến khích đầu tư trong nước, dự án luật nghĩa vụ quân sự (sửa đổi), xem xét về dự án bộ Luật Dân sự. Trong dự án luật khuyến khích đầu tư, người ta nhận thấy rằng cả những người Việt Nam ở nước ngoài (việt kiều) hay những người nước ngoài nhưng cư trú lâu dài ở Việt Nam cũng được coi là đối tượng áp dụng. Vì nội dung không rõ ràng vì đã có những chông chéo lên các Luật đầu tư nước ngoài (ĐTNN), Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân v.v... Đã có đề nghị nên chia những người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm hai loại: những ai đã bỏ quê hương tổ quốc tịch Việt Nam sẽ thuộc phạm vi chi phối của Luật ĐTNN. Những ai có hai quốc tịch sẽ có quyền lựa chọn giữa hai luật để đầu tư. Có nhiều đại biểu lo rằng nếu Việt kiều được lựa chọn giữa hai ưu thế của hai luật đầu tư sẽ dẫn đến mâu thuẫn với người đầu tư trong nước và khuyến cáo phải ưu đãi những chủ đầu tư trong nước.

Theo ông Nguyễn Đình Lộc, bộ trưởng Tư pháp bộ Luật Dân Sự phải "đặt con người ở vị trí trung tâm phát triển của xã hội, quyền được sở hữu tài sản được Nhà nước công nhận và bảo hộ (quyền này bao gồm bốn hình thức sở hữu, trong đó sở hữu cá nhân không có chỗ đứng: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu chung, sở hữu của các tổ chức chính trị xã hội). Ông Lộc còn xác định là bộ Luật Dân Sự thể hiện tư tưởng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa!

Thoáng nhìn chung, kỳ họp này của Quốc Hội có vẻ phong phú về mặt lập pháp. Nhiều người nhận định rằng lâu nay, chính quyền cộng sản quen cai trị không cần luật pháp. Bây giờ họ làm luật, đó đã là tiến bộ rồi. Nhưng nghĩ cho đến nơi đến chốn thì nhiều luật chưa hẳn đã là tiến bộ. Vấn đề là phải có những luật cho ra luật. Ngay tại những nước tiên tiến phương Tây, nạn lạm phát luật cũng đã là một tệ nạn đang được chữa trị. Hướng chỉ có nhiều luật thì phải có đủ luật gia, thẩm phán, chuyên viên pháp lý để áp dụng nghiêm chỉnh. Không thể chối cãi rằng Việt Nam hiện nay không đủ nhân sự để tiêu thụ cho tốt hàng loạt những công cụ lập pháp mà Đảng sản xuất ra một cách bừa bãi để chỉ

nhằm áp dụng Hiến pháp 1992 mà dụng đích là chính thống hóa, hợp pháp hóa chế độ đảng trị.

Do đó dư luận chung từ phía dân chúng rất dè dặt trước loạn cào cào dự án luật đã diễn ra trong hai tháng qua.

Những người bán máu

Hiện nay tại Sài Gòn, mỗi ngày có hàng trăm người đến Trung Tâm Truyền Máu và Huyết Học, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện 175 để bán máu. Số người đến bán máu ngày càng đông nên sự tuyển chọn để mua máu cũng khó khăn. Những ai quá ốm yếu bị loại ngay vòng đầu, kể là những người lớn tuổi (trên 55) hay bị tình nghi mang bệnh. Giá 200 cc (1/5 lít) máu là 64.000 đồng. Bán máu xong, mỗi người được cho ăn một chiếc bánh bao 1.200 đồng, một tô hủ tiếu 1.600 đồng và một ly trà đá 200 đồng, và nhận 61.000 đồng.

Những người đến bán máu đa số thuộc thành phần nghèo thành phố: 23% là giới tiểu thương, 22% thất nghiệp, 21% làm rẫy, 18% công nhân, 16% còn lại thuộc các thành phần xã hội khác. Bác sĩ Trần Văn Bé, giám đốc Trung Tâm Truyền Máu và Huyết Học, cho biết trong tổng số 6.647 người đến "cho" máu chỉ có 3 người tình nguyện, số còn lại đến để bán máu. Nhiều người còn đến bán máu một cách đều đặn mỗi tháng.

Ký giả HCN, báo Tuổi Trẻ tháng 5-1994, cho biết họ là những bà mẹ, những người cha đã xoay sở đủ mọi cách để có tiền nuôi con ăn học hay chữa bệnh nhưng không đủ nên phải bán máu của mình phụ thêm những khoản thiếu hụt. Ước mơ của những người cùng khổ này là có được 100.000 đồng (50 Francs hay 10USD) để làm vốn sinh nhai. Họ ở ngay bên cạnh những ai muốn thực sự muốn giúp đỡ họ: những con hẻm nhỏ tối tăm, những người đang sống vất vưởng trên các hè phố.

Sài Gòn hiện có khoảng 20 khách sạn từ ba sao trở lên với giá 100USD một ngày. Các tiệm ăn nhậu với giá 50 hay 100USD một thực đơn cũng không thiếu.

Giếng dầu mới

Ngày 21-6 vừa qua, giám đốc công ty Japan Vietnam Petroleum Co (JVPC, một chi nhánh của nhóm Mitsubishi Oil) Yojiro Tanno tuyên bố vừa tìm ra một giếng dầu mới mang tên Rạng Đông ngoài khơi bờ biển phía nam Việt Nam. Được biết giếng Rạng Đông có trữ lượng rất quan trọng và phẩm chất dầu như giếng Bạch Hổ. Bạch Hổ là giếng dầu duy nhất hiện nay được khai thác tại Việt Nam, với trữ lượng được thăm định vào khoảng từ 175 đến 300 triệu thùng, và ở mức độ khai thác 130.000 thùng mỗi ngày.

Đây là một tin vui cho tương lai xứ sở, nhưng cũng nên đề phòng không để rơi vào trường hợp như ở một số nước Ả-rập, nơi mang tiếng là phần đất giàu có - chứa đầy vàng đen - lợi tức đầu người rất cao, nhưng thực tế cho thấy chỉ có một thiểu số lãnh đạo là giàu sụ, còn bất công xã hội vẫn tràn lan. Hiện tượng tham nhũng hiện nay tại Việt Nam đang là mối nguy cơ làm thất thoát tài nguyên thiên nhiên của đất nước vào tay các tài phiệt ngoại quốc.

Nguy cơ tụt hậu của ngành giáo dục Việt Nam

Ai cũng biết nền giáo dục hiện nay ở Việt Nam đang trải qua một thời kỳ nghiêm trọng chưa từng có từ trước đến nay. Theo

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC

đà này thì "triển vọng" tụt hậu còn xa hơn. Từ nhiều năm nay, cả trăm ngàn giáo chức trung tiểu học nghỉ việc sang buôn bán vì đồng lương chết đói của nhà nước ban cho chỉ sống được mười ngày. Sinh viên học sinh vì đời sống khó khăn, học phí cao phải bỏ học hay đi học chui. Mặc dù nền giáo dục được đưa lên hàng quốc sách, nhưng chính ông bộ trưởng giáo dục-đào tạo Trần Hồng Quân phải thú nhận: "Không có nước nào mà giá thành đào tạo quá thấp như chúng ta. Chi phí đào tạo cho một sinh viên ở các nước từ 5.000 đến 25.000 USD một năm, còn của chúng ta trung bình 300 USD. Trong khi đó, học phí của ta chỉ xấp xỉ 1,5 triệu đồng (150 USD) nhưng nhiều gia đình vẫn không đóng nổi vì quá nghèo" (Tuổi Trẻ 17-5-94). Còn tình trạng của ngành tiểu học ra sao? Ông Quân cho biết: "Ngân hàng thế giới cho Việt Nam vay 70 triệu USD trong vòng mười năm, với 10 triệu học sinh tiểu học, trung bình mỗi học sinh chỉ được bảy USD thì cải thiện được điều gì?"

Trong niên học 1993-94, cả nước thiếu tới 60.000 giáo viên, số thiếu hụt gia tăng 50% so với năm trước (40.000). Để bù đắp sự thiếu hụt này, nhà nước phải lấy học trò học xong lớp 5, cho bồi dưỡng một thời gian ngắn để làm thầy dạy cấp I. Ông Quân kết luận rằng: "Thực tiễn giáo dục xuống cấp là cái chết dần dần, không bày ra trước mắt nên không ai thấy..."

Tình trạng xuống dốc của ngành giáo dục bắt buộc một số trí thức còn ưu tư đến vận mạng đất nước phải lên tiếng. Giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn trong bài tham luận ở đại hội Mặt Trận Tổ Quốc, ngày 7-5-94 đã nói: "Nay thì khoa học đã tiến rất xa so với kiến thức tiếp nhận được, mà anh chị em chúng tôi, thì vừa thiếu liên lạc thường xuyên với thế giới khoa học bên ngoài, vừa thiếu trầm trọng những thông tin cập nhật mà đáng lẽ một thành phố (Sài Gòn) vốn được xem là một trung tâm văn hóa, khoa học, công nghệ không thể và không được quyền thiếu."

Ông Sơn bị quan kết luận: "Nếu cứ tiếp tục đào tạo theo phương cách cổ điển hiện nay, e rằng mãi mãi lớp trẻ chúng ta vẫn là người đi sau, mãi mãi tụt hậu so với các đòi hỏi ngày càng cao, ngày càng phức tạp của sự nghiệp đổi mới và phát triển". Các quan chức của đảng nghĩ sao về nguy cơ tụt hậu của ngành giáo dục?

Những con thú kỳ lạ ở Việt Nam và vai trò mới của quân đội

Hồi cuối tháng 6-1994, một thợ săn rùa đã bắt sống được một con dê lạ ở núi Vụ Quang mà trước đây người ta chỉ biết được qua bộ xương sọ và tấm da. Đối với giới khoa học thế giới, đây là một khám phá lớn thứ ba của thế kỷ. Con vật này có tên khoa học là *Pseudoryx nghetinhensis* nghĩa là "con oryx giả của tỉnh Nghệ Tĩnh" vì nó giống con oryx, một loài hươu sống ở Châu Phi, có sừng đen dài và nhọn. Nặng khoảng một trăm kí, con dê Vụ Quang có bộ da màu nâu điểm nhiều đốm trắng. Điểm đặc sắc của nó là có móng cong để thích hợp với vùng đất trơn trượt nơi sinh sống.

Câu chuyện bắt đầu vào tháng 5-1992 với cuộc thám hiểm của nhà sinh vật học Hồng Kông, John Mackinnon, dưới sự tài trợ của Hiệp Hội Bảo Trợ Dã Thú (WWF). Trong cuộc gặp gỡ với các thợ săn ở vùng Vụ Quang, Mackinnon đã được dịp quan sát xương sọ của một con dê rừng mà người bản xứ gọi là con "sao la". Nhận thấy rằng có lẽ đây là một loài động vật có vú mà người ta chưa biết đến, ông gửi một mẫu da của con "sao la" về

Copenhagen để phân tích về cơ cấu ADN. Kết quả cho thấy con vật này đã lìa xa thân chủng (arbre généalogique) của loài từ khoảng 5 đến 10 triệu năm. Một báu vật thuộc "di sản đá"... còn sống.

Nhưng con sao la mới chỉ là một trong những con vật kỳ lạ đầu tiên tìm thấy ở núi Vụ Quang, vì hai năm sau những nhà khoa học đã khám phá thêm hai loại nai đặc biệt khác. Con Muntjac khổng lồ (một loại nai có răng nanh lộ ra ngoài), và con "quang khem" (con nai chạy chậm). Điểm chung của hai con thú này là có những đặc tính nguyên thủy không thay đổi từ cả triệu năm nay. Răng nanh của con Muntjac đã có vào thời đại mà những loài ăn cỏ chưa có bộ răng thích hợp như ngày nay. Theo ông Colin Groves, một chuyên gia về thú của đại học Úc: "Vùng Vụ Quang không những là khám phá đặc biệt của năm nay mà có lẽ là khám phá của cả thế kỷ này".

Vụ Quang là một khu dự trữ ở biên giới Lào-Việt (Bolikhamsay-Nghệ Tĩnh). Đó là một vùng núi rừng với khí hậu hết sức đặc biệt, đã giải thích phần nào sự tồn tại của những con vật kỳ lạ thời tiền sử còn sống này. Vùng núi chia đôi Lào và Việt Nam cho phép nơi này giữ một độ ẩm thấp không suy xuyên từ biển Nam Hải vào và là nơi ẩn náu của loài động vật xưa, trong khi tại các vùng Châu Á khác khí hậu thường xuyên thay đổi. Những chuyên gia về thú cũng như những chuyên gia về thuyết biến đổi của động vật đã hết sức chú ý tới vùng này vì sự tồn tại của các loài động vật cổ xưa và hiện đại, họ cho rằng đây là một nơi tốt nhất để nghiên cứu về sinh học và thuyết biến đổi.

Sự tồn tại của những con vật lạ này là nhờ khí hậu hậu "độc địa" đối với con người. Mưa liên tục trong mùa mưa và sương mù dày đặc trong mùa nắng khiến khí hậu nơi này rất khó chịu, ngay cả thợ săn cũng không dám ở lâu trong rừng, vì thế thiên nhiên vùng này chưa bị con người hủy hoại. Tình trạng này sẽ kéo dài được thêm bao lâu khi Việt Nam đã mở cửa về kinh tế thị trường và chạy đua về lợi nhuận đã lan ra khắp xứ?

Thợ săn ngày xưa săn bắn để sống bây giờ họ săn bắn vì những khoảng tiền béo bở nếu đánh bắt được những con thú lạ. Việc săn được một con sao la là cả một cuộc chạy đua giữa công an địa phương với dân buôn lậu vì bọn này muốn bán con vật đặc biệt của Việt Nam qua Thái Lan. Vũ khí của thợ săn cũng đã thay đổi. Súng tự động, chất nổ đã thay thế cung nỏ thời xưa. Môi trường thiên nhiên Việt Nam đang bị đe dọa vì cơn sốt lợi nhuận. Việc phá rừng bừa bãi là do đặt hàng của các nước làm giấy và đồ gỗ. Nhiều chủ tiệm ăn muốn làm vừa lòng các phú thương Á Đông đã không ngần ngại đưa con trút hay con tê-tê (một động vật có vú và có vẩy) vào thực đơn. Nhiều nhà khoa học e ngại rằng nhiều loài vật sẽ bị tuyệt chủng trước khi được nghiên cứu, xếp loại để được bảo vệ. Theo lời khuyên của WWF, chính phủ Việt Nam đã mở rộng khu dự trữ từ 16.000 lên đến 60.000 hecta. Tuy nhiên với phương tiện ít ỏi việc bảo vệ các loài thú hiếm vẫn chưa được giải quyết vì nạn tham nhũng đang hoành hành ở Việt Nam.

Trong cuộc đấu không cân xứng giữa bọn buôn lậu và người bảo vệ thiên nhiên, bộ đội cộng sản Việt Nam được giao một nhiệm vụ mới: bảo vệ thiên nhiên. Tờ báo về môi sinh "Hương sắc Việt Nam", do quân đội chủ xướng, và gần đây đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tuyên bố "dân tộc Việt Nam đã tranh đấu trong mấy chục năm qua không phải là để phung phí tài nguyên khi giành được độc lập". Mong sao ông tướng già và những người trách nhiệm áp dụng những suy nghĩ này cả về phía con người

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC

Việt Nam.

Chứng nào mới có một chương trình bảo vệ loài *homo honestus vietnamensis* (con người Việt Nam lương thiện), một chủng loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng, và những đại diện còn sống sót như Đoàn Việt Hoạch, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Hộ...?

Métro cho Hà Nội và Sài Gòn

Cả Hà Nội lẫn Sài Gòn đều đang cần một hệ thống métro (xe điện ngầm) để giải quyết nạn tắc nghẽn giao thông. Sài Gòn hiện nay đã tiến gần tới mức độ ứ đọng giao thông của Bangkok, một mức độ bị coi là không chấp nhận được với các nhà đầu tư ngoại quốc. Ứ đọng giao thông được coi là thủ phạm chính của sự sút giảm đầu tư nước ngoài tại Thái Lan (giảm 20% so với 6 tháng đầu năm 1993).

Hà Nội đang thảo luận với nhiều công ty để giao khoán hệ thống métro. Đại diện nhiều công ty tại Hồng Kông, Hoa Kỳ và Anh đã gặp và trao đổi với chính quyền, trong khi một công ty Pháp đã nộp một dự án với đầy đủ chi tiết kỹ thuật về đường métro Hà Nội.

Tại Sài Gòn, công ty Parson Brinkerhoff (New York, Hoa Kỳ) đã ký kết với chính quyền Việt Nam một thỏa thuận nguyên tắc để xây dựng hệ thống métro Sài Gòn.

Một công trình thiết kế đô thị lớn chết tức tưởi

Năm 1979, khu phố Dúng ở tả ngạn sông Đà, nằm phía bên kia sông thị xã Hòa Bình, được chọn làm trung tâm cho công trình đập đập sông Đà và lắp đặt nhà máy thủy điện.

Trước đó, phố Dúng chỉ là một xóm nhỏ với vài chục căn nhà bên sườn đồi. Bên kia sông, phía hữu ngạn, thị xã Hòa Bình cũng chỉ là một khu phố nhỏ, với các mái tranh nghèo nàn.

Công trình sông Đà đã làm phố Dúng phát triển mạnh mẽ, trở thành một thị trấn hiện đại rộng trên 10 km², với nhiều nhà máy: Xí nghiệp 500 xe, Xí nghiệp Trộn Bê-Tông Đúc Sẵn, Công ty Xây Dựng Đường Ngầm, Công ty Xây Lắp, Công ty Xây Dựng Dân Dụng. Người ta đã xây dựng nhiều đường sá lớn, bến cảng, trường học (có đủ mọi lớp từ mẫu giáo đến lớp 12), một khu chung cư lớn cho công nhân có chỗ ở cho 100.000 người. Đặc biệt là một làng chuyên gia rất thắm mỹ cho hơn 20.000 chuyên gia, gồm hàng chục tòa nhà rất lớn cao 5 tầng. Mỗi căn hộ (appartement) chuyên gia gồm từ ba đến bốn phòng, có đủ mọi tiện nghi, kể cả máy điều hòa không khí. Ở đây người ta đã trồng vô số hoa đẹp trên các lối đi. Những tấm ảnh còn lại cho thấy một thành phố sang trọng, một thành công về kiến trúc. Báo chí trong nước gọi công trình sông Đà và thành phố Dúng mới dựng lên là "một công trình có tầm cỡ thế kỷ".

Nhưng thị trấn mới này đã không sống được đến cuối thế kỷ. Nó đã trở thành hoang phế. Lý do chính của sự tàn phá này là quyết định, cách đây hai năm, tách Hòa Bình ra khỏi tỉnh Hà Sơn Bình để thành lập một tỉnh riêng và lấy thị xã Hòa Bình cũ, thay vì khu phố Dúng, làm tỉnh lỵ. Công trình sông Đà dần dần hoàn tất, số công nhân giảm dần (nay chỉ còn 7.000, trong đó phân nửa là phụ nữ). Các chuyên gia cũng đi hết, chỉ còn lại 17 người. Các nhà máy cũng theo nhau đóng cửa.

Thị trấn Dúng đã chết, các máy lạnh đã bị tháo gỡ, các vòi nước lavabo, cửa sổ và có khi cả cánh cửa đều biến mất. Tại các trường học bỏ hoang, bàn ghế đã bị lấy đi làm củi hay để bán sắt

vụn. Số người ít ỏi còn lại bị rơi vào cảnh nghèo khổ cùng cực và không thấy một tương lai nào nên cũng tiếp tay đập phá trước khi kiếm đường đi sinh sống chỗ khác. Họ gỡ từng viên gạch, viên ngói, từ thanh xà gỗ, từ chấn song cửa, đem bán để sống. Một vài quán cà-phê còn lại đèn tối lu mờ. Đúng có đầy đủ các tệ đoan xã hội. Đúng đang chết tức tưởi.

Việc xây dựng thành phố Dúng đã tốn cả nghìn tỷ đồng, kinh phí thực sự không biết là bao nhiêu vì được xây dựng theo lối bao cấp, thiếu bao nhiêu cung cấp bấy nhiêu. Riêng làng chuyên gia, kinh phí dự trù là 50 tỷ, sau đó thành 80 tỷ, rồi không giữ sổ sách nữa.

Người ta tự hỏi tại sao tỉnh Hòa Bình lại chọn thị xã Hòa Bình làm tỉnh lỵ và bỏ rơi thị trấn Dúng đẹp đẽ, rộng rãi và hiện đại như vậy? Có lẽ là vì thị xã Hòa Bình nằm bên hữu ngạn sông Đà, tiện đường về Hà Nội hơn. Nhưng điều còn lạ lùng hơn là ngay trong lúc Dúng bị bỏ hoang thì cách đó không xa, ngay cùng bên bờ tả ngạn, chính quyền tỉnh Hòa Bình lại bỏ ra hàng chục tỉ để xây một trường thanh niên dân tộc miền núi.

Có lẽ lúc xây dựng ra thị trấn Dúng, người ta dự trù cho nó một tương lai rất sáng lạn, vì ngay trung tâm thành phố vẫn còn một khối bê-tông lớn, trong đó có một thông điệp mà theo dự trù đến năm 2100 mới được mở ra. Thông điệp này nói gì với các thế hệ mai sau?

Công trình xây dựng này, ngoài kinh phí khổng lồ, đã làm thiệt mạng hơn 100 công nhân và làm hơn 1.000 người khác mang thương tật. Có ngờ đâu chỉ hai năm sau.

Phá vỡ một tổ chức buôn người

Trung tuần tháng 5-1994, công an biên phòng tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng bắt quả tang 17 tay "đầu gấu" (xếp xòong) đang tổ chức buôn bán 61 người, trong đó hơn một nửa là trẻ em, để làm "nô lệ" đào đãi vàng tại khe Tr'vin trên con sông Cái (xã Tả Bùng, huyện Giang, vùng núi phía tây tỉnh Quảng Nam). Những tay đầu nậu này, đa số xuất thân từ các tỉnh thuộc Hà Nam Ninh cũ, mua người ở những vùng lân cận rồi chở vào bán cho những chủ "buồng" để đào đãi vàng. Những nạn nhân, đa số là thành phần nông dân nghèo, được gia đình chấp nhận bán để lấy một số tiền. Họ phải làm việc quần quật trong các hầm mỏ và thường bị đánh đập, ngược đãi khi không cung cấp đủ sức lao động hay không mang lại lợi tức cho chủ nhân.

Sáng 25-5, công an tỉnh Quảng Nam đã thuê xe chở những nạn nhân này về nơi sinh quán cũ.

Người Việt tại Cambốt tiếp tục bị sát hại

Ngày 15-5-1994, một nhóm người Khmer đã sát hại hai cha con ông Lê Văn Trương và Lê Văn Thành tại xã Pralai Mía, huyện Kompong Lêng, tỉnh Kompong Chnăng. Xác hai người này sau đó bị thả trôi sông. Cùng tại Pralai Mía, ngày 21-5, bốn người Việt khác bị bắt cóc, đến nay vẫn chưa rõ số phận của họ ra sao.

Đại sứ quán cộng sản Việt Nam tại Phnom Penh chỉ biết yêu cầu nhà cầm quyền Cambốt điều tra và bảo vệ kiều dân Việt.

83.000 người đang bị đói gay gắt

Trong cuộc họp báo ngày 24-5-1994 tại Quảng Trị, ông

TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC

Nguyễn Lương Toà, thứ trưởng Bộ Lao Động, cho biết hiện ở tỉnh Quảng Trị có 83.000 người đang bị đói gay gắt, trong đó có gần 34.000 người sắc tộc thiểu số sống trên các vùng cao tại Hương Hóa. Được biết, do thời tiết thất thường, vụ hè thu năm nay Quảng Trị có 70% diện tích bị mất mùa nặng. Các huyện Triệu Phong, Hải Lăng có nơi mất đến 80% sản lượng. Đây là vụ mất mùa thứ hai xảy ra liên tiếp từ 1993 đến nay.

Theo dự kiến, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam năm 1994 là 1,5 triệu tấn (năm 1993 đã xuất khẩu 1,2 triệu tấn).

Móng Cái phát triển mạnh

Năm năm sau ngày mở cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc và việc xây cất cầu Bắc Luân (17-4-1994) giao thông với huyện Đông Hưng (Trung Quốc), Móng Cái đã trở thành một thị xã sầm uất.

Trị giá hàng trao đổi hai chiều năm 1993 đã lên tới 60 triệu USD. Móng Cái đóng góp 80% cho ngân sách huyện Hải Ninh.

Chợ Móng Cái có trên 1.000 sạp hàng, trong đó 2/3 là của người Hòa từ Đông Hưng sang thuê để kinh doanh. Làm ăn tại Móng Cái hiện rất dễ dàng: chỉ cần bỏ ra khoảng một triệu đồng (100 USD) là đóng được hai thuyền gỗ nhỏ để đi buôn, kiếm lợi tức mỗi ngày từ 20.000 đến 30.000 đồng. Móng Cái hiện có hơn 200 thuyền buôn đủ loại và đủ cỡ. Thuyền nhỏ cần hai người chèo đẩy, thuyền lớn 5 người. Những người này, tiếng địa phương gọi là "củ vụn", vừa là tay buôn vừa là tay khâu vác, lợi tức của họ khá cao. Thu nhập bình quân đầu người tại thị xã Móng Cái được ước lượng là 500 USD/năm.

Trong năm 1993, Móng Cái đã tiếp 46.000 người Hoa từ Đông Hưng qua du lịch. Đây là nguồn lợi lớn của Móng Cái. Trung bình đón một du khách Trung Quốc có lời cao hơn bán 10 tấn than, sản phẩm chính của Móng Cái. Hiện Móng Cái đã có mười khách sạn và 40 nhà nghỉ đủ sức tiếp 700 du khách mỗi ngày. Giới chức địa phương cho hay khả năng này sẽ không đủ trong tương lai và đang có yêu cầu thêm khách sạn.

Đây chỉ là lợi tức chính thức, hay bán chính thức. Nguồn lợi tức lớn nhất, mà không ai ước tính được của Móng Cái là buôn lậu.

Huế tìm lại hương xưa

Vài năm gần đây, sau khi áp dụng phương thức sinh hoạt kinh tế thị trường hiện nay, Huế đã tìm lại sự nhộn nhịp những năm tháng xưa.

Khác với trong Nam, Huế vẫn giữ sinh hoạt kinh tế ba thành phần: quốc doanh, tập thể và tư nhân. Tốc độ phát triển kinh tế ngoài quốc doanh tăng nhanh hơn quốc doanh (7%), tập thể tăng 17%, tư nhân tăng 18%. Nhiều cơ sở tiểu thủ công nghiệp mang tính địa phương như thêu, đúc đồng, chạm trổ đang phát triển nhanh chóng để phục vụ nhu cầu du lịch ngày càng tăng. Mặc dù vậy dấu ấn của quốc doanh vẫn còn mạnh mẽ tại Huế, với tổng trị giá doanh vụ hơn 5,5 tỷ đồng so với tư nhân (gần 3,5 tỷ đồng), và vẫn còn được bao cấp. Nhiều công ty quốc doanh đang được tổ chức lại để thích nghi với những biến động của sinh hoạt kinh tế thị trường.

Điều làm ấm lòng dân chúng Huế là được nghe lại các bài dân ca Huế, các điệu hò, các nhạc cụ xưa do các nghệ nhân trình diễn trong các thuyền rồng trên sông Hương. Hiện có 88 thuyền rồng chở du khách đi từ Huế đến các lăng tẩm xa xôi.



Cấp cứu Tiếng Việt

Dư luận cộng đồng người Việt tại Pháp rất xôn xao về quyết định của Bộ Giáo dục Pháp không cho các thí sinh thi bằng tú tài, kể từ năm 1995, được chọn tiếng Việt làm sinh ngữ chính trong các kỳ thi lấy bằng này.

Đã bắt đầu có những sáng kiến, đặc biệt từ phía giáo giới dạy tiếng Việt, vận động bộ sở quan xét lại quyết định nói trên. Theo nhật báo Le Monde, ngày 23-06-1994, một thỉnh nguyện thư với 2000 chữ ký đã được gửi tới Tổng trưởng Giáo dục của Pháp là ông François Bayrou nhằm phục hồi địa vị cho tiếng Việt trong các kỳ thi tú tài. Một đợt vận động thứ hai do bà Nguyễn Tôn Nữ Hoàng Mai, giáo sư Việt ngữ trường trung học Louis le Grand ở Paris và ông Nguyễn Đình Hưng, giáo sư trường trung học E. Branly ở Créteil khởi xướng đã thu góp thêm được nhiều chữ ký để gửi tới Tổng trưởng F. Bayrou.

Lý do đưa tới việc bãi bỏ Việt ngữ, theo nhật báo Le Monde, là những khó khăn của bộ Giáo dục trong việc cung cấp cho các ban giám khảo những giáo sư chấm thi Việt ngữ, nhất là về những ngôn ngữ "hiếm" (langues rares). Một thí dụ: theo thống kê của SIEC, cơ quan có trách nhiệm quản lý hồ sơ của một phần năm các thí sinh toàn quốc thi tú tài thì đã có 1655 thí sinh chọn 40 ngôn ngữ "hiếm" làm sinh ngữ chính trong khi đó 100.000 thí sinh khác đã chỉ chọn có 6 ngôn ngữ thông dụng là tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Tây ban nha, tiếng Nga, tiếng Bồ đào nha và tiếng Ý.

Nhưng dư luận Việt Nam đã nêu lên một số lý do không kém phần xác đáng để yêu cầu xét lại trường hợp Việt ngữ. Trước hết, theo những thỏa ước đại học (conventions universitaires) thì bộ Giáo dục có thể thay thế, nếu có sự lựa chọn của thí sinh, một trong 14 sinh ngữ - đã được nghị định ngày 17-03-1994 của Bộ Giáo dục liệt kê - bằng sinh ngữ mà thí sinh đã chọn nếu sinh ngữ này là sinh ngữ của một nước đã ký kết với nước Pháp một thỏa ước đại học. Đó chính là trường hợp của Việt ngữ. Tưởng cần nhắc lại rằng tháng 04-1977 chính phủ Pháp, dưới thời tổng thống Valéry Giscard D'Estaing, đã ký với chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một thỏa ước đại học, thỏa ước được ký lại năm 1993. Cho đến nay, các thí sinh Việt Nam vẫn được quyền chọn Việt ngữ làm sinh ngữ chính. Như vậy không thể gạt bỏ Việt ngữ ra ngoài kỳ thi viết tú tài. Huống hồ số học sinh trung học chọn Việt ngữ làm sinh ngữ chính không phải là ít: 325 học sinh, chỉ kể riêng trường trung học Louis le Grand ở Paris và trong niên khóa 1993-94 đã chọn Việt ngữ. Mặt khác, Pháp quyết định sẽ tổ chức vào năm 1997 tại Việt Nam hội nghị thượng đỉnh Pháp - Việt tại sao lại có thái độ coi rẻ Việt ngữ như vậy? Sau hết, như thực tế đã cho thấy, văn hóa Việt Nam là một yếu tố thuận lợi cho việc hội nhập người Việt vào xã hội Pháp. Công nhận cho Việt ngữ có vai trò trong kỳ thi tú tài là gián tiếp giúp giải quyết một đệp vấn đề hội nhập người Việt.

Một điều đã làm cho dư luận người Việt tại Pháp rất bất mãn: chính quyền đương chức ở Việt Nam tuy là người đã ký kết thỏa ước đại học với Pháp nhằm thực hiện tương trợ giáo dục, tiến thăng ngôn ngữ, văn hóa, văn học giữa hai nước, đã không có một phản ứng nào để ngăn chặn mối đe dọa xuống cấp của tiếng Việt và nhất là để bảo vệ quyền lợi của con em Việt kiều sống trên đất Pháp.

Thảo luận sôi nổi về tình trạng mở cửa kinh tế sau cấm vận

Chiều chủ nhật 20-06-1994, tại hội trường của lữ quán D'Artagnan, quận 20 thủ đô Paris, các thân hữu của Thông Luận đã tới dự buổi họp thường lệ. Tuy có sự thay đổi nơi họp - trước đây vẫn thường họp ở hội trường Maison des Mines, quận 5 - và trùng với Ngày Quân lực VNCH, số người tới tham dự vẫn ở mức cù, trên 50 thân hữu trong đó có những cụ tuổi đã rất cao, ngoài tám mươi, gần chín mươi, bên cạnh những thực tập sinh trẻ măng vừa từ Việt Nam qua!

Bắt đầu chương trình, Vũ Thiện Hân mời cử tọa thảo luận về nội dung ba số báo Thông Luận 70, 71, 72. Cụ Nguyễn Văn Thường khai pháo tỏ bày sự bất mãn khi nghe thấy đài RFI, chương trình việt ngữ phát đi chiều hôm thứ bảy 19-06-1994, phê bình bài viết của ông Lê Văn Đăng đăng trên số 72. Cụ Thường yêu cầu ban biên tập Thông Luận nghiên cứu những lời phê bình của đài RFI, đòi đài này nói rõ hơn về những điểm họ bất đồng ý kiến thay vì chỉ nói một cách chung chung. Tiếp lời cụ Thường, Trần Thanh Hiệp chứng minh rằng dù nhà cầm quyền cộng sản có muốn lập luận cách nào chẳng nữa thì vấn đề "phát triển" cũng không phải là một vấn đề đơn thuần kinh tế biệt lập với chính trị, vì "áp dụng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là gì nếu không phải là chính trị hóa sinh hoạt kinh tế theo ý hệ cộng sản có tên gọi xã hội chủ nghĩa? Nguyễn Gia Kiểng nhấn mạnh rằng sự bất đồng ý kiến giữa ông Lê Văn Đăng với người bình luận của đài RFI sở dĩ có là vì mỗi bên đã lý luận trên những dữ kiện khác nhau. Nhưng tự do phê bình là quyền của người đọc và đồng ý hay không là quyền của người nghe.

Nhận định về nội dung của số 72, cụ Nguyễn Văn Ai điếm qua các bài của Lê Văn Đăng, Nguyễn Huy Bảo, Vũ Thiện Hân và bình luận nhiều về bức thư của một độc giả Thông Luận, ông Đặng Văn Châu, đăng trên số 72. Cụ Ai lưu ý ban biên tập là nếu số độc giả ở ngoài nước của Thông Luận nhiều hơn số độc giả ở trong nước thì cũng nên cân nhắc kỹ việc đăng các bài viết từ trong nước gửi ra, nhất là những bài như loại của Trần Minh Thảo, Đỗ Mười v.v...Luận điệu ngoan cố quá quen thuộc của người cộng sản không còn là điều lạ đối với người Việt ở ngoài nước, bởi vậy hà tất phải mất công, mất chỗ (của một tờ báo tháng) để đăng và phê bình. Cụ Ai nhắc lại cho ban biên tập dư luận các thân hữu của Thông Luận mà cụ đã ghi nhận được là nên coi chừng để đừng mắc bẫy dương đông kích tây của cộng sản. Vũ Thiện Hân và Nguyễn Gia Kiểng góp ý với cụ Ai rằng thể hiện được tinh thần đa nguyên có nhiều khó khăn trong thực tế. Ngoài ra Thông Luận, một mặt, muốn tránh cách trích dẫn làm mất nguyên nghĩa của toàn văn nhưng đồng thời lại phải đưa ra những nhận định tối thiểu của ban biên tập về các ý kiến cộng sản được đăng tải. Các ý kiến của Vũ Thiện Hân và Nguyễn Gia Kiểng được ông Hứa Huyền Minh hoan nghênh qua lời ông khen sáng kiến của Vũ Thiện Hân đã đối chiếu ngay trong một bài những quan điểm khác nhau giữa ông Đỗ Mười và Thông Luận. Cách phê bình "nói có sách mách có chứng" như Vũ Thiện Hân đã làm là có tác phong tự do tư tưởng.

Phần thứ hai của chương trình, dành cho những tin tức thời sự đặc biệt trong nước, đã do Nguyễn Gia Kiểng điều khiển. Khởi đi từ nhận định rằng trong ba tháng vừa qua ở Việt Nam đã nổi

bật lên sự tăng trưởng ồ ạt về mọi mặt của các trao đổi với bên ngoài. Đầu tư nước ngoài gia tăng. Hội nghị quốc tế tiếp diễn. Các nhân vật cầm đầu Nhà nước đi công du. Các quốc khách tới Việt Nam thăm viếng hữu nghị v.v...Đó là những diễn biến chứng tỏ rằng, dù là phe thủ cựu thắng thế, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn phải mỗi ngày một cởi mở hơn. Do đó Đảng càng bối rối trước những chuyển mình của xã hội VN.

Rất tiếc, theo Nguyễn Gia Kiểng, chúng ta chưa sẵn sàng để khai thác vận hội mới này. Người Việt trong nước hay ở ngoài nước, nói chung thờ ơ, khí thế tranh đấu lại suy giảm. Phải phân tích thái độ này như thế nào? Nguyễn Gia Kiểng mời cử tọa bình luận về nhận định của ông.

Khai triển một ý kiến của Trần Thanh Hiệp phát biểu sau đó, kinh tế gia ly khai Vô Nhân Trí cho rằng những luận điệu tiền hậu bất nhất của cộng sản là điều chẳng đáng dừng. Những người cộng sản biết là mâu thuẫn nhưng vẫn cứ phải nói và nói một đằng rồi làm một nẻo, được đến đâu hay đến đó, sau sẽ tính. Tuy vậy điều mà họ biết tính ngay tức khắc là hãy cứ đàn áp đối lập cái đã, cho ăn chắc! Giáo sư Nguyễn Huy Bảo nhắc lại là bài viết của mình tuy nói về chuyện dưới thời Tự Đức nhưng kỳ thực để nhắc nhở rằng nước Việt Nam đang có nguy cơ bị mất thêm một lần nữa vào tay ngoại bang như dưới thời Tự Đức! Vô sư Trần Nguyễn Đạo trình bày những nhận xét tại chỗ của ông nhân chuyến viếng thăm Việt Nam mới đây: ở địa phương, xã hội dân sự đã có những quyền tự trị thực tế so với chính quyền trung ương. Ông Mai Viết Triết lưu ý mọi người trong phòng hội là đang có một đợt làm luật, sửa luật tại Quốc Hội, nhất là luật bầu cử Ủy ban Nhân dân, Hội Đồng Nhân dân. Về điểm này, một trong hai thực tập sinh trong nước vừa qua Pháp tu nghiệp đã nói thẳng tâm trạng của mình, một người trí thức đã chán chường vì cảm thấy người dân đã bị lợi dụng từ nhiều năm nay về chính trị. Nên chẳng ai muốn quan tâm đến những khẩu hiệu tranh đấu cao siêu, lý tưởng. Ai cũng lo cho mình, cho gia đình mình trước đã. Và lại chính quyền vẫn tiếp tục kiểm soát kỹ hành động của mọi thành phần và sẵn sàng đàn áp. Vì vậy không ai muốn gây chuyện, tránh voi chằng xấu mặt nào! Còn bầu cử, ứng cử thì nó đã trở thành nhàm chán. Trước đây, đúng ngày bầu cử, anh vác cần câu đi câu.

Phần hai chấm dứt để mọi người nghỉ giải lao. Tái nhóm Trần Thanh Hiệp hoạt náo phần chót của chương trình là phần sinh hoạt cộng đồng. Trần Thanh Hiệp đọc bức thư của hai giáo sư việt ngữ Nguyễn Tôn Nữ Hoàng Mai và Nguyễn Đình Hưng gửi Tổng trưởng giáo dục François Bayrou để thỉnh nguyện đừng bãi bỏ Việt ngữ như một sinh ngữ thi viết trong kỳ thi tú tài. Đoạn ông phân phát những tờ thỉnh nguyện để lấy chữ ký.

Sau vấn đề vận động phục hồi địa vị cho Việt ngữ, cử tọa nghe Ts Lê Phước Sang, chủ tịch Hội Đồng Cho Một nước Việt Nam Tự Do, từ Mỹ qua, mời mọi người đến dự Hội nghị Quốc tế lần thứ III của "Liên Minh các lực lượng Việt Nam, Hoa Kỳ và Quốc Tế" cho Một nước Việt Nam Tự Do, nhóm họp vào hai ngày 02 & 03-07-1994 tại Puteaux và Paris. Đoạn ông giải đáp một vài thắc mắc của cử tọa.

Buổi họp chấm dứt vào hồi 18 giờ 15.

Lê Mạnh Tường

Góp ý với Thông Luận

[...] Nhân dịp tròn hai năm đọc Thông Luận, và sắp tới Câu Lạc Bộ Thân hữu Thông Luận nhóm họp để đánh giá, xem xét lại những bài viết trên nguyệt san trong thời gian qua, tôi cũng xin có đôi dòng gửi đến vài nhận xét, có điều gì sai sót xin Thông Luận lượng thứ cho.

Qua mục độc giả viết, cũng như tôi nhận thấy, Thông Luận đã chiếm được cảm tình của nhiều độc giả. Một số độc giả đã theo dõi suốt từ số đầu tiên đến những số gần đây nhất. Một số độc giả mới cũng nói lên tình cảm gần gũi với Thông Luận. Một số bài viết được gửi từ trong nước do những con tim trần trụi, thao thức, suy tư cho vận mệnh, tương lai của đất nước mình, bất chấp mọi hiểm nguy cũng gửi đến Thông Luận. Như vậy, có thể nói Thông Luận đã chiếm được lòng tin yêu của độc giả cả trong nước cũng như cộng đồng hải ngoại.

Tại sao có được điều đó, chỉ có thể trả lời đó là nội dung của các bài viết được đăng tải trên Thông Luận mà phần lớn là những bài viết sâu sắc, có sức thuyết phục, có tính nhân đạo cao, khơi gợi được truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình để hướng về một nước Việt Nam tươi đẹp trong tương lai đã chiếm được sự mến mộ của độc giả.

Thế nhưng đọc Thông Luận, đôi khi tôi cũng chưa hoàn toàn thỏa mãn, bởi vì:

- Thường thì số báo nào cũng có sự sai sót về in ấn, khi thì nhầm lỗi chính tả, khi thì thiếu chữ, thiếu nét hoặc là thừa; có lần lại sai cả con số (số báo 1/94 trong phần tin tức Phật giáo). Theo tôi, với khuôn khổ một số báo không nhiều bài lắm, việc này ta sẽ làm tốt được.

- Có bài đưa ra số liệu không chính xác như trong số báo 69, bài "Giác thư về tù nhân chính trị" của Phạm Văn Thành khi viết về kích thước buồng giam và những con số của đội lò gạch. Một tài liệu không chính xác - dù chỉ là một chi tiết sẽ có nhiều hậu quả vô cùng bất lợi.

- Có bài viết lại gạch dưới một vài chữ thậm chí vài câu liền để độc giả chú ý, nhiều nhất là bài "Đất tay nhau..." của Hà Sĩ Phu (số 60) rồi đến các bài của Hồ Hiếu (số 64), của Lữ Phương (số 65), gần đây là số báo 71 trong bài "Bày trí thức người Hoa...". Tôi đề nghị Thông Luận nên tránh vì độc giả nghĩ là mình bị xúc phạm.

- Như trên đã nói, nhiều bài được viết từ rung động trái tim của tác giả mà được độc giả hết sức trân trọng, trước hết nó là sự thật và sau đó vì nó gần gũi, đồng cảm với độc giả. Những người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam dù họ có khoe khoang họ là đỉnh cao trí tuệ thì nhân dân Việt Nam vẫn đánh giá đúng trí tuệ của họ ở mức nào, họ có gọi những người bất đồng chính kiến với họ là bọn, là chúng, là bọn chúng, và đổ tội bừa bãi thì người dân Việt Nam vẫn đánh giá đúng mức những người đó - độc giả rất công bằng. Vậy nên chúng ta cũng không cần viết "đám lãnh đạo ĐCSVN" như bài viết trong số báo 72, trang 19. (Theo tôi trong trường hợp này, chỉ một từ thôi cũng rất quan trọng).

- Cùng trong số báo 6/94. Ông Bùi Tấn có so sánh trường hợp của Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Hộ với những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam hiện nay về tấm lòng yêu nước và nhân cách

con người làm giảm giá trị biết bao nhiêu bài viết của ông. Tình yêu được đánh giá bởi sự hy sinh; Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Hộ khẳng khái chấp nhận thiệt thòi, mất mát cuộc sống của mình, thậm chí cả gia đình mình vì nghĩa lớn, vì tình yêu con người, tình yêu quê hương đất nước, lẽ nào lại đem so với những người đang sống trên lưng dân tộc mình quần quai vì đau khổ. Tôi không nghĩ là ông Bùi Tấn cố ý viết như thế nhưng không ai có thể tránh khỏi sơ xuất, một sơ xuất nhỏ trên một tờ báo được độc giả trong và ngoài nước mến mộ và nhất là tờ báo mà người ta đang tìm cách triệt tiêu, họ sẽ xoai mói những điều sai sót của mình nên mình phải nói với nhau.

- Sau cùng, tôi muốn trình bày một điều mà lâu nay tôi vẫn cứ khắc khoải. Những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam, vì tầm nhìn của họ, hay vì thủ đoạn của họ mà luôn luôn tự xưng mình là Đảng (viết hoa). Chữ đảng, bản thân nó là một danh từ chung nên không thể được viết hoa. Một khi chữ này đi cùng với một tên của đảng nào đó thì mới được viết hoa vì trở thành danh từ riêng. Những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam muốn nói với nhân dân Việt Nam là chỉ có họ là duy nhất, hay là họ không nghĩ được rằng, trong tương lai của Việt Nam sẽ có nhiều đảng phái nên họ bỏ chữ cộng sản đi mà chỉ cần chữ Đảng viết hoa là đủ. Những người sống ở hải ngoại thấy rằng nước nào cũng có nhiều đảng nhưng khi viết bài nói về Việt Nam, về Đảng Cộng Sản Việt Nam thì có khi chữ đảng đứng một mình lại cũng viết hoa, hàm ý nói đó là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Các độc giả khác thì tôi không biết, riêng tôi thì không tán thành báo chí của cộng đồng người Việt tại hải ngoại viết như vậy, nhất là Thông Luận - tờ báo mà từ hai năm nay đã là một phần của cuộc sống tinh thần không thiếu được của tôi.

Phạm Ngọc Trường (Tours, Pháp)

LTS. Thông Luận lấy làm tiếc về những lỗi chính tả và thiếu sót mà thân hữu Phạm Ngọc Trường đã nêu ra. Những con số trong thư của tù nhân chính trị Phạm Văn Thành là của chính tác giả, chúng tôi xin cảm ơn Anh đã cho biết là không chính xác. Còn về những đoạn gạch dưới mà Anh cho là hơi nhiều, thì chúng tôi không biết làm cách nào để "bớt đi" vì phải tôn trọng cách trình bày của các tác giả. Xin Anh thông cảm và thành thực cảm ơn Anh đã góp ý kiến.

Không an toàn và không vui

[...] Tình hình văn nghệ sĩ ở trong nước cũng bị đát lăm. Tất cả bây giờ là cơ chế thị trường. Vì vậy nếu ai muốn xuất bản sách thì cứ phải bỏ tiền ra mà in. Mà in ra rồi rất ít người đọc. Do đó phần lớn là không thu về đủ vốn. Vào xem các cửa hàng sách Việt Nam ở trong nước mà buồn. Sách có giá trị rất ít. Phần lớn là sách in mỏng, ít giá trị về văn học, khảo cứu mà chủ yếu chạy theo thị húng nhất thời. Các nhà văn trong nước thuộc diện bất mãn nhiều nhất. [...]

Tôi cảm thấy không an toàn và không vui nếu sống lâu dài ở Việt Nam vì cuộc sống rất phức tạp, đạo đức nhân phẩm con người xuống cấp dễ sợ. [...]

Nguyễn Anh Tuấn (London)

Sổ Tay

Đá bóng

Không biết có cái gì quyến rũ trong quả bóng mà người ta say mê đến thế.

Thằng con tôi mới chưa đầy mười tuổi mà thuộc hết tên những cầu thủ xuất sắc của mỗi đội bóng đá. Danh từ "bóng đá" mới phổ biến sau ngày 30-4-1975. Nó chính xác hơn danh từ "bóng tròn" của miền Nam trước đây. "Bóng tròn" mơ hồ quá, bóng chuyền cũng tròn, bóng rổ cũng tròn. Tôi chấp nhận danh từ này một cách thoải mái, khác với một số danh từ khác mà "cách mạng" đã đem lại cho tiếng Việt, chẳng hạn như "hành chính sự nghiệp", "lao động tiền lương", "hải quan" v.v... "Hải Quan Tân Sơn Nhất" làm nhiều người thắc mắc: Tân Sơn Nhất đâu phải là cửa biển, sao không dùng chữ "quan thuế" như trước đây cho khỏi chướng tai? Nhưng không sao, trước lạ sau quen, và lại Tân Sơn Nhất chỉ cách biển 100 cây số đường chim bay.

Trở lại với bóng đá, mùa này là mùa của giải vô địch thế giới. Giải này coi bộ có tầm quan trọng ghê gớm đối với nhiều nước. Chính phủ Brazil lo ngại là nếu đội Brazil không thắng chắc chắn sẽ có nhiều người tự tử vì thất vọng, còn nếu thắng, nhân dân sẽ đổ hết ra đường liên hoan và sẽ đạp lên nhau mà chết. Báo chí còn nói nếu đội Ý không qua được vòng đầu, nước Ý có thể sẽ nổi bùng lên một cuộc cách mạng và chính phủ Berlusconi có thể bị lật đổ. Hai mươi bốn đội banh được chia làm sáu bảng và các đội trong mỗi bảng giao đấu với nhau theo một qui luật phức tạp, để rồi mỗi bảng chỉ còn hai đội, có khi ba đội, vào vòng trong, rồi từ đó mới theo qui luật bình thường: được đấu tiếp, thua đi ra, cho đến chung kết. Thằng con tôi học đốt mà lại thông minh lạ thường về bóng đá. Nó biết rõ nếu trận này đội A thắng đội B thì sẽ được vào vòng trong với điều kiện là đội C sẽ phải thắng hoặc hòa đội D..., nó giảng đi giảng lại cho tôi nghe mà tôi vẫn ù ù cạc cạc, cuối cùng nó đành phải chịu thua và kết luận "bố tối dạ quá" (Mais tu es bête, papa!). Cũng được, con hơn cha là nhà có phúc.

Ngày nào trong bữa cơm tối tôi cũng được một bản phúc trình đầy đủ về diễn biến trong ngày của giải bóng đá. Và kết quả các trận đấu là cả một sự khó hiểu. Đội Mỹ huê đội Thụy Sĩ, nhưng lại thắng đội Colombia, trong khi đội Colombia đê bẹp đội Thụy Sĩ. Đội Thụy Sĩ soi tái đội Romania 4-1, trong khi đội Romania lại dứt điểm đội Colombia đã từng nhai ngon lành đội Thụy Sĩ. Thế là nghĩa gì? Ky giờ nhau chẳng?

Nghe nói là không có chuyện ky giờ vì các đội banh đều rất chuyên nghiệp và đều nghiên cứu rất tỉ mỉ đấu pháp của nhau. Không có chuyện bất ngờ và cũng không có chuyện ky giờ ở thời điểm này của môn bóng đá nữa. Và lại, cứ lấy hai đội với nhau thôi, có khi hai đội gặp nhau trong khoảng một tuần lễ với cùng

những cầu thủ đó mà tuần này đội này thắng lộn, rồi tuần tới lại thua to.

Thế là nghĩa gì? Một anh bạn tối dùng cơm tối với vợ chồng tôi giải thích rằng các cuộc thi đấu bây giờ gay go lắm. Các đội banh lớn đều sàn sàn như nhau, đều tập luyện công phu, đều có đầy đủ phương tiện và kỹ thuật. Chỉ hơn nhau trong đường tơ kẽ tóc. Tất cả vấn đề ăn thua tùy ở chỗ ngày ra quân, đội banh có sung sức không. Một đội bóng dù xuất sắc tới đâu mà chỉ cần một hai cầu thủ hơi sút một chút là tiêu ngay. Mà sút đây không có nghĩa là yếu mệt, cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi đau. Các cầu thủ đều là những bộ máy tuyệt vời, thể lực của họ lúc nào cũng hoàn hảo 100%. Sút hoàn toàn là vấn đề tâm lý. Bóng đứng nghĩ rằng vợ có thể cho mình mọc sừng, bực bội vì ông bầu có vẻ độc tài, vì báo chí đề cao hơi quá một đồng đội trong khi hẳn làm bàn là do công của mình đưa bóng, v.v... chỉ một vài bực bội nho nhỏ, noi một vài cầu thủ thôi, là đội bóng đá đi doang.

Bạn tôi, một chuyên gia về đá bóng truyền hình và một độc giả rất chăm chú của các tờ báo thể thao, quả quyết:

- Ở thời đại này, một ông bầu giỏi trước hết là một ông bầu biết tạo một không khí thoải mái, hài hòa trong đội bóng của mình. Chỉ trực tâm lý một chút thôi là bỏ mẹ ngay lập tức.

Câu nói của anh bạn làm tôi nảy ra một sáng kiến. Cứ gì bóng đá, cái gì cũng thế, tinh thần đồng đội mà không vững là tiêu ngay. Một dân tộc mà chính quyền cứ áp đặt và hù dọa thì chỉ có nước bất mãn, hậm hực, thua kém dài dài, tụt hậu và làm cu-li cho người ta. Có lẽ các ông lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam không biết môn bóng đá. Nếu họ biết và suy nghĩ về bóng đá chắc hẳn họ sẽ đổi thái độ, họ sẽ rút bài học, sẽ hiểu rằng chuyên chính không phải là giải pháp, và cả nước sẽ được nhờ. Đất nước có dân chủ và tự do, mọi người sẽ hân hoan và phấn khởi, và Việt Nam sẽ tiến bộ và giàu mạnh.

A ra thế, vấn đề chỉ giản dị như vậy. Tôi tự hỏi tại sao mình cứ phải chống đối gay go làm gì. Tại sao không giải quyết với nhau một cách văn minh? Tại sao cộng đồng người Việt hải ngoại không góp tiền lại rồi trân trọng và kính cẩn mời tất cả các vị trong Bộ chính trị trung ương Đảng đi qua Mỹ dự giải vô địch bóng đá thế giới? Họ sẽ thấy tận mắt, sẽ hiểu là chính sách độc tài không động viên được sinh lực quốc gia và sẽ thay đổi cả tư duy lẫn chính sách. Cùng lắm tốn 10 triệu đô-la chứ gì, cộng đồng mình 2 triệu người, mỗi người năm đô-la. Vấn đề đất nước có thể giải quyết gọn nhẹ và nhanh chóng, một cách có nghĩa có tình, trong hòa bình và ổn định.

Chỉ sợ quý vị ủy viên Bộ chính trị lại không thích. Không chừng họ lại thấy là lối chơi bóng đá của bọn tư bản lười thôi và kém hiệu năng quá, rồi kết luận rằng lối chơi vừa đá bóng và vừa thổi còi phạt là hay nhất, hay gấp triệu lần lối chơi bóng đá phản động, cũng như chủ nghĩa Mác-Lênin dân chủ gấp triệu lần chủ nghĩa tư bản. Chẳng bao giờ sợ thua, thắng lợi có thể biết chắc chắn trước khi thi đấu. Như những cuộc bầu cử do họ tổ chức.

Phù Du

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin dùng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages

91200 ATHIS-MONS, FRANCE